

SỞ GD&ĐT:

TRƯỜNG:

TỔ: TRẢI NGHIỆM HƯỚNG NGHIỆP

KẾ HOẠCH BÀI DẠY
HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP 11
(Năm học 2026 - 2027)

CHỦ ĐỀ 6. BẢO TỒN CẢNH QUAN THIÊN NHIÊN
(Số tiết: 6 — tuần 20 đến tuần 22, tiết 60 đến tiết 65)

Giáo viên: | Lớp: | Ngày dạy:

I. MỤC TIÊU**1. Kiến thức – yêu cầu cần đạt**

Sau chủ đề này, học sinh:

- Nhận ra được ý nghĩa của cảnh quan thiên nhiên đối với trạng thái cảm xúc của bản thân và chỉ ra được những yếu tố tạo nên cảm xúc ấy.
- Nêu được ít nhất ba biểu hiện của sự chủ động, tích cực thực hiện việc bảo tồn cảnh quan thiên nhiên; phân biệt được việc làm bảo tồn với việc làm gây hại.
- Lập được kế hoạch đánh giá thực trạng bảo tồn một danh lam thắng cảnh ở địa phương, đủ các mục theo khung ở sách giáo khoa trang 45 và trang 46.
- Thiết kế được phiếu quan sát và câu hỏi phỏng vấn dùng cho cuộc khảo sát của nhóm.
- Đánh giá được thực trạng bảo tồn danh lam thắng cảnh của cộng đồng dân cư tại địa phương và viết được báo cáo kết quả đánh giá.
- Xây dựng và thực hiện được kế hoạch hoạt động quảng bá hình ảnh, kêu gọi mọi người bảo tồn cảnh quan thiên nhiên theo khung ở sách giáo khoa trang 47 và trang 48.
- Chủ động thực hiện những việc làm bảo tồn cảnh quan thiên nhiên, danh lam thắng cảnh và vận động người thân, bạn bè cùng thực hiện.

2. Năng lực

Năng lực trải nghiệm, hướng nghiệp: năng lực thích ứng với cuộc sống khi tiếp xúc với ban quản lý danh lam thắng cảnh và người dân trong quá trình khảo sát; năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động khi lập kế hoạch khảo sát, kế hoạch quảng bá và theo dõi tiến độ.

Năng lực chung: giao tiếp và hợp tác khi phỏng vấn người lạ và khi chia việc trong nhóm khảo sát; giải quyết vấn đề và sáng tạo khi số liệu thu về khác với dự đoán ban đầu; tự chủ và tự học khi tự đọc tư liệu về cảnh quan địa phương.

Năng lực số và AI (theo Phụ lục 3)

3.1.NC1a – 3.1 Phát triển nội dung số — Tạo và chỉnh sửa được nội dung số ở các định dạng khác nhau, nhằm thể hiện bản thân thông qua các phương tiện số.. Cụ thể trong chủ đề này: HS chụp ảnh cảnh quan địa phương, thiết kế poster hoặc bài trình chiếu quảng bá kèm thông điệp bảo tồn, chỉnh sửa theo góp ý của tổ rồi trình chiếu trên tivi lớp.

11.A2 – A2. AI vì sự tiến bộ của con người — Bền vững và công bằng. Cụ thể trong chủ đề này: HS nêu ví dụ AI hỗ trợ bảo tồn cảnh quan, phân tích yếu tố bền vững và

công bằng của ví dụ đó, đối chiếu với điều kiện thực tế cảnh quan địa phương mình trước khi đưa vào poster.

Minh chứng: phiếu cảm xúc và yếu tố tạo nên cảm xúc; kế hoạch đánh giá thực trạng bảo tồn kèm phiếu quan sát và câu hỏi phỏng vấn do nhóm thiết kế; báo cáo kết quả đánh giá thực trạng; tờ rơi quảng bá trên giấy A3 có ghi nguồn hình và bản đã chỉnh sửa góp ý; phiếu phân tích ví dụ trí tuệ nhân tạo hỗ trợ bảo tồn.

3. Phẩm chất

Yêu nước: yêu quý cảnh đẹp của quê hương, tự hào giới thiệu cảnh quan nơi mình sống với người khác.

Nhân ái: giữ gìn cảnh quan cho người đến sau, tôn trọng người làm công việc trông coi danh lam thắng cảnh.

Trách nhiệm: không xả rác, không khắc tên lên cây và đá; nhận phần việc khảo sát đã phân công và làm đến cùng.

Trung thực: báo cáo đúng những gì quan sát được, không thêm bớt cho báo cáo đẹp hơn.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

Giáo viên: sách giáo khoa Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống), trang 43–48 và sách giáo viên; tivi và một máy tính của lớp có nối mạng; giấy A3, giấy A4, bút màu, kéo và hồ dán để làm tờ rơi; bản in khung kế hoạch đánh giá thực trạng bảo tồn ở trang 45 và trang 46; bản in khung kế hoạch quảng bá ở trang 47 và trang 48; bản in tình huống nhóm học sinh tham quan vườn quốc gia ở trang 45; tranh ảnh hoặc video ngắn về cảnh đẹp quê hương như Khu du lịch Thanh Thủy, Khu di tích lịch sử Đền Lãng Suong, Tượng đài Tu Vũ; bản in một ví dụ về phần mềm đếm lượt khách và cảnh báo quá tải, dùng số liệu giả định; phiếu học tập ở Phụ lục 1.

Học sinh: sách giáo khoa, vở, bút; ảnh hoặc tư liệu sưu tầm được về một cảnh quan, danh lam thắng cảnh ở địa phương; sổ ghi chép dùng khi đi khảo sát.

Phương án dự phòng: trường chỉ có tivi và một máy tính của giáo viên, học sinh không có thiết bị riêng nên tờ rơi, phiếu quan sát và báo cáo đều làm trên giấy; giáo viên là người thao tác trên máy. Nhóm nào không có ảnh chụp thì vẽ lại cảnh quan bằng bút màu hoặc dùng ảnh in sẵn do giáo viên chuẩn bị, vẫn được tính là tư liệu đầy đủ. Khi mất điện hoặc không có mạng, các nhóm treo tờ rơi giấy A3 lên bảng thay cho chiếu tivi; tiết học vẫn chạy đủ nội dung.

An toàn: khi đi khảo sát thực địa, học sinh đi theo nhóm vào ban ngày, báo trước với gia đình và với ban quản lý danh lam thắng cảnh, không tách đoàn, không trèo lên vách đá hay xuống mép nước để chụp ảnh, không đi vào khu vực có biển cấm. Khi phỏng vấn, học sinh hỏi ý kiến trước rồi mới ghi chép; tên người được phỏng vấn ghi bằng chữ cái đầu, không ghi số điện thoại hay địa chỉ nhà. Học sinh không đăng nhập tài khoản cá nhân trên máy của lớp và không tự đăng ảnh người dân lên mạng.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Mạch bài: cảm nhận vẻ đẹp → nhận ra thế nào là bảo tồn chủ động → lập kế hoạch đi khảo sát → khảo sát và báo cáo thực trạng → làm tờ rơi quảng bá → mang ra dùng thật rồi tự đánh giá.

Tiết	Câu hỏi hoặc nội dung trung tâm	Sản phẩm nối tiếp	Thời gian
60	Đứng trước một cảnh đẹp em thấy gì trong lòng, và vì sao lại thấy như vậy?	Phiếu cảm xúc kèm ba yếu tố tạo nên cảm xúc ấy	45 phút
61	Khắc tên lên thân cây và đi gom rác, đâu mới là bảo tồn chủ động?	Bảng biểu hiện của sự chủ động, tích cực bảo tồn cảnh quan	45 phút
62	Muốn biết danh lam thắng cảnh quê mình đang được giữ ra sao thì hỏi ai, xem gì?	Kế hoạch đánh giá thực trạng bảo tồn kèm phiếu quan sát và câu hỏi phỏng vấn	45 phút
63	Số liệu mang về nói lên điều gì về thực trạng bảo tồn?	Báo cáo kết quả đánh giá thực trạng của nhóm	45 phút
64	Làm một tờ rơi thể nào để người đọc muốn giữ gìn cảnh quan?	Tờ rơi quảng bá trên giấy A3 và kế hoạch quảng bá của nhóm	45 phút
65	Phát tờ rơi xong thì được gì và em sẽ giữ cảnh quan bằng việc gì?	Báo cáo kết quả quảng bá và cam kết việc làm bảo tồn của cá nhân	45 phút

TIẾT 60. CẢNH QUAN THIÊN NHIÊN VÀ CẢM XÚC CỦA EM

Hoạt động 1. Mở đầu – Một nơi em muốn quay lại (8')

a) Mục tiêu: Khơi lên cảm xúc với cảnh quan thiên nhiên và làm xuất hiện nhu cầu tìm hiểu vì sao cảnh quan ấy cần được giữ gìn.

b) Nội dung: Giáo viên chiếu vài hình ảnh cảnh đẹp của quê hương, sau đó mỗi học sinh nhớ lại một nơi mình từng đến và muốn quay lại. Học sinh trả lời ba câu hỏi mở đầu ở mục A của Phụ lục 1.

c) Sản phẩm: Ba câu trả lời ngắn của mỗi học sinh ở mục A Phụ lục 1; danh sách các cảnh quan, danh lam thắng cảnh ở địa phương được ghi lên bảng lớp.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (1'): Giáo viên chiếu hình ảnh cảnh đẹp quê hương, phát Phụ lục 1 và yêu cầu mỗi em trả lời ba câu hỏi mục A trong ba phút.

2. Thực hiện nhiệm vụ (3'): Học sinh nhớ lại và viết câu trả lời cá nhân. Giáo viên đi một vòng, nhắc em nào chưa đi đâu xa thì lấy ngay một nơi gần nhà như bờ sông, đồi chè hay khu di tích.

3. Báo cáo, thảo luận (3'): Bốn đến năm học sinh kể nơi mình chọn. Giáo viên ghi tên các cảnh quan lên bảng, gom thành danh sách cảnh quan và danh lam thắng cảnh của địa phương.

4. Kết luận, nhận định (1'): GV chốt: Danh sách trên bảng là vốn quý của quê mình. Sáu tiết tới lớp sẽ đi xem những nơi ấy đang được giữ gìn ra sao và làm gì để nhiều người biết tới.

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới và giải quyết vấn đề

a) Mục tiêu: Đi đủ bốn định hướng nội dung của chủ đề trong sách giáo khoa trang 44, từ ý nghĩa của cảnh quan với cảm xúc bản thân đến đánh giá thực trạng bảo tồn, lập và thực hiện kế hoạch quảng bá, kêu gọi mọi người cùng bảo tồn.

b) Nội dung: Bảy nhiệm vụ nối tiếp nhau, trải từ tiết 60 đến tiết 65, bám bảy hoạt động của sách giáo khoa từ trang 45 đến trang 48.

c) **Sản phẩm:** Chuỗi sản phẩm ghi ở cột thứ ba của bảng mạch tiết phía trên; toàn bộ được lưu vào Phụ lục 1 của từng học sinh và giấy A3 của nhóm.

d) Tổ chức thực hiện

Nhiệm vụ 2.1. Chia sẻ cảm xúc khi ngắm nhìn cảnh quan thiên nhiên (18')

a) **Mục tiêu:** Chia sẻ được cảm xúc của bản thân khi ngắm nhìn cảnh quan thiên nhiên và gọi đúng tên cảm xúc ấy.

b) **Nội dung:** Theo yêu cầu thứ nhất ở sách giáo khoa trang 45, mỗi học sinh kể về một lần đứng trước cảnh quan thiên nhiên và nói rõ khi ấy trong lòng thấy thế nào, dùng những từ chỉ cảm xúc cụ thể thay cho từ chung chung là thích hay đẹp.

c) **Sản phẩm:** Phiếu cảm xúc của mỗi học sinh gồm tên cảnh quan, thời điểm đến và ít nhất hai từ chỉ cảm xúc cụ thể kèm một câu tả lại khoảnh khắc đó.

d) Tổ chức thực hiện

1. **Chuyển giao nhiệm vụ (3'):** Giáo viên viết lên bảng một dãy từ chỉ cảm xúc như dễ chịu, lắng lại, choáng ngợp, nhẹ nhõm, tiếc nuối; nêu yêu cầu tránh dùng từ chung chung là thích hay đẹp.

2. **Thực hiện nhiệm vụ (8'):** Học sinh viết phiếu cá nhân rồi kể cho bạn cùng bàn nghe. Giáo viên đi một vòng, hỏi em nào chỉ viết một chữ đẹp: lúc đó em nghe thấy gì, nghĩ thấy gì và tự nhiên muốn làm gì.

3. **Báo cáo, thảo luận (4'):** Sáu học sinh kể trước lớp, mỗi em khoảng nửa phút. Lớp nhặt ra những từ chỉ cảm xúc lặp lại nhiều nhất và ghi lên bảng.

4. **Kết luận, nhận định (3'):** GV chốt: Cảnh quan thiên nhiên tác động thật vào trạng thái cảm xúc của mỗi người, thường theo hướng làm ta bình tâm và dễ chịu hơn. Gọi đúng tên cảm xúc giúp ta hiểu vì sao mình muốn giữ nơi ấy nguyên vẹn.

Nhiệm vụ 2.2. Những yếu tố tạo nên cảm xúc ấy (19')

a) **Mục tiêu:** Chỉ ra được những yếu tố tạo nên cảm xúc của bản thân khi ngắm nhìn cảnh quan thiên nhiên và nhận ra yếu tố nào sẽ mất đi nếu cảnh quan bị xâm hại.

b) **Nội dung:** Theo yêu cầu thứ hai ở sách giáo khoa trang 45, các nhóm thảo luận để tìm những yếu tố tạo nên cảm xúc, gồm yếu tố thuộc về cảnh vật như màu sắc, âm thanh, không gian, sự yên tĩnh và yếu tố thuộc về người ngắm như tâm trạng lúc đó, người đi cùng, kỉ niệm gắn với nơi ấy.

c) **Sản phẩm:** Sơ đồ hai nhánh của nhóm trên giấy A3: nhánh yếu tố thuộc về cảnh vật và nhánh yếu tố thuộc về người ngắm; mỗi nhánh ít nhất ba yếu tố, có đánh dấu yếu tố sẽ mất đi nếu cảnh quan bị xâm hại.

d) Tổ chức thực hiện

1. **Chuyển giao nhiệm vụ (3'):** Giáo viên chia lớp thành sáu nhóm, phát giấy A3 và vẽ mẫu sơ đồ hai nhánh lên bảng; nêu thêm yêu cầu đánh dấu yếu tố sẽ mất đi nếu cảnh quan bị xâm hại.

2. **Thực hiện nhiệm vụ (8'):** Các nhóm lập sơ đồ và đánh dấu. Giáo viên gợi ý bằng câu hỏi: nếu nơi ấy mọc thêm một dãy hàng quán và loa mở to thì yếu tố nào biến mất đầu tiên.

3. **Báo cáo, thảo luận (5'):** Ba nhóm treo sơ đồ và trình bày. Lớp so sánh phần đánh dấu, chỉ ra yếu tố dễ mất nhất là sự yên tĩnh và không gian nguyên vẹn.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Cảm xúc trước cảnh quan không chỉ do cảnh vật mà còn do tâm trạng và kỉ niệm của mỗi người. Nhưng phần thuộc về cảnh vật lại là phần dễ mất nhất, và một khi mất thì rất khó lấy lại.

TIẾT 61. BIỂU HIỆN CỦA SỰ CHỦ ĐỘNG, TÍCH CỰC BẢO TỒN CẢNH QUAN

Kết nối hai tiết (3'): Tiết trước lớp đã thấy phần dễ mất nhất của một cảnh quan chính là sự nguyên vẹn của nó. Tiết này bàn xem giữ được sự nguyên vẹn ấy thì cần những việc làm nào.

Nhiệm vụ 2.3. Phân tích tình huống ở vườn quốc gia (20')

a) Mục tiêu: Nhận xét được việc làm của các bạn học sinh trong tình huống và giải thích được việc làm nào thể hiện sự chủ động, tích cực bảo tồn cảnh quan thiên nhiên.

b) Nội dung: Học sinh phân tích tình huống nguyên văn ở sách giáo khoa trang 45: một nhóm học sinh trung học phổ thông đi tham quan, dã ngoại ở vườn quốc gia; một số bạn khắc tên mình lên thân cây và phiến đá bên đường để lưu giữ kỉ niệm, trong khi một số bạn khác đi gom rác quanh khu vực tham quan. Lớp trả lời hai câu hỏi của sách.

c) Sản phẩm: Phiếu nhận xét của nhóm gồm hai phần: nhận xét về từng nhóm bạn trong tình huống, và câu trả lời cho câu hỏi việc làm đó có thể hiện sự chủ động, tích cực bảo tồn hay không, kèm lí do.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3'): Giáo viên phát bản in tình huống ở trang 45 và đọc hai câu hỏi của sách; nhắc các nhóm phải trả lời cả hai câu, không dừng ở việc chê nhóm khắc tên.

2. Thực hiện nhiệm vụ (9'): Các nhóm thảo luận và viết phiếu. Giáo viên gợi ý bằng câu hỏi: vết khắc trên thân cây bao lâu thì lành, và việc gom rác có làm cảnh quan tốt lên lâu dài không hay chỉ sạch trong hôm đó.

3. Báo cáo, thảo luận (5'): Ba nhóm trình bày. Lớp tranh luận một điểm: gom rác đã đủ gọi là chủ động, tích cực chưa, hay mới chỉ là không làm hại.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Khắc tên lên thân cây và phiến đá là làm hỏng chính thứ mình muốn lưu giữ, vì vết khắc ở lại rất lâu. Gom rác là việc tốt, nhưng chủ động và tích cực còn đòi hỏi làm cho việc ấy tiếp diễn sau khi mình đã về, chẳng hạn nhắc bạn khác cùng giữ.

Nhiệm vụ 2.4. Biểu hiện của sự chủ động, tích cực bảo tồn cảnh quan (22')

a) Mục tiêu: Nêu được ít nhất ba biểu hiện của sự chủ động, tích cực thực hiện việc bảo tồn cảnh quan thiên nhiên và xếp được biểu hiện theo mức độ.

b) Nội dung: Từ ba gợi ý ở sách giáo khoa trang 45 gồm giữ gìn vệ sinh môi trường và cấu trúc cảnh quan thiên nhiên, xây dựng và thực hiện kế hoạch tuyên truyền vận động mọi người bảo tồn, đề xuất với những người có trách nhiệm các biện pháp bảo tồn tốt hơn, các nhóm bổ sung thêm biểu hiện vào ô còn để trống rồi xếp các biểu hiện theo ba mức.

c) Sản phẩm: Bảng ba mức của nhóm: mức tự mình không làm hại, mức tự mình làm thêm việc có ích, mức kéo được người khác cùng làm; mỗi mức có ít nhất hai biểu hiện.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3'): Giáo viên đọc ba gợi ý ở trang 45, kẻ bảng ba mức lên bảng lớp và giải thích khác biệt giữa ba mức bằng chính tình huống vườn quốc gia vừa phân tích.

2. Thực hiện nhiệm vụ (9'): Các nhóm xếp biểu hiện vào ba mức và nghĩ thêm biểu hiện mới. Giáo viên nhắc mỗi biểu hiện phải là một việc làm được, không viết thái độ chung chung như yêu thiên nhiên.

3. Báo cáo, thảo luận (7'): Ba nhóm trình bày bảng. Lớp chỉ ra biểu hiện nào của nhóm bạn còn xếp nhầm mức và giải thích vì sao. Sau đó mỗi nhóm chọn một biểu hiện ở mức thứ ba mà lớp mình làm được ngay trong tháng này và ghi lên bảng lớp.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Ba mức này nối tiếp nhau. Không làm hại là điều tối thiểu ai cũng làm được; chủ động thật sự bắt đầu từ mức thứ hai, và có sức lan toả nhất là mức thứ ba khi mình kéo được người khác cùng giữ gìn.

TIẾT 62. LẬP KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG BẢO TỒN DANH LAM THẮNG CẢNH

Kết nối hai tiết (3'): Hai tiết đầu lớp đã biết thế nào là bảo tồn chủ động. Tiết này bước sang phần việc lớn nhất của chủ đề là tự đi xem danh lam thắng cảnh quê mình đang được giữ gìn đến đâu.

1/...
2/...
3/...
4/...

- Thời gian tiến hành: từ... đến...
- Nội dung khảo sát:
 - + Những hoạt động, hành vi, việc làm người dân ở địa phương đã thực hiện để bảo tồn danh lam thắng cảnh.
 - + Kết quả bảo tồn danh lam thắng cảnh đã đạt được.
 - + Những vấn đề còn tồn tại trong việc bảo tồn danh lam thắng cảnh.
 - + Những biện pháp mà cộng đồng dân cư địa phương cần thực hiện để danh lam thắng cảnh được bảo tồn tốt hơn.
- Phương pháp khảo sát:
 - + Quan sát hiện trường.
 - + Phỏng vấn những người có liên quan (Ban quản lý danh lam thắng cảnh, chính quyền địa phương, người dân trong cộng đồng).
 - + Nghiên cứu tư liệu (Bài báo, báo cáo,... có liên quan).
- Phương tiện khảo sát:
 - + Giấy/sổ ghi chép, bút, điện thoại thông minh/máy ảnh, máy tính.
 - + Phiếu quan sát.
 - + Câu hỏi phỏng vấn.
 - + ...
- Phân công nhiệm vụ và thời gian thực hiện:

TT	Nhiệm vụ	Người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Thiết kế phiếu quan sát và câu hỏi phỏng vấn	Cả nhóm	...
2	Khảo sát, thu thập thông tin: - Quan sát thực địa - Phỏng vấn những người có liên quan - Nghiên cứu tư liệu	- Các bạn:..... - Các bạn:..... - Các bạn:.....	...
3	Phân tích, xử lý thông tin	Cả nhóm	...
4	Viết báo cáo đánh giá thực trạng	Thư kí nhóm	...
5	Trình bày báo cáo	Nhóm trưởng	...

Nhiệm vụ 2.5. Chọn danh lam thắng cảnh và lập kế hoạch khảo sát (42')

a) Mục tiêu: Lựa chọn được một danh lam thắng cảnh ở địa phương và lập được kế hoạch đánh giá thực trạng bảo tồn danh lam thắng cảnh đó, đủ các mục theo khung ở sách giáo khoa; thiết kế được phiếu quan sát và câu hỏi phỏng vấn.

b) Nội dung: Học sinh dùng khung kế hoạch ở sách giáo khoa trang 45 và trang 46 làm khuôn, gồm tên danh lam thắng cảnh khảo sát, nhóm thực hiện, thời gian tiến hành, bốn nội dung khảo sát, ba phương pháp khảo sát, phương tiện khảo sát và bảng phân công nhiệm vụ năm dòng; sau đó nhóm tự viết phiếu quan sát và ba câu hỏi phỏng vấn của mình, điền vào mục D1 Phụ lục 1.

c) Sản phẩm: Bản kế hoạch đánh giá thực trạng bảo tồn của nhóm, đủ các mục theo khung, có bảng phân công năm dòng ghi rõ tên người và thời gian; kèm phiếu quan sát và ba câu hỏi phỏng vấn do nhóm tự viết.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (6'): Giáo viên chiếu khung kế hoạch ở trang 45 và trang 46, chỉ rõ bốn nội dung khảo sát và ba phương pháp là quan sát hiện trường, phỏng vấn những người có liên quan, nghiên cứu tư liệu; giao mỗi nhóm chọn một danh lam thắng cảnh trong danh sách đã lập ở tiết 60.

2. Thực hiện nhiệm vụ (20'): Các nhóm điền kế hoạch, chia việc theo bảng năm dòng rồi viết phiếu quan sát và ba câu hỏi phỏng vấn. Giáo viên đi từng nhóm, kiểm tra hai điều: bảng phân công đã ghi tên người cụ thể chưa, và câu hỏi phỏng vấn có phải câu hỏi mở không hay chỉ trả lời được bằng có và không.

3. Báo cáo, thảo luận (11'): Ba nhóm trình bày kế hoạch và đọc ba câu hỏi phỏng vấn của mình. Lớp đóng vai người được phỏng vấn để thử câu hỏi, chỉ ra câu nào khó trả lời hoặc dễ gây khó chịu.

4. Kết luận, nhận định (5'): GV chốt: Kế hoạch khảo sát tốt là kế hoạch nói rõ ai đi hỏi ai, hỏi gì và ghi vào đâu. Câu hỏi phỏng vấn nên là câu hỏi mở để người trả lời kể được, và phải hỏi xin phép trước khi ghi chép.

TIẾT 63. BÁO CÁO KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG BẢO TỒN

Kết nối hai tiết (3'): Giữa tiết 62 và tiết 63, các nhóm đã đi khảo sát theo kế hoạch của mình. Tiết này biến những gì ghi trong sổ thành một bản báo cáo đọc được và tin được.

Nhiệm vụ 2.6. Viết và trình bày báo cáo kết quả đánh giá thực trạng (42')

a) Mục tiêu: Đánh giá được thực trạng bảo tồn danh lam thắng cảnh của cộng đồng dân cư tại địa phương; viết và trình bày được báo cáo kết quả đánh giá; đề xuất được việc cộng đồng cần làm để bảo tồn tốt hơn.

b) Nội dung: Theo bốn yêu cầu ở sách giáo khoa trang 47, các nhóm xử lý thông tin thu được rồi viết báo cáo theo đúng bốn nội dung khảo sát đã đặt ra: việc người dân đã làm để bảo tồn, kết quả đã đạt được, vấn đề còn tồn tại và biện pháp cộng đồng cần thực hiện. Sau đó cả lớp thảo luận chung về những việc làm cần thiết để cảnh quan được bảo tồn tốt hơn.

c) **Sản phẩm:** Báo cáo kết quả đánh giá thực trạng của nhóm trên giấy A3, đủ bốn nội dung, mỗi nhận định kèm dẫn chứng là số liệu quan sát hoặc lời người được phỏng vấn; danh sách việc cần làm của cả lớp ghi trên bảng.

d) **Tổ chức thực hiện**

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5'): Giáo viên nêu cấu trúc báo cáo bám đúng bốn nội dung khảo sát và nhấn mạnh quy tắc: mỗi nhận định phải có dẫn chứng đi kèm, lời người được phỏng vấn ghi bằng chữ cái đầu.

2. Thực hiện nhiệm vụ (18'): Các nhóm xử lý thông tin và viết báo cáo. Giáo viên đi từng nhóm, hỏi lại nhóm nào viết nhận định chung chung: em nhìn thấy gì hoặc ai đã nói câu đó để em kết luận như vậy. Nhóm nào số liệu ít thì hướng dẫn ghi rõ giới hạn của cuộc khảo sát.

3. Báo cáo, thảo luận (14'): Các nhóm trình bày báo cáo, mỗi nhóm khoảng hai phút. Sau đó cả lớp thảo luận chung về việc cần làm để bảo tồn tốt hơn, dựa vào hai gợi ý của sách là giữ gìn vệ sinh môi trường danh lam thắng cảnh và không lấn chiếm, sử dụng trái phép không gian danh lam thắng cảnh; giáo viên ghi danh sách lên bảng.

4. Kết luận, nhận định (5'): GV chốt: Một báo cáo đánh giá thực trạng chỉ có sức nặng khi mỗi câu nhận định đều dựa vào điều nhìn thấy hoặc nghe được, và khi người viết dám nói rõ cuộc khảo sát của mình còn thiếu gì. Danh sách việc cần làm trên bảng chính là nội dung để lớp mang đi tuyên truyền ở hai tiết tới.

TIẾT 64. THIẾT KẾ TỜ RƠI VÀ LẬP KẾ HOẠCH QUẢNG BÁ CẢNH QUAN

Kết nối hai tiết (3'): Báo cáo của các nhóm đã chỉ ra cảnh quan quê mình đang thiếu gì. Tiết này lớp làm một việc để nhiều người biết tới điều đó, bắt đầu bằng một tờ rơi.

**KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG QUẢNG BÁ VÀ TUYÊN TRUYỀN
BẢO VỆ CẢNH QUAN THIÊN NHIÊN**

Nhóm: ...
Lớp 11..., Trường THPT...

- Mục đích hoạt động: Quảng bá hình ảnh cảnh quan thiên nhiên và tuyên truyền, kêu gọi mọi người bảo tồn cảnh quan.
- Đối tượng tuyên truyền: Người dân địa phương và khách du lịch.
- Nội dung tuyên truyền:
 - + Vẻ đẹp của cảnh quan.
 - + Những lợi ích mà cảnh quan đã mang lại cho người dân ở địa phương và khách du lịch.
 - + Những hoạt động, việc làm mọi người cần thực hiện để bảo tồn được vẻ đẹp tự nhiên của cảnh quan.
- Hình thức tuyên truyền:

Phát tờ rơi, trên đó có hình ảnh về cảnh đẹp của cảnh quan cùng những lợi ích mà cảnh quan đó đã mang lại cho người dân ở địa phương, khách du lịch và thông điệp kêu gọi mọi người thực hiện những hoạt động, việc làm cần thiết để bảo tồn vẻ đẹp tự nhiên của cảnh quan.

Khung kế hoạch hoạt động quảng bá và tuyên truyền bảo vệ cảnh quan thiên nhiên — SGK trang 47 và trang 48

Nhiệm vụ 2.7. Thiết kế tờ rơi và xây dựng kế hoạch quảng bá (42')

a) **Mục tiêu:** Thiết kế được một tờ rơi quảng bá cảnh quan địa phương kèm thông điệp kêu gọi bảo tồn, ghi rõ nguồn của mỗi hình; xây dựng được kế hoạch hoạt động quảng bá theo khung ở sách giáo khoa trang 47 và trang 48.

b) Nội dung: Mỗi nhóm thiết kế trên giấy A3 một tờ rơi gồm bốn phần theo gợi ý của sách: hình ảnh vẽ đẹp của cảnh quan, những lợi ích cảnh quan mang lại cho người dân địa phương và khách du lịch, những việc mọi người cần làm để bảo tồn, và một dòng thông điệp kêu gọi. Sau đó nhóm điền kế hoạch quảng bá vào mục D2 Phụ lục 1 với các mục đích, đối tượng, nội dung, hình thức, địa điểm, thời gian và phân công nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Tờ rơi trên giấy A3 của nhóm, có ghi nguồn từng hình và tên người chụp hoặc người vẽ; bản kế hoạch quảng bá đủ các mục theo khung; bản tờ rơi đã chỉnh sau khi lớp góp ý.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (6'): Giáo viên chiếu khung kế hoạch ở trang 47 và trang 48, chỉ ra bốn phần bắt buộc của tờ rơi và nêu quy định về nguồn hình: mỗi hình phải ghi rõ ai chụp hoặc lấy từ đâu, không dùng ảnh có mặt người lạ khi chưa xin phép.

2. Thực hiện nhiệm vụ (18'): Các nhóm phân bổ cục rồi hoàn thiện tờ rơi trên giấy A3 và điền kế hoạch quảng bá. Giáo viên đi từng nhóm, nhắc dòng thông điệp phải ngắn và nói được một việc cụ thể, không viết khẩu hiệu dài.

3. Báo cáo, thảo luận (13'): Giáo viên gõ lại nội dung tờ rơi của hai nhóm lên máy tính của lớp và chiếu tivi để cả lớp so bản giấy với bản trên màn hình: chữ nào quá dài, phần nào nên đưa lên trên, hình nào nên phóng to. Các nhóm ghi góp ý rồi sửa lại bản giấy của mình.

4. Kết luận, nhận định (5'): GV chốt: Người nhận tờ rơi chỉ nhìn khoảng vài giây, nên hình phải bắt mắt và thông điệp phải nói được một việc làm được ngay. Ghi nguồn hình không phải thủ tục thừa mà là cách tôn trọng người đã chụp và người có mặt trong ảnh.

TIẾT 65. THỰC HIỆN QUẢNG BÁ, BẢO TỒN VÀ TỔNG KẾT CHỦ ĐỀ

Kết nối hai tiết (3'): Giữa tiết 64 và tiết 65, các nhóm đã mang tờ rơi đi phát ở khu dân cư và nơi có cảnh quan. Tiết cuối nhìn lại kết quả, bàn về vai trò của công nghệ trong bảo tồn và khép chủ đề bằng cam kết của mỗi người.

Nhiệm vụ 2.8. Chia sẻ kết quả hoạt động quảng bá (14')

a) Mục tiêu: Thực hiện được hoạt động quảng bá hình ảnh và kêu gọi bảo tồn cảnh quan theo kế hoạch; chia sẻ được kết quả và cảm xúc khi thực hiện.

b) Nội dung: Theo yêu cầu ở sách giáo khoa trang 48, mỗi nhóm báo cáo hai phần: kết quả hoạt động quảng bá gồm nơi đã phát, số tờ rơi đã phát và phản hồi của người nhận; cảm xúc của các thành viên khi thực hiện.

c) Sản phẩm: Bản báo cáo ngắn của nhóm gồm hai phần, kèm tư liệu là ghi chép, ảnh chụp hoặc chữ ký xác nhận của người phụ trách nơi nhóm đến.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (2'): Giáo viên nêu hai phần bắt buộc của báo cáo, giới hạn mỗi nhóm khoảng một phút rưỡi và nhắc quy định về tư liệu người dân.

2. Thực hiện nhiệm vụ (5'): Các nhóm sắp xếp tư liệu và thống nhất người trình bày. Giáo viên nhắc phần phản hồi phải kể cả phản hồi chưa thuận, không chỉ chọn lời khen.

3. Báo cáo, thảo luận (4'): Các nhóm lần lượt báo cáo. Giáo viên chiếu tư liệu đã được nhóm duyệt lên tivi. Lớp ghi vào vở một điều học được từ nhóm bạn.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Phát được bao nhiêu tờ rơi không quan trọng bằng việc có ai dừng lại đọc và hỏi thêm. Một lời từ chối cũng là thông tin quý, vì nó cho biết thông điệp của mình chưa chạm tới điều người ta quan tâm.

Hoạt động 3. Luyện tập – Công nghệ giúp giữ cảnh quan đến đâu? (14')

a) Mục tiêu: Nêu được một ví dụ công nghệ hỗ trợ bảo tồn cảnh quan, chỉ ra được ví dụ ấy giúp cảnh quan bền lâu ở chỗ nào và có thể gây thiệt hại cho ai.

b) Nội dung: Giáo viên phát bản in một ví dụ giả định: phần mềm đếm lượt khách vào khu danh thắng và cảnh báo khi sắp quá tải để ban quản lý tạm dừng bán vé. Mỗi nhóm trả lời hai câu hỏi: cách làm này giúp giữ cảnh quan lâu dài ở chỗ nào, và ai có thể chịu thiệt hại vì nó; sau đó quyết định có đưa nội dung này vào tờ rơi hay không.

c) Sản phẩm: Phiếu ở mục C Phụ lục 1 của mỗi nhóm gồm hai lợi ích lâu dài, hai người hoặc nhóm người có thể chịu thiệt hại, và một dòng kết luận có đưa nội dung này vào tờ rơi hay không kèm lý do.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3'): Giáo viên phát bản in ví dụ, nói rõ đây là tình huống giả định với số liệu giả định; nêu hai câu hỏi trung tâm và yêu cầu nhóm phải ra quyết định cuối cùng.

2. Thực hiện nhiệm vụ (6'): Các nhóm thảo luận và viết phiếu. Giáo viên gợi ý: dừng bán vé thì hàng quán quanh khu danh thắng hôm đó bán cho ai, và người ở xa đã đi cả buổi mới tới nơi thì sao.

3. Báo cáo, thảo luận (3'): Hai nhóm trình bày. Lớp bổ sung nhóm người chịu thiệt hại mà chưa ai nhắc tới và nêu cách làm cho công bằng hơn, chẳng hạn báo trước tình trạng đông khách từ sớm.

4. Kết luận, nhận định (2'): GV chốt: Công nghệ giúp giữ cảnh quan bằng cách đưa ra con số để người quản lý quyết định sớm. Nhưng mọi giải pháp đều có người chịu thiệt, nên đi kèm con số phải có cách báo trước và cách bù lại cho người bị ảnh hưởng.

Hoạt động 4. Vận dụng – Cam kết bảo tồn và tự đánh giá chủ đề (14')

a) Mục tiêu: Chủ động thực hiện những việc làm cần thiết để bảo tồn cảnh quan thiên nhiên, danh lam thắng cảnh và vận động người thân, bạn bè cùng thực hiện; tự đánh giá kết quả trải nghiệm chủ đề theo sáu tiêu chí của sách giáo khoa.

b) Nội dung: Theo bốn yêu cầu ở sách giáo khoa trang 48, mỗi học sinh viết cam kết gồm việc mình sẽ làm khi đến những nơi có cảnh quan, hoạt động bảo tồn do nhà trường hoặc địa phương tổ chức mà mình sẽ tham gia, và một người mình sẽ vận động cùng thực hiện; sau đó hoàn thành phiếu tự đánh giá sáu tiêu chí ở phần Đánh giá cuối chủ đề trang 48 với hai mức Đạt hoặc Chưa đạt.

c) Sản phẩm: Thẻ cam kết của mỗi học sinh gồm ba dòng kèm mốc thời gian; phiếu tự đánh giá sáu tiêu chí đã đánh dấu mức đạt được, nộp lại vào tiết sinh hoạt lớp cuối tháng.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3'): Giáo viên phát thẻ cam kết, chiếu sáu tiêu chí ở trang 48 và giải thích từng tiêu chí bằng sản phẩm cụ thể mà lớp đã làm trong chủ đề.

2. Thực hiện nhiệm vụ (6'): Học sinh viết thẻ cam kết và đánh dấu phiếu tự đánh giá, ghi kèm tên sản phẩm chứng minh cho tiêu chí mình chọn mức Đạt. Giáo viên nhắc dòng vận động phải ghi tên một người cụ thể trong gia đình hoặc lớp học.

3. Báo cáo, thảo luận (3'): Bốn học sinh đọc thẻ cam kết của mình. Hai em chia sẻ tiêu chí mình chưa đạt và dự định làm tiếp; lớp góp ý cách làm rồi cả lớp dán thẻ lên góc lớp.

4. Kết luận, nhận định (2'): GV chốt: Chủ đề khép lại nhưng cam kết thì còn chạy tiếp. Cảnh quan quê mình giữ được hay không phụ thuộc vào những việc rất nhỏ mà mỗi người làm đều đặn mỗi lần đặt chân đến đó.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

PHỤ LỤC 1. PHIẾU HỌC TẬP CHỦ ĐỀ 6 – DỪNG XUYỀN SUỐT CHỦ ĐỀ

Họ và tên: Lớp: Nhóm:

A. CÂU HỎI MỞ ĐẦU

1. Kể tên một cảnh quan thiên nhiên hoặc danh lam thắng cảnh ở địa phương em.
2. Lần gần nhất đứng trước một cảnh đẹp, trong lòng em thấy thế nào?
3. Nơi ấy có điều gì khiến em muốn quay lại, và điều gì khiến em tiếc?

B. PHIẾU KIẾN THỨC CHỦ ĐỀ 6

Nội dung	Ý chính (SGK nói gì?)	Ví dụ ở địa phương em	Rút ra điều gì?
Gợi ý cách ghi →	Ghi ý chính trong SGK, 1–2 câu ngắn.	Nêu một việc có thật ở nơi em sống.	Viết một câu kết luận hoặc liên hệ.
1. Ý nghĩa của cảnh quan thiên nhiên với cảm xúc bản thân			
2. Biểu hiện của sự chủ động, tích cực bảo tồn cảnh quan			
3. Kế hoạch đánh giá thực trạng bảo tồn danh lam thắng cảnh			
4. Kế hoạch quảng bá hình ảnh và kêu gọi bảo tồn			

C. MINH CHỨNG NĂNG LỰC SỐ – AI

Trong chủ đề này em làm hai việc gắn với công nghệ. Việc thứ nhất là thiết kế tờ rơi quảng bá cảnh quan: em phác trên giấy A3, thầy cô gõ lại nội dung lên máy và chiếu tivi để cả lớp góp ý, rồi em sửa lại bản giấy. Việc thứ hai là soi một ví dụ công nghệ hỗ trợ bảo tồn cảnh quan xem nó giúp được gì và có thể thiệt cho ai.

C1. Thiết kế tờ rơi quảng bá cảnh quan (làm theo nhóm)

– Cảnh quan nhóm em chọn:

.....

– Dòng tiêu đề của tờ rơi:

.....

– Hai lợi ích cảnh quan mang lại cho người dân và khách du lịch:

.....

.....

...

– Hai việc mọi người cần làm để bảo tồn:

.....

.....

...

– Dòng thông điệp kêu gọi (ngắn, nói một việc làm được ngay):

.....

Nguồn của các hình dùng trong tờ rơi:

Hình số	Hình chụp hoặc vẽ gì?	Ai chụp, ai vẽ hoặc lấy từ đâu?	Đã xin phép người trong ảnh chưa?
1			
2			

– Sau khi thầy cô chiếu bản gõ lại lên tivi, nhóm em sửa những gì?

.....

.....

...

C2. Công nghệ giúp giữ cảnh quan đến đâu?

Thầy cô phát bản in một ví dụ giả định: phần mềm đếm lượt khách vào khu danh thắng và cảnh báo khi sắp quá tải để ban quản lý tạm dừng bán vé.

Cách làm này giúp cảnh quan bền lâu ở chỗ nào?	Ai có thể chịu thiệt vì nó?	Làm sao cho công bằng hơn?

– Nhóm em có đưa nội dung này vào tờ rơi không? Vì sao?

.....

.....

...

D. LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

D1. Kế hoạch đánh giá thực trạng bảo tồn danh lam thắng cảnh (làm theo nhóm)

– Tên danh lam thắng cảnh khảo sát:

.....

– Nhóm thực hiện khảo sát: 1/..... 2/..... 3/..... 4/.....

– Thời gian tiến hành: từ đến

Phân công nhiệm vụ và thời gian thực hiện:

TT	Nhiệm vụ	Người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Thiết kế phiếu quan sát và câu hỏi phỏng vấn		
2	Khảo sát, thu thập thông tin (quan sát thực địa, phỏng vấn, nghiên cứu tư liệu)		
3	Phân tích, xử lý thông tin		
4	Viết báo cáo đánh giá thực trạng		
5	Trình bày báo cáo		

Ba câu hỏi phỏng vấn nhóm em tự viết:

1.

.....

.....

2.

.....

.....

3.

.....

.....

D2. Kế hoạch hoạt động quảng bá và tuyên truyền bảo vệ cảnh quan (làm theo nhóm)

Mục của kế hoạch	Nhóm em điền vào đây
Mục đích hoạt động	
Đối tượng tuyên truyền	
Nội dung tuyên truyền	
Hình thức tuyên truyền	
Địa điểm tuyên truyền	
Thời gian thực hiện	
Phân công nhiệm vụ (ghi tên từng bạn)	

D3. Cam kết bảo tồn cảnh quan của em (làm cá nhân)

– Việc em sẽ làm mỗi khi đến nơi có cảnh quan, danh lam thắng cảnh:

.....

– Hoạt động bảo tồn do nhà trường hoặc địa phương tổ chức mà em sẽ tham gia:

.....

– Người em sẽ vận động cùng thực hiện và em sẽ nói với người ấy điều gì:

.....

.....

...

PHỤ LỤC 2. ĐÁP ÁN NGẮN – GIÁO VIÊN NHÌN NHANH

1. Gợi ý đáp án phiếu kiến thức (tham khảo)

Nội dung	Ý chính (SGK nói gì?)	Ví dụ minh họa	Rút ra điều gì?
1. Ý nghĩa của cảnh quan thiên nhiên với cảm xúc bản thân	SGK trang 45 yêu cầu chia sẻ cảm xúc khi ngắm nhìn cảnh quan thiên nhiên và thảo luận về những yếu tố tạo nên cảm xúc ấy.	Yếu tố thuộc về cảnh vật: màu sắc, âm thanh, không gian rộng, sự yên tĩnh. Yếu tố thuộc về người ngắm: tâm trạng lúc đó, người đi cùng, kỉ niệm gắn với nơi ấy.	Cảnh quan tác động thật vào trạng thái cảm xúc, thường làm ta bình tâm hơn; phần thuộc về cảnh vật là phần dễ mất nhất và rất khó lấy lại.
2. Biểu hiện của sự chủ động, tích cực bảo tồn cảnh quan	SGK trang 45 nêu tình huống nhóm học sinh tham quan vườn quốc gia, một số bạn khắc tên lên thân cây và phiến đá, một số bạn khác đi gom rác; sau đó gợi ý ba biểu hiện của sự chủ động, tích cực bảo tồn.	Ba biểu hiện gợi ý: giữ gìn vệ sinh môi trường và cấu trúc cảnh quan; xây dựng và thực hiện kế hoạch tuyên truyền, vận động mọi người bảo tồn; đề xuất với những người có trách nhiệm các biện pháp bảo tồn tốt hơn.	Khắc tên là làm hỏng chính thứ mình muốn lưu giữ. Không làm hại mới là mức tối thiểu; chủ động thật sự là làm thêm việc có ích và kéo được người khác cùng làm.
3. Kế hoạch đánh giá thực trạng bảo tồn danh lam thắng cảnh	SGK trang 45 và trang 46 đưa khung kế hoạch gồm tên danh lam thắng cảnh khảo sát, nhóm thực hiện, thời gian tiến hành, nội dung khảo sát, phương pháp khảo sát, phương tiện khảo sát và bảng phân công nhiệm vụ.	Bốn nội dung khảo sát: việc người dân đã làm để bảo tồn; kết quả đã đạt được; vấn đề còn tồn tại; biện pháp cộng đồng cần thực hiện. Ba phương pháp: quan sát hiện trường; phỏng vấn người có liên quan; nghiên cứu tư liệu. Bảng phân công có năm dòng nhiệm vụ, từ thiết kế phiếu quan sát đến trình bày báo cáo.	Kế hoạch khảo sát tốt nói rõ ai đi hỏi ai, hỏi gì và ghi vào đâu; câu hỏi phỏng vấn nên là câu hỏi mở và phải xin phép trước khi ghi chép.
4. Kế hoạch quảng bá hình ảnh và kêu gọi bảo tồn	SGK trang 47 và trang 48 đưa khung kế hoạch hoạt động quảng bá gồm mục đích, đối tượng, nội dung, hình thức, địa điểm, thời gian và phân công nhiệm vụ.	Đối tượng tuyên truyền là người dân địa phương và khách du lịch; nội dung đi ba ý là vẻ đẹp của cảnh quan, lợi ích cảnh quan mang lại, việc cần làm để bảo tồn; hình thức là phát tờ rơi; địa điểm là nhà cư dân địa phương và khu nghỉ dưỡng quanh cảnh quan; thời gian là sáng Chủ nhật.	Người nhận tờ rơi chỉ nhìn vài giây nên hình phải bắt mắt và thông điệp phải nói được một việc làm được ngay; ghi nguồn hình là cách tôn trọng người chụp và người trong ảnh.

2. Ghi chú cho phần Năng lực số – AI ở Phụ lục 1

Mục C1 – tờ rơi đạt yêu cầu khi có đủ bốn phần theo gợi ý của sách và khi dòng thông điệp nói được một việc làm được ngay, ví dụ mang rác về theo mình thay vì kêu gọi chung chung là hãy bảo vệ thiên nhiên. Học sinh phác trên giấy A3, giáo viên gõ lại nội

dung lên máy và chiếu tivi; điều cần rút ra khi so hai bản là chữ trên giấy thường dài hơn mức người đọc chịu đọc.

Mục C1 – cột nguồn hình là cột hay bị bỏ trống nhất. Nhóm nào dùng ảnh có mặt người lạ mà chưa xin phép thì yêu cầu thay ảnh khác hoặc che mặt; đây là thói quen cần tập ngay từ sản phẩm đầu tiên.

Mục C2 – hai lợi ích lâu dài thường gặp: giới hạn được số người vào cùng lúc nên lối đi và thảm cỏ không bị giẫm nát; có số liệu theo ngày nên ban quản lí biết ngày nào cần thêm người dọn dẹp. Hai nhóm chịu thiệt: hàng quán quanh khu danh thắng mất khách hôm dừng bán vé, và người ở xa đã đi cả buổi mới tới nơi thì phải quay về. Cách làm công bằng hơn: báo trước tình trạng đông khách từ sớm và ưu tiên người đã đi xa.

Phiếu tự đánh giá phần này (dùng hai mức):

- Tờ rơi có đủ bốn phần theo gợi ý của sách: Đạt hoặc Chưa đạt.
- Thông điệp kêu gọi nói được một việc làm được ngay: Đạt hoặc Chưa đạt.
- Ghi đủ nguồn cho từng hình và đã xin phép người trong ảnh: Đạt hoặc Chưa đạt.
- Nêu được cả lợi ích lâu dài lẫn người chịu thiệt của giải pháp công nghệ: Đạt hoặc Chưa đạt.

3. Lỗi thường gặp và gợi mở

Lỗi 1 – phiếu cảm xúc chỉ viết một chữ đẹp hoặc thích. Gợi mở: hỏi lúc đó em nghe thấy gì, ngửi thấy gì và tự nhiên muốn làm gì.

Lỗi 2 – phân tích tình huống vườn quốc gia chỉ dừng ở chê nhóm khắc tên mà bỏ câu hỏi thứ hai. Gợi mở: hỏi việc gom rác có làm cảnh quan tốt lên lâu dài không hay chỉ sạch trong hôm đó.

Lỗi 3 – câu hỏi phỏng vấn viết thành câu chỉ trả lời được bằng có hoặc không. Gợi mở: đổi câu hỏi bắt đầu bằng bác thấy thế nào hoặc bác kể giúp cháu.

Lỗi 4 – báo cáo thực trạng viết nhận định mà không kèm dẫn chứng. Gợi mở: hỏi em nhìn thấy gì hoặc ai đã nói câu đó để em kết luận như vậy.

Lỗi 5 – thông điệp trên tờ rơi là một khẩu hiệu dài, đọc xong không biết phải làm gì. Gợi mở: yêu cầu rút còn dưới mười chữ và nói rõ một hành động.

Lỗi 6 – cột nguồn hình bỏ trống vì học sinh cho là không cần thiết. Gợi mở: hỏi nếu ảnh có mặt một bác trong xóm mà bác chưa đồng ý thì tờ rơi phát đi có ổn không.

4. Bảng tiêu chí đánh giá

Tiêu chí	Đạt tốt	Đạt	Chưa đạt
Kiến thức, quy trình	Đúng và đủ ý; giải thích hoặc thao tác có dẫn chứng.	Đúng các ý hoặc bước chính.	Sai hoặc thiếu ý, bước cốt lõi.
Sản phẩm và dữ liệu	Rõ ràng, kiểm tra lại được nguồn; có nêu giới hạn và sai số.	Có sản phẩm và dẫn chứng cơ bản.	Chung chung, thiếu dẫn chứng hoặc đơn vị.
Năng lực số và AI (Phụ lục 3)	Đủ dữ liệu – chức năng – kết quả – người kiểm chứng.	Nêu đúng ứng dụng và bước kiểm tra.	Nhằm thiết bị thông thường là trí tuệ nhân tạo, hoặc tin tuyệt đối vào kết quả của máy.

Tiêu chí	Đạt tốt	Đạt	Chưa đạt
Hợp tác, an toàn	Đúng vai, đúng giờ; trung thực và an toàn.	Hoàn thành nhiệm vụ cơ bản.	Thiếu phối hợp hoặc vi phạm an toàn.

TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm 2026
GIÁO VIÊN (Ký và ghi rõ họ tên)

SỞ GD&ĐT:

TRƯỜNG:

TỔ: TRẢI NGHIỆM HƯỚNG NGHIỆP

KẾ HOẠCH BÀI DẠY
HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP 11
(Năm học 2026 - 2027)

CHỦ ĐỀ 7. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Số tiết: 9 — tuần 22 đến tuần 25, tiết 66 đến tiết 73 và tiết 75)

Giáo viên: | Lớp: | Ngày dạy:

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức – yêu cầu cần đạt

Sau chủ đề này, học sinh:

- Nghiên cứu, khảo sát được thực trạng môi trường tự nhiên ở địa phương, chọn một trong ba thành phần mà sách giáo khoa trang 51 gợi ý là đất, nước và không khí.
- Khảo sát được tác động của sự phát triển sản xuất, kinh doanh đến môi trường theo năm mục của bảng gợi ý ở trang 51: môi trường bị tác động, mức độ, thời gian, phạm vi và nguyên nhân.
- Phân tích được kết quả khảo sát bằng những minh chứng đã thu thập được, nhận định rõ là đã tác động xấu hay chưa tác động xấu đến môi trường.
- Xây dựng và báo cáo được kết quả khảo sát trước lớp, có số liệu và minh chứng kèm theo.
- Đề xuất được kiến nghị bảo vệ môi trường từ chính số liệu đã khảo sát, ghi rõ kiến nghị đó gửi tới đối tượng nào trong ba đối tượng ở trang 52.
- Xây dựng được kế hoạch tuyên truyền biện pháp bảo vệ tài nguyên tới người dân địa phương theo khung mẫu ở trang 53, đủ tám mục và bảng phân công công việc.
- Thực hiện được kế hoạch tuyên truyền đã lập và đánh giá được kết quả hoạt động tuyên truyền của nhóm mình.

2. Năng lực

Năng lực trải nghiệm, hướng nghiệp: năng lực thích ứng với cuộc sống khi nhìn nhận thực trạng môi trường nơi mình đang sống và điều chỉnh việc mình làm hằng ngày; năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động khi lập kế hoạch tuyên truyền, phân công người phụ trách và theo dõi kết quả từng phần việc.

Năng lực chung: tự chủ và tự học khi tự quan sát, ghi chép số liệu ngoài thực địa; giao tiếp và hợp tác khi phỏng vấn người dân và khi tuyên truyền cho người ngoài nhà trường; giải

quyết vấn đề và sáng tạo khi truy nguyên nhân và chọn kiến nghị gửi đúng nơi có thẩm quyền.

Năng lực số và AI (theo Phụ lục 3)

1.3.NC1b – 1.3. Quản lý dữ liệu, thông tin và nội dung số — Tổ chức, lưu trữ và truy xuất được dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số. Tổ chức và sắp xếp được chúng trong một môi trường có cấu trúc.. Cụ thể trong chủ đề này: HS lập phiếu khảo sát thực trạng môi trường địa phương theo cột nguồn - địa điểm - mức độ, phân loại theo nhóm vấn đề rồi cùng tổng hợp lên bảng chung trên máy giáo viên để nêu kiến nghị.

11.A2 – A2. AI vì sự tiến bộ của con người — Bền vững và công bằng. Cụ thể trong chủ đề này: HS nêu một ứng dụng AI giám sát ô nhiễm, phân tích tính bền vững của giải pháp đó và đối chiếu số liệu AI dự báo với kết quả nhóm mình khảo sát được tại địa phương.

Minh chứng: phiếu khảo sát ba cột nguồn – địa điểm – mức độ của từng nhóm; bảng tổng hợp chung của lớp; phiếu đối chiếu số liệu ứng dụng dự báo với kết quả khảo sát kèm hai chỗ lệch đã chỉ ra; bảng kiến nghị theo đối tượng; kế hoạch và báo cáo kết quả tuyên truyền.

3. Phẩm chất

Yêu nước: gắn bó với nơi mình sinh sống, coi việc giữ gìn môi trường của quê hương là việc của chính mình.

Trách nhiệm: làm đủ phần việc đã nhận trong kế hoạch của nhóm; giữ đúng lời hứa với người dân khi tổ chức buổi tuyên truyền.

Trung thực: ghi đúng những gì đã quan sát và đo được, không sửa số liệu cho báo cáo đẹp hơn.

Chăm chỉ: kiên trì theo dõi một vấn đề môi trường trong nhiều ngày, không bỏ dở giữa chừng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

Giáo viên: sách giáo khoa Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống), trang 49–54 và sách giáo viên; tivi và một máy tính của lớp; giấy A3, giấy A4, bút màu; bản in phóng to bảng tác động ở trang 51, bảng kiến nghị ở trang 52 và khung kế hoạch tuyên truyền ở trang 53; bản in kết quả dự báo chất lượng không khí của một ứng dụng giám sát ô nhiễm cho địa bàn tỉnh trong ba ngày kèm ảnh chụp bầu trời cùng ngày; một tệp bảng tính trống đã kẻ sẵn ba cột nguồn – địa điểm – mức độ để gõ số liệu của cả lớp lên tivi; phiếu học tập ở Phụ lục 1; một video ngắn về tác động của sản xuất, kinh doanh đến môi trường để khởi động.

Học sinh: sách giáo khoa, vở, bút; giấy nhớ; sổ tay ghi chép kết quả quan sát môi trường quanh nơi ở đã làm trước ở nhà; ảnh chụp hoặc tư liệu sưu tầm được về một cơ sở sản xuất, kinh doanh ở địa phương.

Phương án dự phòng: khi mất điện hoặc không có mạng, giáo viên dùng bản in các bảng gợi ý và bản in kết quả dự báo đã chuẩn bị từ trước; phần tổng hợp số liệu cả lớp làm trên bảng đen thay cho bảng tính trên máy, mỗi nhóm cử một bạn lên ghi. Nếu không chiếu được video khởi động thì thay bằng ba bức ảnh in màu chụp một cơ sở sản xuất ở địa phương.

An toàn: học sinh không đăng nhập tài khoản cá nhân, không nhập tên thật, số điện thoại hay địa chỉ nhà lên bất kỳ trang nào; không chụp ảnh người dân hay công nhân rồi đưa lên mạng. Khi khảo sát ngoài nhà trường, các em đi theo nhóm và có người lớn đi cùng, chỉ quan sát từ ngoài hàng rào, không vào khu vực sản xuất, không lại gần miệng cống xả thải, bờ ao, bãi chứa chất thải; không lấy mẫu nước hay chất thải bằng tay trần. Khi phỏng vấn, học sinh xin phép trước và dừng lại nếu người được hỏi không muốn trả lời.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Mạch bài: nhìn ra tác động → khảo sát có số liệu → gom dữ liệu thành bảng chung → soi lại con số máy đưa ra → phân tích và báo cáo → kiến nghị đúng nơi → lập kế hoạch tuyên truyền → nói với người dân rồi nhìn lại kết quả.

Tiết	Câu hỏi hoặc nội dung trung tâm	Sản phẩm nổi tiếp	Thời gian
1	Sản xuất, kinh doanh ở quê em đang chạm vào môi trường ở chỗ nào?	Bảng liệt kê tác động theo bốn mục gợi ý của sách	45 phút
2	Môi trường đất, nước hay không khí ở địa phương đang ra sao?	Phiếu khảo sát ba cột nguồn – địa điểm – mức độ	45 phút
3	Số liệu rời của sáu nhóm gom lại thì cho thấy điều gì?	Bảng tổng hợp chung của lớp trên máy tính giáo viên	45 phút
4	Ứng dụng giám sát ô nhiễm có nói đúng điều nhóm em đo được không?	Phiếu đối chiếu dự báo của ứng dụng với kết quả khảo sát	45 phút
5	Từ số liệu đã có, kết luận được gì về mức độ và phạm vi tác động?	Bản phân tích kết quả khảo sát theo năm mục	45 phút
6	Báo cáo khảo sát trình bày thế nào cho người nghe tin được?	Báo cáo kết quả khảo sát của nhóm và lượt trình bày	45 phút
7	Kiến nghị nào gửi cho ai thì mới có người xử lý?	Bảng kiến nghị theo ba đối tượng ở trang 52	45 phút
8	Một kế hoạch tuyên truyền cần đủ những mục nào?	Kế hoạch tuyên truyền biện pháp bảo vệ tài nguyên	45 phút
9	Buổi tuyên truyền đã làm được gì và còn vướng ở đâu?	Báo cáo kết quả tuyên truyền và phiếu tự đánh giá	45 phút

TIẾT 1. KHỞI ĐỘNG CHỦ ĐỀ VÀ NHẬN DIỆN TÁC ĐỘNG CỦA SẢN XUẤT, KINH DOANH

Hoạt động 1. Mở đầu – Cái ống khói và dòng kênh sau xưởng (8')

a) Mục tiêu: Khơi lên mối quan tâm với môi trường ngay tại nơi các em sống và làm xuất hiện nhu cầu khảo sát tác động của sản xuất, kinh doanh bằng số liệu chứ không bằng cảm tính.

b) Nội dung: Giáo viên chiếu một video ngắn hoặc ba bức ảnh chụp chính địa bàn của trường: một cơ sở sản xuất đang hoạt động, một đoạn kênh hoặc mương chạy qua khu sản xuất, một bãi tập kết vật liệu hoặc phế thải. Học sinh trả lời ba câu hỏi mở đầu ở mục A của Phụ lục 1.

c) Sản phẩm: Ba câu trả lời ngắn của mỗi học sinh ở mục A Phụ lục 1; danh sách cơ sở sản xuất, kinh doanh mà lớp kẻ ra được ghi lên bảng lớp.

d) Tổ chức thực hiện

- 1. Chuyển giao nhiệm vụ (1'):** Giáo viên chiếu video hoặc ba bức ảnh, phát Phụ lục 1 và yêu cầu mỗi em trả lời ba câu hỏi ở mục A trong ba phút, chỉ viết điều mình thật sự nhìn thấy hoặc nghe thấy.
- 2. Thực hiện nhiệm vụ (3'):** Học sinh xem, nhớ lại quãng đường mình đi học hằng ngày và tự viết câu trả lời. Giáo viên đi một vòng, nhắc em nào mới chỉ chép lại lời trong video mà chưa nêu được điều của chính mình.
- 3. Báo cáo, thảo luận (3'):** Bốn đến năm học sinh đọc câu trả lời. Giáo viên ghi tên các cơ sở sản xuất, kinh doanh lên bảng và hỏi thêm mỗi cơ sở đó nằm gần nhà ai trong lớp.
- 4. Kết luận, nhận định (1'):** GV chốt: Danh sách trên bảng là những nơi chủ đề này sẽ đi tìm hiểu. Điều đáng nói là chúng nằm ngay cạnh chỗ các em ở, nhưng ta mới chỉ cảm thấy chứ chưa ai đo và ghi lại một cách đàng hoàng.

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới và giải quyết vấn đề

- a) Mục tiêu:** Đi hết năm hoạt động của chủ đề trong sách giáo khoa trang 51 đến trang 54, từ nhận diện tác động và khảo sát thực trạng, qua phân tích và kiến nghị, đến xây dựng và thực hiện kế hoạch tuyên truyền bảo vệ tài nguyên.
- b) Nội dung:** Mười một nhiệm vụ nối tiếp nhau, trải từ tiết 1 đến tiết 8, tám năm hoạt động của sách giáo khoa và năm định hướng nội dung ở trang 50.
- c) Sản phẩm:** Chuỗi sản phẩm ghi ở cột thứ ba của bảng mạch tiết phía trên; toàn bộ được lưu vào Phụ lục 1 của từng học sinh và giấy A3 của nhóm.

d) Tổ chức thực hiện**Nhiệm vụ 2.1. Xác định tác động của phát triển sản xuất, kinh doanh ở địa phương (37')**

- a) Mục tiêu:** Chia sẻ được hiểu biết của bản thân về tác động của phát triển sản xuất, kinh doanh đến môi trường và xác định được những tác động ấy ở chính địa phương mình.
- b) Nội dung:** Theo hoạt động 1 ở sách giáo khoa trang 51, mỗi nhóm chọn một cơ sở sản xuất hoặc kinh doanh có thật ở địa bàn rồi liệt kê tác động của nó theo bốn mục gợi ý: thành phần môi trường bị tác động, mức độ tác động, thời gian tác động và phạm vi tác động.
- c) Sản phẩm:** Bảng liệt kê tác động của nhóm trên giấy A3, bốn mục đều có nội dung, mỗi mục ít nhất một dòng gắn với địa điểm cụ thể và một dòng ghi rõ ai trong nhóm đã nhìn thấy điều đó.

d) Tổ chức thực hiện

- 1. Chuyển giao nhiệm vụ (4'):** Giáo viên chia lớp thành sáu nhóm, phát giấy A3 và bút màu, chiếu bốn mục gợi ý ở sách giáo khoa trang 51, nêu rõ mỗi nhóm chọn một cơ sở khác nhau trong danh sách vừa ghi trên bảng.
- 2. Thực hiện nhiệm vụ (18'):** Các nhóm thống nhất cơ sở được chọn rồi điền bốn mục. Giáo viên đi từng nhóm, gợi ý nhóm nào còn lúng túng bằng ba câu hỏi: cơ sở này thải ra cái gì, thải vào lúc nào trong ngày, và những nhà nào quanh đó chịu ảnh hưởng.
- 3. Báo cáo, thảo luận (10'):** Ba nhóm treo bảng và trình bày, mỗi nhóm khoảng hai phút. Ba nhóm còn lại đối chiếu: cùng địa bàn ấy các em có thấy giống vậy không, mục nào các bạn ghi mà nhóm mình chưa nghĩ tới.

4. Kết luận, nhận định (5'): GV chốt: Tác động của sản xuất, kinh doanh không chỉ là khói và nước thải. Sách chia thành bốn mục để ta thấy đủ cả bốn chiều, trong đó thời gian và phạm vi tác động là hai mục hay bị bỏ qua nhất mà lại quyết định vấn đề nặng hay nhẹ.

TIẾT 2. KHẢO SÁT THỰC TRẠNG MỘT VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG Ở ĐỊA PHƯƠNG

Kết nối hai tiết (3'): Tiết trước lớp đã kể ra được tác động của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, nhưng phần lớn còn dựa vào trí nhớ. Tiết này biến điều cảm thấy thành số liệu ghi được, bằng một phiếu khảo sát có cấu trúc rõ ràng.

TÁC ĐỘNG CỦA PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT, KINH DOANH ĐẾN MÔI TRƯỜNG	
Môi trường bị tác động	Đất:...
	Nước:...
	Không khí:...
	...
Mức độ tác động	- Ô nhiễm nặng:...
	- ...
Thời gian tác động	- Số tháng bị tác động/năm:...
	- ...
Phạm vi tác động	- Diện tích khu vực bị tác động:...
	- ...
Nguyên nhân tác động	- Nguyên, vật liệu, nhiên liệu,... phục vụ sản xuất, kinh doanh làm suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm.
	- Rác thải, nước thải, khí thải từ sản xuất, kinh doanh chưa xử lý an toàn.
	- ...
	- ...

Bảng gợi ý khảo sát tác động của phát triển sản xuất, kinh doanh đến môi trường — SGK trang 51

Nhiệm vụ 2.2. Chọn vấn đề và lập phiếu khảo sát ba cột (22')

a) Mục tiêu: Chọn được một vấn đề môi trường tự nhiên có thật ở địa phương và lập được phiếu khảo sát có cấu trúc để ghi lại dữ liệu cho việc tổng hợp về sau.

b) Nội dung: Theo hoạt động 2 ở sách giáo khoa trang 51, mỗi nhóm chọn một trong ba thành phần môi trường là đất, nước hoặc không khí, rồi kẻ phiếu khảo sát ba cột: nguồn dữ liệu do đâu mà có, địa điểm cụ thể, và mức độ ghi nhận được. Mỗi dòng còn được đánh dấu thuộc nhóm vấn đề nào để sau này gom lại cho nhanh.

c) Sản phẩm: Phiếu khảo sát ba cột của nhóm ở mục C Phụ lục 1, có ít nhất sáu dòng, mỗi dòng ghi đủ nguồn – địa điểm – mức độ và một kí hiệu nhóm vấn đề ở lề trái.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3'): Giáo viên kẻ mẫu phiếu ba cột lên bảng, giải thích cột nguồn phải ghi rõ là tự quan sát, do hỏi người dân hay lấy từ tài liệu; nêu ba kí hiệu nhóm vấn đề để đánh dấu ở lề.

2. Thực hiện nhiệm vụ (11'): Các nhóm chọn thành phần môi trường và kẻ phiếu, điền những dòng đã có từ ghi chép ở nhà. Giáo viên nhắc nhóm nào ghi mức độ bằng từ chung chung rằng cần đổi thành điều đếm được hoặc mô tả bằng dấu hiệu nhìn thấy.

3. Báo cáo, thảo luận (5'): Ba nhóm đọc hai dòng phiếu của mình. Lớp kiểm chéo bằng một câu hỏi: nếu thầy cô muốn kiểm lại dòng này thì đi đến đâu và hỏi ai.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Phiếu khảo sát khác quyển nhật kí ở chỗ nó có cấu trúc. Ba cột cố định và kí hiệu nhóm vấn đề là thứ giúp sáu phiếu rời của sáu nhóm gộp được thành một bảng chung ở tiết sau.

Nhiệm vụ 2.3. Đi khảo sát và ghi số liệu vào phiếu (20')

- a) Mục tiêu:** Thu thập được dữ liệu thực trạng môi trường bằng quan sát thực địa, đọc tài liệu và phỏng vấn, ghi đúng vào phiếu đã lập.
- b) Nội dung:** Sách giáo khoa trang 51 nêu ba cách thu thập là quan sát thực địa, đọc tài liệu về môi trường và phỏng vấn. Trong tiết này lớp chuẩn bị cho cả ba: viết câu hỏi phỏng vấn, chia lịch quan sát và phân công người đọc tài liệu; việc đi thực địa làm ngoài giờ lên lớp theo lịch đã thống nhất.
- c) Sản phẩm:** Bản phân công khảo sát của nhóm gồm ba phần việc, tên người phụ trách từng phần, thời gian đi và năm câu hỏi phỏng vấn đã viết sẵn.
- d) Tổ chức thực hiện**

- 1. Chuyển giao nhiệm vụ (3'):** Giáo viên nêu ba cách thu thập dữ liệu ở sách giáo khoa trang 51 và đọc lại quy định an toàn ở mục II: đi theo nhóm, có người lớn đi cùng, chỉ quan sát từ bên ngoài.
- 2. Thực hiện nhiệm vụ (9'):** Các nhóm viết câu hỏi phỏng vấn và chia lịch. Giáo viên duyệt câu hỏi của từng nhóm, gạch bỏ những câu hỏi riêng tư hoặc câu quy kết người được hỏi.
- 3. Báo cáo, thảo luận (5'):** Hai nhóm đọc bộ câu hỏi phỏng vấn. Lớp góp ý để câu hỏi ngắn gọn và dễ trả lời hơn, nhất là những câu hỏi người lớn tuổi.
- 4. Kết luận, nhận định (3'):** GV chốt: Đi khảo sát mà chưa biết mình hỏi gì thì về tay không. Năm câu hỏi viết sẵn và một bản phân công rõ người là điều kiện để buổi đi thực địa không mất thời gian vô ích.

TIẾT 3. GOM SỐ LIỆU CỦA SÁU NHÓM THÀNH MỘT BẢNG CHUNG

Kết nối hai tiết (3'): Sau buổi đi thực địa, mỗi nhóm đã có phiếu khảo sát riêng của mình. Tiết này gom sáu phiếu rời ấy lại thành một bảng chung để nhìn ra bức tranh của cả địa bàn, việc mà một nhóm đứng riêng không làm được.

Nhiệm vụ 2.4. Phân loại dữ liệu và dựng bảng tổng hợp của lớp (42')

- a) Mục tiêu:** Sắp xếp được dữ liệu khảo sát theo nhóm vấn đề, đọc số liệu chính xác để đưa vào bảng tổng hợp chung và đọc lại được bảng chung để rút ra nhận xét.
- b) Nội dung:** Các nhóm rà lại phiếu ba cột của mình, gộp những dòng cùng một nhóm vấn đề, loại dòng trùng và dòng không ghi được nguồn. Sau đó từng nhóm lần lượt đọc số liệu để giáo viên gõ vào tệp bảng tính trống trên máy của lớp, chiếu lên tivi cho cả lớp cùng nhìn. Bảng chung được sắp xếp theo nhóm vấn đề rồi theo địa điểm.
- c) Sản phẩm:** Bảng tổng hợp chung của lớp hiển thị trên tivi và được in ra một bản cho mỗi nhóm, có đủ ba cột nguồn – địa điểm – mức độ, các dòng đã xếp theo nhóm vấn đề; kèm ba nhận xét của lớp viết dưới bảng.
- d) Tổ chức thực hiện**

- 1. Chuyển giao nhiệm vụ (5'):** Giáo viên mở tệp bảng tính trống đã kẻ sẵn ba cột, chiếu lên tivi, giải thích thứ tự đọc số liệu và yêu cầu mỗi nhóm cử một bạn đọc, một bạn theo dõi trên màn hình để bắt lỗi khi gõ nhầm.
- 2. Thực hiện nhiệm vụ (20'):** Các nhóm rà phiếu, gộp dòng trùng và đánh số thứ tự đọc. Lần lượt từng nhóm đọc, giáo viên gõ vào bảng chung; nhóm nào đọc một dòng không có

nguồn thì cả lớp cùng quyết định để lại hay bỏ. Giáo viên sắp xếp bảng theo nhóm vấn đề ngay trước lớp.

3. Báo cáo, thảo luận (12'): Cả lớp cùng đọc bảng chung trên tivi và trả lời ba câu hỏi: nhóm vấn đề nào có nhiều dòng nhất, địa điểm nào xuất hiện lặp lại ở nhiều nhóm, và dòng nào của nhóm này mâu thuẫn với dòng của nhóm khác. Ba học sinh ghi ba nhận xét lên bảng lớp.

4. Kết luận, nhận định (5'): GV chốt: Số liệu rời của một nhóm chỉ nói được một góc. Khi xếp chung theo một cấu trúc thống nhất thì mới thấy chỗ nào lặp lại nhiều lần, và chính chỗ lặp lại ấy là vấn đề đáng kiến nghị nhất. Đó cũng là lí do phải giữ đúng ba cột ngay từ khi ghi phiếu.

TIẾT 4. ĐỐI CHIẾU DỰ BÁO CỦA ỨNG DỤNG GIÁM SÁT VỚI SỐ LIỆU CỦA LỚP

Kết nối hai tiết (3'): Lớp đã có bảng tổng hợp do chính mình đo và hỏi. Tiết này đặt cạnh nó một nguồn khác: con số do một ứng dụng trí tuệ nhân tạo giám sát ô nhiễm đưa ra, để xem hai bên có nói giống nhau không.

Nhiệm vụ 2.5. Soi tính bền vững của một ứng dụng giám sát ô nhiễm (42')

a) Mục tiêu: Nêu được cách làm việc của một ứng dụng trí tuệ nhân tạo giám sát ô nhiễm, phân tích được giải pháp ấy có bền vững và công bằng với mọi vùng hay không, và chỉ ra được chỗ lệch giữa số liệu ứng dụng đưa ra với kết quả nhóm mình khảo sát được.

b) Nội dung: Giáo viên phát cho mỗi nhóm một bản in đã chuẩn bị từ trước gồm hai phần: kết quả dự báo chất lượng không khí của một ứng dụng cho địa bàn tỉnh trong ba ngày, và ảnh chụp bầu trời cùng địa điểm, cùng giờ của ba ngày ấy. Các nhóm đối chiếu bản in này với bảng tổng hợp của lớp ở tiết trước, tìm chỗ lệch, rồi trả lời hai câu hỏi về tính bền vững: ứng dụng lấy dữ liệu từ đâu, và vùng nào được đo kĩ còn vùng nào bị bỏ sót.

c) Sản phẩm: Phiếu đối chiếu của nhóm ở mục C Phụ lục 1, gồm hai chỗ lệch đã chỉ ra kèm lí do, một nhận định về tính bền vững của giải pháp và một nhận định về sự công bằng giữa các vùng.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5'): Giáo viên phát bản in cho từng nhóm, giới thiệu ứng dụng này gom số liệu của một số trạm đo đặt cách xa nhau rồi tự tính ra con số cho cả vùng; nêu nhiệm vụ đối chiếu với bảng tổng hợp của lớp và hai câu hỏi về tính bền vững.

2. Thực hiện nhiệm vụ (20'): Các nhóm đặt bản in cạnh bảng tổng hợp, khoanh những ngày và những địa điểm lệch nhau, viết lí do. Giáo viên gợi ý bằng ba câu hỏi: trạm đo gần nhất cách địa bàn ta bao xa, hôm ấy trong xã có việc gì bất thường không, và nếu một vùng không có trạm đo thì con số của vùng đó ở đâu ra.

3. Báo cáo, thảo luận (12'): Bốn nhóm trình bày phiếu đối chiếu. Lớp xếp các lí do thành hai loại: loại do ứng dụng thiếu số liệu tại chỗ và loại do có việc đột xuất mà ứng dụng không biết. Sau đó cả lớp trả lời câu hỏi vùng nào ở tỉnh ta ít được đo nhất.

4. Kết luận, nhận định (5'): GV chốt: Một giải pháp giám sát bằng máy chỉ bền vững khi số liệu đầu vào được duy trì lâu dài và phủ đều các vùng. Nơi nào không có trạm đo thì con số dành cho nơi ấy là suy ra chứ không phải đo được, và người dân vùng đó chịu

thiệt hơn. Vì vậy kết quả khảo sát tại chỗ của các em vẫn có giá trị riêng mà máy không thay được.

TIẾT 5. PHÂN TÍCH KẾT QUẢ KHẢO SÁT THEO NĂM MỤC

Kết nối hai tiết (3'): Lớp đã có số liệu của mình và đã biết con số của máy lệch ở đâu. Tiết này chuyển từ số liệu sang nhận định: rốt cuộc môi trường ở đây đã bị tác động xấu hay chưa, nặng đến mức nào.

Nhiệm vụ 2.6. Phân tích kết quả khảo sát bằng minh chứng đã thu thập (22')

a) Mục tiêu: Phân tích được kết quả khảo sát theo năm mục ở sách giáo khoa trang 52 và đưa ra được nhận định rõ ràng là đã tác động xấu hay chưa tác động xấu đến môi trường.

b) Nội dung: Theo hoạt động 3 ở sách giáo khoa trang 52, mỗi nhóm phân tích kết quả của mình theo năm mục: các thành phần môi trường chịu tác động, mức độ tác động, thời gian tác động, phạm vi tác động và nguyên nhân tác động. Mỗi nhận định phải kèm ít nhất một minh chứng lấy từ phiếu khảo sát hoặc bảng tổng hợp của lớp.

c) Sản phẩm: Bản phân tích năm mục của nhóm trên giấy A3, mỗi mục có một nhận định và một minh chứng kèm theo, riêng mục mức độ ghi rõ một trong hai kết luận là đã tác động xấu hoặc chưa tác động xấu.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3'): Giáo viên chiếu năm mục gợi ý ở sách giáo khoa trang 52, nhấn mạnh mục mức độ tác động phải kết bằng một trong hai nhận định chứ không được để lửng.

2. Thực hiện nhiệm vụ (11'): Các nhóm viết bản phân tích. Giáo viên đi từng nhóm và hỏi lại một câu duy nhất với mỗi mục: nhận định này dựa vào dòng nào trong phiếu của các em.

3. Báo cáo, thảo luận (5'): Ba nhóm đọc mục mức độ tác động của mình. Lớp kiểm tra chéo xem minh chứng có đủ sức đỡ cho nhận định hay không, đặc biệt với nhóm nào kết luận là đã tác động xấu.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Nhận định mà không có minh chứng thì chỉ là cảm tưởng. Kết luận đã tác động xấu là một lời nặng, nên phải chỉ được vào dòng số liệu đã ghi thì mới nói ra được.

Nhiệm vụ 2.7. Xây dựng báo cáo kết quả khảo sát (20')

a) Mục tiêu: Xây dựng được báo cáo kết quả khảo sát có bố cục rõ ràng, dẫn được số liệu và minh chứng cho từng phần.

b) Nội dung: Theo yêu cầu thứ hai của hoạt động 3 ở sách giáo khoa trang 52, mỗi nhóm chuyển bản phân tích năm mục thành một báo cáo gồm bốn phần: khảo sát cái gì và ở đâu, làm bằng cách nào, thu được gì, và kết luận về mức độ tác động.

c) Sản phẩm: Bản báo cáo kết quả khảo sát của nhóm dài không quá hai trang giấy A4, có ít nhất ba số liệu và một ảnh chụp hoặc tư liệu minh họa.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (2'): Giáo viên nêu bốn phần của báo cáo và giới hạn độ dài, nhắc mỗi phần đều phải nhìn thấy được số liệu chứ không chỉ có lời văn.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10'): Các nhóm viết báo cáo, chọn số liệu tiêu biểu và dán ảnh hoặc tư liệu. Giáo viên gợi ý nhóm nào viết dài dòng cách rút gọn phần mô tả để dành chỗ cho phần kết quả.

3. Báo cáo, thảo luận (5'): Hai nhóm đọc phần kết luận của báo cáo. Lớp góp ý bằng câu hỏi: đọc xong người ngoài có biết vấn đề nằm ở đâu và nặng đến mức nào không.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Báo cáo khảo sát không phải bài văn tả cảnh. Người đọc cần biết ngay ba điều là khảo sát ở đâu, đo được gì và kết luận ra sao; những điều còn lại chỉ là phần đỡ.

TIẾT 6. TRÌNH BÀY BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Kết nối hai tiết (3'): Báo cáo đã viết xong trên giấy. Tiết này các nhóm nói ra trước lớp, vì một kết quả khảo sát chỉ có ích khi người khác nghe được, hiểu được và tin được.

Nhiệm vụ 2.8. Báo cáo trước lớp và phản biện chéo (42')

a) Mục tiêu: Trình bày được kết quả khảo sát trước lớp một cách mạch lạc và trả lời được câu hỏi phản biện về nguồn số liệu.

b) Nội dung: Sáu nhóm lần lượt trình bày báo cáo của mình, mỗi nhóm khoảng bốn phút. Sau mỗi lượt, nhóm được chỉ định phản biện đặt hai câu hỏi, trong đó bắt buộc có một câu về nguồn của số liệu. Cả lớp ghi vào phiếu một điều học được từ mỗi nhóm bạn.

c) Sản phẩm: Sáu lượt báo cáo đã trình bày; phiếu phản biện của từng nhóm ghi hai câu hỏi đã đặt và câu trả lời nhận được; danh sách sáu điều lớp học được, mỗi nhóm một điều.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5'): Giáo viên bốc thăm thứ tự trình bày và ghép cặp phản biện, nêu quy ước mỗi nhóm nói bốn phút, phản biện hai phút và bắt buộc có một câu hỏi về nguồn số liệu.

2. Thực hiện nhiệm vụ (24'): Sáu nhóm lần lượt trình bày và trả lời phản biện. Giáo viên bấm giờ, ghi lên bảng những câu hỏi hay để cuối giờ nhắc lại; nhóm nào không dẫn được nguồn thì ghi lại để bổ sung vào báo cáo.

3. Báo cáo, thảo luận (8'): Cả lớp bình chọn báo cáo dẫn số liệu chắc nhất và nói rõ vì sao chọn. Các nhóm ghi điều mình học được từ nhóm bạn vào Phụ lục 1.

4. Kết luận, nhận định (5'): GV chốt: Điều làm nên sức nặng của một báo cáo không phải giọng nói to hay tờ giấy đẹp mà là chỗ dẫn được nguồn. Câu hỏi số liệu này lấy ở đâu là câu hỏi mà bất cứ ai nghe báo cáo cũng có quyền đặt ra.

TIẾT 7. ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG THEO KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Kết nối hai tiết (3'): Lớp đã có báo cáo được phản biện kỹ. Tiết này biến kết quả khảo sát thành kiến nghị, và điều quan trọng nhất là gửi đúng kiến nghị tới đúng nơi có thể làm được việc đó.

Đối tượng kiến nghị	Nội dung kiến nghị
Cơ sở sản xuất, kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng công nghệ sản xuất thân thiện với môi trường. - Thực hiện nghiêm túc những quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. - Khai thác nguyên, vật liệu phục vụ sản xuất và kinh doanh hợp lý, không làm môi trường suy thoái, cạn kiệt. - Ưu tiên sử dụng những nguyên, vật liệu thân thiện với môi trường và năng lượng xanh. - Thu gom, xử lý, tái chế, tái sử dụng các chất thải từ sản xuất và kinh doanh. - Tuyên truyền và hướng dẫn biện pháp bảo vệ môi trường đến các cơ sở sản xuất, kinh doanh. - ...
Chính quyền địa phương	<ul style="list-style-type: none"> - Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cộng đồng dân cư về bảo vệ môi trường. - Giám sát việc tuân thủ quy định bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất và kinh doanh. - Xử phạt những cơ sở sản xuất, kinh doanh vi phạm quy định về bảo vệ môi trường. - ...
Tổ chức xã hội	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường trong sản xuất và kinh doanh. - Tham gia giám sát việc bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất, kinh doanh cho cộng đồng dân cư. - ...
...	- ...

Bảng gợi ý kiến nghị bảo vệ môi trường theo từng đối tượng — SGK trang 52

Nhiệm vụ 2.9. Lập bảng kiến nghị theo ba đối tượng (42')

a) Mục tiêu: Thảo luận được biện pháp giảm thiểu tác động xấu và đề xuất được kiến nghị bảo vệ môi trường dựa trên kết quả khảo sát, ghi rõ mỗi kiến nghị gửi tới đối tượng nào.

b) Nội dung: Theo hoạt động 4 ở sách giáo khoa trang 52, các nhóm đọc bảng gợi ý hai cột đối tượng kiến nghị và nội dung kiến nghị với ba đối tượng có tên là cơ sở sản xuất, kinh doanh, chính quyền địa phương và tổ chức xã hội; sau đó viết kiến nghị của chính nhóm mình cho ba đối tượng ấy, mỗi kiến nghị bám vào một dòng số liệu đã khảo sát. Dòng cuối của bảng trong sách để trống là chỗ nhóm bổ sung thêm một đối tượng khác nếu thấy cần.

c) Sản phẩm: Bảng kiến nghị của nhóm ở mục D Phụ lục 1, mỗi đối tượng có ít nhất hai kiến nghị, mỗi kiến nghị kèm một dòng ghi rõ căn cứ lấy từ số liệu nào của nhóm.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5'): Giáo viên chiếu bảng gợi ý ở sách giáo khoa trang 52, chỉ ra ba đối tượng có tên và dòng cuối để trống; nhấn mạnh mỗi kiến nghị phải viết được câu căn cứ đi kèm.

2. Thực hiện nhiệm vụ (20'): Các nhóm điền bảng kiến nghị. Giáo viên đi từng nhóm, hỏi lại hai điều với mỗi kiến nghị: việc này ai làm được và số liệu nào của nhóm buộc phải kiến nghị như vậy; nhắc các nhóm đừng gửi kiến nghị vào tay người không có thẩm quyền làm.

3. Báo cáo, thảo luận (12'): Các nhóm dán bảng lên tường theo ba cột đối tượng. Lớp đi xem một vòng rồi gom những kiến nghị trùng nhau và đánh dấu ba kiến nghị mà lớp thấy khả thi nhất trong năm học này.

4. Kết luận, nhận định (5'): GV chốt: Cùng một vấn đề nhưng gửi cho cơ sở sản xuất, cho chính quyền hay cho tổ chức xã hội thì lời kiến nghị phải khác nhau, vì mỗi bên chỉ làm được phần việc của mình. Một kiến nghị có căn cứ số liệu thì khó bị gạt đi hơn nhiều so với một lời than phiền.

TIẾT 8. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH TUYÊN TRUYỀN BẢO VỆ TÀI NGUYÊN

Kết nối hai tiết (3'): Kiến nghị gửi đi rồi vẫn cần người dân cùng làm. Tiết này lớp chuyển sang việc thứ hai của chủ đề là tuyên truyền, bắt đầu bằng một bản kế hoạch đủ mục để có thể chạy thật.

KẾ HOẠCH TUYÊN TRUYỀN BIỆN PHÁP BẢO VỆ TÀI NGUYÊN RỪNG			
<ul style="list-style-type: none"> Thành viên nhóm: Văn, Hà, Huy, Hoa, Tú, Quỳnh. Địa điểm thực hiện: Nhà sinh hoạt cộng đồng. Thời gian thực hiện: Chủ nhật tuần đầu tháng 4. Mục tiêu tuyên truyền: Biện pháp bảo vệ rừng. Đối tượng tuyên truyền: Người dân trong thôn. Nội dung tuyên truyền: Những biện pháp bảo vệ rừng. Hình thức tuyên truyền: Thuyết trình kết hợp hướng dẫn cách làm. Cơ quan, tổ chức, cá nhân phối hợp/hỗ trợ: Chính quyền xã, trưởng thôn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trường, xã. 			
Kế hoạch triển khai cụ thể:			
Hoạt động/ Nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Sản phẩm cần đạt	Người chịu trách nhiệm
Xây dựng chương trình/kịch bản tuyên truyền	Tuần cuối tháng 3	Chương trình buổi tuyên truyền chi tiết, cụ thể.	Bạn Văn
Viết nội dung tuyên truyền	Tuần cuối tháng 3	Bản báo cáo nội dung tuyên truyền: – Giá trị của rừng. – Biện pháp bảo tồn và phát triển rừng.	Bạn Hà, Huy
Chuẩn bị các tiết mục văn nghệ về chủ đề "Bảo vệ tài nguyên"	Tuần cuối tháng 3	Hai tiết mục tập ca.	Bạn Hoa
Mời người dân đến dự	Tuần đầu tháng 4	Thông báo qua hệ thống loa công cộng, qua nhóm trên mạng xã hội, qua bảng tin của thôn, xóm.	Bạn Tú
Chuẩn bị địa điểm, phương tiện tuyên truyền	2 ngày trước khi tuyên truyền	<ul style="list-style-type: none"> Nhà sinh hoạt cộng đồng sạch đẹp, trang trọng. Các video hướng dẫn thực hiện biện pháp bảo vệ tài nguyên. Có đủ loa, đài, tranh, ảnh minh họa. Có giấy phép đồng ý cho sử dụng địa điểm tổ chức tuyên truyền. 	Bạn Quỳnh

Kế hoạch mẫu tuyên truyền biện pháp bảo vệ tài nguyên rừng — SGK trang 53

Nhiệm vụ 2.10. Hoàn thiện kế hoạch tuyên truyền của nhóm (42')

a) Mục tiêu: Xây dựng được kế hoạch tuyên truyền biện pháp bảo vệ tài nguyên tới người dân địa phương, đủ các mục theo khung mẫu và có bảng phân công công việc.

b) Nội dung: Học sinh dùng kế hoạch mẫu về bảo vệ tài nguyên rừng ở sách giáo khoa trang 53 làm khuôn: tám mục đầu gồm thành viên nhóm, địa điểm, thời gian, mục tiêu, đối tượng, nội dung, hình thức tuyên truyền và cơ quan phối hợp; tiếp đó là bảng kế hoạch triển khai cụ thể bốn cột gồm hoạt động, thời gian thực hiện, sản phẩm cần đạt và người chịu trách nhiệm. Mỗi nhóm thay tài nguyên rừng bằng loại tài nguyên gắn với vấn đề nhóm đã khảo sát.

c) Sản phẩm: Kế hoạch tuyên truyền của nhóm ở mục D Phụ lục 1, đủ tám mục đầu và bảng triển khai có ít nhất năm dòng, mỗi dòng ghi rõ một người chịu trách nhiệm.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5'): Giáo viên chiếu kế hoạch mẫu ở sách giáo khoa trang 53, đọc lướt tám mục đầu rồi dừng lại ở bảng triển khai, chỉ ra rằng mỗi dòng đều có tên một bạn cụ thể chứ không giao chung cho cả nhóm.

2. Thực hiện nhiệm vụ (20'): Các nhóm điền kế hoạch. Giáo viên đi từng nhóm, kiểm ba điều: mục đối tượng tuyên truyền đã cụ thể chưa, mỗi dòng đã có tên người chưa, và sản phẩm cần đạt đã nhìn thấy được chưa. Với mục cơ quan phối hợp, giáo viên hướng dẫn cách xin phép qua nhà trường và trường thôn.

3. Báo cáo, thảo luận (12'): Ba nhóm trình bày kế hoạch. Các nhóm còn lại đóng vai người duyệt và hỏi ba câu: buổi này tổ chức ở đâu, ai đứng ra xin phép, và nếu hôm ấy trời mưa thì làm thế nào.

4. Kết luận, nhận định (5'): GV chốt: Kế hoạch mẫu trong sách có tám mục và một bảng phân công không phải để cho đủ hình thức. Thiếu mục cơ quan phối hợp thì không mượn được chỗ, thiếu tên người chịu trách nhiệm thì đến hôm ấy không ai cầm việc.

TIẾT 9. THỰC HIỆN TUYÊN TRUYỀN, BÁO CÁO KẾT QUẢ VÀ TỔNG KẾT CHỦ ĐỀ

Kết nối hai tiết (3'): Giữa tiết 8 và tiết 9, các nhóm đã thực hiện buổi tuyên truyền ở nhà sinh hoạt cộng đồng hoặc ở nơi đã xin phép. Tiết cuối nhìn lại kết quả và tự đánh giá cả chủ đề.

Hoạt động 3. Luyện tập – Báo cáo và đánh giá kết quả hoạt động tuyên truyền (22')

a) Mục tiêu: Báo cáo được kết quả buổi tuyên truyền đã thực hiện và đánh giá được hoạt động của nhóm dựa trên thông tin phản hồi thu được.

b) Nội dung: Theo yêu cầu ở sách giáo khoa trang 54, mỗi nhóm báo cáo ba phần: đã tuyên truyền những biện pháp gì cho ai, thông tin phản hồi thu thập được từ người nghe, và đánh giá hoạt động của nhóm mình gồm việc làm tốt và việc cần rút kinh nghiệm.

c) Sản phẩm: Báo cáo kết quả tuyên truyền của nhóm gồm ba phần, kèm số người đã dự, ảnh chụp buổi tuyên truyền và ít nhất hai ý kiến phản hồi ghi lại được.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3'): Giáo viên nêu ba phần bắt buộc của báo cáo, giới hạn mỗi nhóm ba phút và nhắc phần phản hồi phải là lời người nghe nói chứ không phải nhận xét của nhóm.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10'): Các nhóm sắp xếp tư liệu, đếm lại số người dự, chọn hai ý kiến phản hồi tiêu biểu và thống nhất một điều cần rút kinh nghiệm. Giáo viên nhắc không nhóm nào được bỏ trống phần rút kinh nghiệm.

3. Báo cáo, thảo luận (6'): Các nhóm lần lượt báo cáo. Lớp ghi vào Phụ lục 1 một cách làm hay của nhóm bạn mà nhóm mình chưa nghĩ ra.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Phần đáng giá nhất của báo cáo tuyên truyền là ý kiến phản hồi của người nghe, vì đó là chỗ duy nhất cho biết lời mình nói có đến được với họ hay không.

Hoạt động 4. Vận dụng – Tiếp tục tham gia bảo vệ môi trường, tài nguyên (20')

a) Mục tiêu: Duy trì được việc phát hiện vấn đề môi trường, đề xuất kiến nghị và tham gia giám sát việc thực hiện kiến nghị ở địa phương sau khi chủ đề kết thúc.

b) Nội dung: Theo hoạt động 6 ở sách giáo khoa trang 54, mỗi học sinh chọn một việc để làm tiếp trong bốn tuần: theo dõi một vấn đề môi trường đã kiến nghị xem có chuyển biến không, hoặc chia sẻ thông tin về biện pháp bảo vệ tài nguyên cho người thân trong gia đình,

hoặc ghi lại kết quả tham gia bảo vệ môi trường của mình. Đồng thời hoàn thành phiếu tự đánh giá theo bốn tiêu chí ở phần Đánh giá cuối chủ đề trang 54 với hai mức Đạt hoặc Chưa đạt.

c) Sản phẩm: Nhật kí bốn dòng của mỗi học sinh, mỗi tuần một dòng; phiếu tự đánh giá bốn tiêu chí đã đánh dấu mức đạt được, nộp lại vào tiết sinh hoạt lớp cuối tháng.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3’): Giáo viên chiếu bốn tiêu chí ở sách giáo khoa trang 54, giải thích từng tiêu chí bằng chính sản phẩm lớp đã làm trong chủ đề, rồi nêu ba việc để mỗi em chọn một.

2. Thực hiện nhiệm vụ (8’): Học sinh đánh dấu phiếu tự đánh giá và ghi tên sản phẩm chứng minh cho tiêu chí mình chọn mức Đạt, sau đó viết việc mình sẽ làm tiếp trong bốn tuần.

3. Báo cáo, thảo luận (6’): Ba học sinh chia sẻ tiêu chí mình chưa đạt và việc định làm tiếp. Lớp góp ý cách làm cho vừa sức và nhắc nhau giữ đúng quy định an toàn khi ra ngoài nhà trường.

4. Kết luận, nhận định (3’): GV chốt: Chủ đề khép lại nhưng vấn đề môi trường ở địa phương thì còn đó. Việc theo dõi xem kiến nghị của mình có được xử lí hay không mới là phần khó và cũng là phần cho thấy các em thật sự có trách nhiệm với nơi mình sống.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

PHỤ LỤC 1. PHIẾU HỌC TẬP CHỦ ĐỀ 7 – DỪNG XUYỀN SUỐT CHỦ ĐỀ

Họ và tên: Lớp: Nhóm:

A. CÂU HỎI MỞ ĐẦU

1. Gần nơi em ở có cơ sở sản xuất hoặc kinh doanh nào không? Đó là nơi làm gì?
2. Em nhìn thấy, ngửi thấy hoặc nghe thấy dấu hiệu nào cho biết nơi đó đang chạm tới môi trường?
3. Theo em, việc đó ảnh hưởng tới những ai và kéo dài đã bao lâu rồi?

B. PHIẾU KIẾN THỨC CHỦ ĐỀ 7

Nội dung	Ý chính (SGK nói gì?)	Ví dụ / số liệu minh họa	Rút ra điều gì?
Gợi ý cách ghi →	Ghi ý chính trong SGK, 1–2 câu ngắn.	Nêu một ví dụ, số liệu hoặc tư liệu minh họa.	Viết một câu kết luận hoặc liên hệ.
1. Tác động của phát triển sản xuất, kinh doanh đến môi trường			
2. Khảo sát và phân tích thực trạng môi trường ở địa phương			
3. Kiến nghị bảo vệ môi trường theo từng đối tượng			
4. Kế hoạch tuyên truyền biện pháp bảo vệ tài nguyên			

C. MINH CHỨNG NĂNG LỰC SỐ – AI

Trong chủ đề này em làm hai việc với dữ liệu: sắp xếp số liệu nhóm mình đo được thành phiếu có cấu trúc để gộp chung với các nhóm khác, và đối chiếu số liệu ấy với con số do một ứng dụng giám sát ô nhiễm đưa ra. Hai ví dụ dưới đây giúp em thấy hai cách tạo ra một con số.

Ví dụ A: cả nhóm đứng ở bờ nương sau xưởng, đếm được bốn miệng cống đang chảy và ghi lại màu nước cùng giờ quan sát. Con số bốn là do chính các em đếm tại chỗ.

Ví dụ B: một ứng dụng báo chỉ số ô nhiễm không khí của xã em hôm nay. Trong xã không có trạm đo nào; ứng dụng lấy số liệu của vài trạm cách đó hàng chục cây số, ghép thêm dữ liệu thời tiết và dữ liệu những ngày trước rồi tự tính ra con số cho xã.

Trả lời bốn câu hỏi sau:

1. Con số ở ví dụ A và con số ở ví dụ B được tạo ra bằng cách nào? Cái nào là đo, cái nào là suy ra?
2. Vì sao phiếu khảo sát phải cố định ba cột nguồn – địa điểm – mức độ thì sáu nhóm mới gộp chung được?
3. Nếu một vùng không có trạm đo thì người dân vùng đó chịu thiệt gì so với vùng có trạm? Điều đó có công bằng không?

4. Trước khi tin và làm theo một con số do máy đưa ra, em cần kiểm tra lại những gì?

Phiếu khảo sát của nhóm em (kể tiếp ra vở nếu thiếu dòng):

Kí hiệu nhóm vấn đề	Nguồn dữ liệu (tự quan sát, hỏi người dân hoặc tài liệu)	Địa điểm cụ thể	Mức độ ghi nhận được

Phiếu đối chiếu với ứng dụng giám sát ô nhiễm:

- Chỗ lệch 1 giữa con số của ứng dụng và kết quả nhóm em:
- Lí do em cho là vì:
- Chỗ lệch 2 giữa con số của ứng dụng và kết quả nhóm em:
- Lí do em cho là vì:
- Giải pháp giám sát này có bền vững không, vì sao:
- Vùng nào ở tỉnh ta ít được đo nhất và điều đó gây thiệt gì:

D. LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

D1. Bảng kiến nghị bảo vệ môi trường (làm theo nhóm)

Đối tượng kiến nghị	Nội dung kiến nghị của nhóm em	Căn cứ lấy từ số liệu nào
Cơ sở sản xuất, kinh doanh		
Chính quyền địa phương		
Tổ chức xã hội		
Đối tượng khác nhóm em bổ sung		

D2. Kế hoạch tuyên truyền biện pháp bảo vệ tài nguyên (làm theo nhóm)

- Thành viên nhóm:
- Địa điểm thực hiện: – Thời gian thực hiện:
- Mục tiêu tuyên truyền:
- Đối tượng tuyên truyền:
- Nội dung tuyên truyền:
- Hình thức tuyên truyền:
- Cơ quan, tổ chức, cá nhân phối hợp hoặc hỗ trợ:

Kế hoạch triển khai cụ thể:

Hoạt động, nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Sản phẩm cần đạt	Người chịu trách nhiệm

Hoạt động, nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Sản phẩm cần đạt	Người chịu trách nhiệm

D3. Báo cáo kết quả tuyên truyền của nhóm em

- Đã tuyên truyền biện pháp gì, cho ai, ở đâu:
- Số người đã dự: – Hai ý kiến phản hồi thu được:
- Việc nhóm làm tốt:
- Việc cần rút kinh nghiệm:

PHỤ LỤC 2. ĐÁP ÁN NGẮN – GIÁO VIÊN NHÌN NHANH

1. Gọi ý đáp án phiếu kiến thức (tham khảo)

Nội dung	Ý chính (SGK nói gì?)	Ví dụ / số liệu	Rút ra điều gì?
1. Tác động của phát triển sản xuất, kinh doanh đến môi trường	SGK trang 51 yêu cầu chia sẻ hiểu biết về tác động của phát triển sản xuất, kinh doanh đến môi trường và xác định những tác động ấy ở địa phương, theo bốn mục gợi ý.	Bốn mục gợi ý ở trang 51: thành phần môi trường bị tác động, mức độ tác động, thời gian tác động, phạm vi tác động.	Nhìn đủ bốn mục thì mới biết vấn đề nặng hay nhẹ; nói khói bụi nhiều mà không nói kéo dài bao lâu và rộng đến đâu thì chưa đánh giá được gì.
2. Khảo sát và phân tích thực trạng môi trường ở địa phương	SGK trang 51 nêu ba thành phần môi trường để chọn khảo sát và ba cách thu thập dữ liệu; bảng gợi ý cùng trang chia nội dung khảo sát thành năm nhóm dòng. Trang 52 yêu cầu phân tích kết quả bằng minh chứng đã thu thập rồi xây dựng báo cáo.	Ba thành phần môi trường ở trang 51: đất, nước, không khí. Ba cách thu thập: quan sát thực địa, đọc tài liệu về môi trường, phỏng vấn. Năm nhóm dòng của bảng trang 51: môi trường bị tác động, mức độ tác động, thời gian tác động, phạm vi tác động, nguyên nhân tác động. Hai chỉ tiêu đo được nêu sẵn là số tháng bị tác động trên một năm và diện tích khu vực bị tác động.	Khảo sát chỉ có giá trị khi mỗi dòng ghi được nguồn và địa điểm; mục mức độ phải kết bằng nhận định đã tác động xấu hoặc chưa tác động xấu chứ không để lửng.
3. Kiến nghị bảo vệ môi trường theo từng đối tượng	SGK trang 52 đưa bảng hai cột đối tượng kiến nghị và nội dung kiến nghị, gợi ý sẵn kiến nghị cho ba đối tượng, dòng cuối để trống cho học sinh bổ sung đối tượng khác.	Ba đối tượng có tên: cơ sở sản xuất, kinh doanh với sáu kiến nghị gợi ý; chính quyền địa phương với ba kiến nghị gợi ý là tuyên truyền nâng cao nhận thức, giám sát việc tuân thủ quy định và xử phạt cơ sở vi phạm; tổ chức xã hội với hai kiến nghị gợi ý là tham gia tuyên truyền và tham gia giám sát cho cộng đồng dân cư.	Kiến nghị phải gửi đúng nơi có thẩm quyền làm; cùng một vấn đề nhưng lời kiến nghị cho cơ sở sản xuất khác với lời kiến nghị cho chính quyền.
4. Kế hoạch tuyên truyền biện pháp bảo vệ tài nguyên	SGK trang 53 đưa kế hoạch mẫu tuyên truyền biện pháp bảo vệ tài nguyên rừng, gồm phần thông tin chung và bảng kế hoạch triển khai cụ thể bốn cột; trang 54 yêu cầu thực hiện kế hoạch rồi thu thập thông tin phản hồi và đánh giá	Kế hoạch mẫu có sáu thành viên là Vân, Hà, Huy, Hoa, Tú, Quỳnh; địa điểm là nhà sinh hoạt cộng đồng; thời gian thực hiện là Chủ nhật tuần đầu tháng 4. Bảng triển khai có năm dòng: ba nhiệm vụ chuẩn bị hạn Tuần cuối tháng 3,	Kế hoạch chạy được nhờ mỗi dòng có tên một người và một mốc thời gian; mục cơ quan phối hợp quyết định việc có mượn được chỗ và xin được phép hay không.

Nội dung	Ý chính (SGK nói gì?)	Ví dụ / số liệu	Rút ra điều gì?
	hoạt động nhóm.	nhiệm vụ mời người dân hạn Tuần đầu tháng 4, nhiệm vụ chuẩn bị địa điểm và phương tiện hạn 2 ngày trước khi tuyên truyền; sản phẩm của phần văn nghệ là Hai tiết mục tốp ca.	

2. Ghi chú cho phần Năng lực số – AI ở Phụ lục 1

Ví dụ A – con số bốn miệng cống là do học sinh đếm trực tiếp tại chỗ, có thể kiểm lại bằng cách quay lại đúng nơi ấy mà đếm lần nữa. Đây là dữ liệu đo được.

Ví dụ B – chỉ số của ứng dụng là con số suy ra: không có trạm đo trong xã nên máy ghép số liệu của các trạm ở xa với dữ liệu thời tiết và dữ liệu quá khứ rồi tính cho cả vùng. Vì là suy ra nên nó có thể lệch với điều đang xảy ra trong xã.

Câu hỏi 2 – ba cột cố định làm cho mọi dòng của mọi nhóm có cùng một dạng, nên xếp chung vào một bảng thì so sánh và gom trùng được ngay; nếu mỗi nhóm ghi một kiểu thì phải chép lại từ đầu và rất dễ sót.

Câu hỏi 3 – vùng không có trạm đo chỉ nhận được con số suy ra, nên ô nhiễm xảy ra tại chỗ có thể không hiện lên trên ứng dụng; người dân ở đó không được cảnh báo kịp thời trong khi vùng có trạm thì được. Đó là chỗ chưa công bằng của giải pháp giám sát bằng máy, và cũng là lí do kết quả khảo sát tại chỗ vẫn cần thiết.

Câu hỏi 4 – cần kiểm ba điều trước khi tin: con số này đo ở đâu và cách chỗ mình bao xa, đo vào lúc nào, và điều mình đang nhìn thấy có khớp với con số đó không. Khi hai bên lệch nhau thì tin vào quan sát tại chỗ và hỏi thêm người có trách nhiệm.

Phiếu tự đánh giá phần này (dùng hai mức):

– Phiếu khảo sát ghi đủ ba cột nguồn – địa điểm – mức độ cho mọi dòng: Đạt hoặc Chưa đạt.

– Phân loại đúng các dòng theo nhóm vấn đề và đọc số liệu chính xác khi tổng hợp: Đạt hoặc Chưa đạt.

– Chỉ ra được hai chỗ lệch giữa con số của ứng dụng và kết quả khảo sát kèm lí do: Đạt hoặc Chưa đạt.

– Nêu được nhận định về tính bền vững và sự công bằng của giải pháp giám sát: Đạt hoặc Chưa đạt.

3. Lỗi thường gặp và gợi mở

Lỗi 1 – phiếu khảo sát ghi mức độ bằng từ chung chung như rất bẩn, ô nhiễm nặng. Gợi mở: hỏi em nhìn thấy dấu hiệu nào, đếm được bao nhiêu, và mùi ấy ngửi thấy từ khoảng cách bao xa.

Lỗi 2 – cột nguồn để trống hoặc ghi là nghe nói. Gợi mở: trả lại phiếu và hỏi nếu muốn kiểm chứng dòng này thì đến đâu, gặp ai.

Lỗi 3 – khi tổng hợp, nhóm đọc số liệu theo trí nhớ chứ không nhìn phiếu, làm bảng chung sai lệch. Gợi mở: yêu cầu bạn đọc phải cầm phiếu, bạn thứ hai soi màn hình đối chiếu từng dòng.

Lỗi 4 – học sinh coi chỉ số của ứng dụng là kết quả đo thật tại xã mình. Gợi mở: hỏi trạm đo gần nhất nằm ở đâu, cách đây bao xa và ai đặt trạm đó.

Lỗi 5 – kiến nghị gửi nhầm đối tượng, ví dụ đòi tổ chức xã hội xử phạt cơ sở vi phạm. Gợi mở: hỏi ai có quyền làm việc này và tra lại ba dòng gợi ý ở sách giáo khoa trang 52.

Lỗi 6 – kế hoạch tuyên truyền thiếu mục cơ quan phối hợp hoặc bảng triển khai ghi người chịu trách nhiệm là cả nhóm. Gợi mở: hỏi hôm ấy ai đi xin phép, ai cầm loa, ai đón người dân.

4. Bảng tiêu chí đánh giá

Tiêu chí	Đạt tốt	Đạt	Chưa đạt
Khảo sát và phân tích	Phiếu đủ ba cột cho mọi dòng; phân tích đủ năm mục, mỗi nhận định có minh chứng.	Có phiếu khảo sát và phân tích được các mục chính.	Ghi chung chung, thiếu nguồn hoặc thiếu địa điểm.
Kiến nghị và tuyên truyền	Kiến nghị gửi đúng đối tượng và dẫn được số liệu; kế hoạch đủ mục, có người chịu trách nhiệm cho từng dòng.	Có kiến nghị và kế hoạch tuyên truyền cơ bản.	Kiến nghị chung chung hoặc kế hoạch thiếu phân công.
Năng lực số và AI (Phụ lục 3)	Tổ chức dữ liệu đúng cấu trúc, đọc số liệu chính xác khi tổng hợp; chỉ ra được chỗ lệch và nhận định được tính bền vững, công bằng của giải pháp.	Ghi đủ ba cột và nêu được một chỗ lệch.	Dữ liệu lộn xộn không gộp được, hoặc tin tuyệt đối vào con số của ứng dụng.
Hợp tác, an toàn	Đúng vai, đúng giờ; trung thực với số liệu và giữ đúng quy định an toàn khi khảo sát.	Hoàn thành nhiệm vụ cơ bản.	Thiếu phối hợp hoặc vi phạm quy định an toàn.

TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm 2026
GIÁO VIÊN (Ký và ghi rõ họ tên)

SỞ GD&ĐT:

TRƯỜNG:

TỔ: TRẢI NGHIỆM HƯỚNG NGHIỆP

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP 11

(Năm học 2026 - 2027)

CHỦ ĐỀ 8. CÁC NHÓM NGHỀ CƠ BẢN VÀ YÊU CẦU CỦA THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG

(Số tiết: 12 — tuần 26 đến tuần 29, tiết 76 đến tiết 87)

Giáo viên: | Lớp: | Ngày dạy:

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức – yêu cầu cần đạt

Sau chủ đề này, học sinh:

- Phân loại được các nhóm nghề cơ bản và nêu được căn cứ phân loại theo bảng gợi ý ở sách giáo khoa trang 57.
- Chỉ ra được đặc trưng và yêu cầu của nhóm nghề kỹ thuật và nhóm nghề xã hội đúng như sách giáo khoa trang 57 và trang 58 nêu.
- Tự tìm hiểu và mô tả được đặc trưng, yêu cầu của bốn nhóm nghề còn lại theo đúng khung mà sách đã làm mẫu, có ghi rõ nguồn tra cứu.
- Giải thích được ý nghĩa của việc đảm bảo an toàn và sức khỏe nghề nghiệp của người lao động đối với người lao động, với cơ sở sử dụng lao động và với xã hội.
- Phân tích được yêu cầu của nhà tuyển dụng về phẩm chất và năng lực người lao động qua hai thông báo tuyển dụng có thật ở sách giáo khoa trang 59 và trang 60.
- Thẩm định được thông tin nghề nghiệp: đối chiếu một bản mô tả nghề do máy viết với lời người trong nghề và với tin tuyển dụng thật, chỉ ra được chỗ nào máy nói chung chung hoặc sai lệch.
- Suy tầm và giới thiệu được ít nhất một tài liệu về xu hướng phát triển nghề trong xã hội và thị trường lao động, ghi rõ nguồn tài liệu.
- Xây dựng và trình bày được một bài thuyết trình về ý nghĩa của việc đảm bảo an toàn và sức khỏe nghề nghiệp theo cấu trúc ba phần ở sách giáo khoa trang 61.

2. Năng lực

Năng lực trải nghiệm, hướng nghiệp: năng lực định hướng nghề nghiệp khi nhận diện đặc trưng của các nhóm nghề và soi lại phẩm chất, năng lực của chính mình; năng lực thích ứng với cuộc sống khi hình dung được thị trường lao động đang đòi hỏi những gì.

Năng lực chung: tự chủ và tự học khi tự tra cứu về nhóm nghề mà sách chưa mô tả; giao tiếp và hợp tác khi sắm vai chuyên gia và khi thuyết trình trước lớp; giải quyết vấn đề và sáng tạo khi tìm ra chỗ chưa đáng tin trong một bản mô tả nghề.

Năng lực số và AI (theo Phụ lục 3)

6.3.NC1a – 6.3 Đánh giá trí tuệ nhân tạo — Đánh giá và lọc được thông tin từ các nguồn được tạo ra hoặc xử lý bằng AI, để hiểu rõ hơn về tính đáng tin cậy và cách sử dụng thông tin đó. Đánh giá được AI trên các khía cạnh minh bạch, an toàn, đạo đức và tác động.. Cụ thể trong chủ đề này: HS dùng AI tra cứu yêu cầu của 3 nhóm nghề, đối chiếu từng thông tin với tin tuyển dụng thật và trang chính thức, lập bảng chỉ rõ chi tiết nào AI nêu sai hoặc đã lỗi thời.

11.B2 – B2. Sử dụng AI an toàn và có trách nhiệm — Phòng tránh rủi ro khi sử dụng AI. Cụ thể trong chủ đề này: HS phân loại rủi ro khi tra cứu nghề bằng AI: tin tuyển dụng bịa, mức lương sai lệch, lộ thông tin cá nhân; đối chiếu từng rủi ro với tin tuyển dụng thật để nêu cách dùng an toàn.

Minh chứng: phiếu đối chiếu hai bản mô tả nghề có gạch chân và ghi lý do; bảng ba nhóm rủi ro kèm cách dùng an toàn; bảng đặc trưng, yêu cầu của bốn nhóm nghề tự tìm hiểu có ghi nguồn; phiếu phân tích yêu cầu nhà tuyển dụng; bài thuyết trình về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp.

3. Phẩm chất

Trách nhiệm: chăm chỉ, có trách nhiệm với việc học và với lựa chọn nghề của chính mình.

Trung thực: ghi đúng nguồn của mỗi thông tin nghề nghiệp đã tra cứu, không chép lại điều mình chưa kiểm chứng.

Chăm chỉ: kiên trì tìm hiểu về nghề trong nhiều nguồn khác nhau chứ không dừng ở kết quả đầu tiên.

Nhân ái: tôn trọng mọi nghề nghiệp và người lao động ở mọi nhóm nghề, không phân biệt nghề sang nghề hèn.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

Giáo viên: sách giáo khoa Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống), trang 55–61 và sách giáo viên; tivi và một máy tính của lớp; giấy A3, giấy A4, bút màu; bản in phóng to bảng căn cứ phân loại ở trang 57, hai thông báo tuyển dụng ở trang 59 và trang 60, khung giới thiệu tài liệu ở trang 60 và khung cấu trúc bài thuyết trình ở trang 61; hai bản in mô tả cùng một nghề đã chuẩn bị trước, bản thứ nhất ghi theo lời một người đang làm nghề đó, bản thứ hai do một phần mềm trí tuệ nhân tạo viết ra; ba đến năm tin tuyển dụng thật in từ trang tuyển dụng có uy tín; phiếu học tập ở Phụ lục 1; một video ngắn giới thiệu một số nhóm nghề để khởi động.

Học sinh: sách giáo khoa, vở, bút; giấy nháp; thông tin đã hỏi được ở nhà về công việc của một người thân hoặc một người quen trong xóm; tài liệu, bài báo hoặc tờ rơi về nghề nghiệp sưu tầm được.

Phương án dự phòng: khi mất điện hoặc không có mạng, giáo viên dùng toàn bộ bản in đã chuẩn bị từ trước, gồm hai bản mô tả nghề, các tin tuyển dụng và các khung gợi ý; mọi nhiệm vụ trong chủ đề đều làm được trên giấy nên không phụ thuộc thiết bị. Nếu không chiếu được video khởi động thì thay bằng sáu tấm thẻ ghi tên sáu nhóm nghề để học sinh xếp lên bảng.

An toàn: học sinh không đăng nhập tài khoản cá nhân, không điền tên thật, ngày sinh, số điện thoại, địa chỉ nhà hay ảnh chân dung vào bất kì biểu mẫu tuyển dụng nào trên mạng, kể cả biểu mẫu chỉ để thử. Khi hỏi chuyện người lao động, các em xin phép trước, không hỏi về thu nhập riêng và không ghi âm nếu chưa được đồng ý. Khi bàn về tai nạn lao động, giáo viên nhắc lớp không nêu tên người bị nạn ở địa phương.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Mạch bài: biết cách chia nhóm nghề → nắm đặc trưng hai nhóm sách mô tả → tự tìm hiểu bốn nhóm còn lại → nói lại được cho bạn nghe → hiểu vì sao phải an toàn khi làm nghề → đọc yêu cầu của nhà tuyển dụng → thẩm định thông tin nghề trước khi tin → tìm tài liệu về xu hướng nghề → thuyết trình và tự soi lại mình.

Tiết	Câu hỏi hoặc nội dung trung tâm	Sản phẩm nổi tiếp	Thời gian
1	Có bao nhiêu cách chia nghề thành nhóm và chia theo căn cứ gì?	Bảng hai căn cứ phân loại kèm ví dụ nghề ở địa phương	45 phút
2	Nhóm nghề kỹ thuật và nhóm nghề xã hội đòi hỏi những gì?	Bảng đặc trưng và yêu cầu của hai nhóm nghề theo sách	45 phút
3	Bốn nhóm nghề sách chưa mô tả thì tra ở đâu cho đáng tin?	Bảng đặc trưng, yêu cầu của bốn nhóm nghề có ghi nguồn	45 phút

Tiết	Câu hỏi hoặc nội dung trung tâm	Sản phẩm nối tiếp	Thời gian
4	Nói lại điều mình tìm hiểu được cho bạn nghe thế nào cho rõ?	Lượt sắm vai chuyên gia và bộ câu hỏi của lớp	45 phút
5	Vì sao an toàn và sức khỏe nghề nghiệp lại là chuyện lớn?	Bảng ba tầng ý nghĩa của việc đảm bảo an toàn lao động	45 phút
6	Nhà tuyển dụng thật sự đòi hỏi những gì ở người lao động?	Phiếu phân tích hai thông báo tuyển dụng của sách	45 phút
7	Bản mô tả nghề do máy viết có đáng tin bằng lời người trong nghề không?	Phiếu đối chiếu hai bản mô tả nghề có gạch chân	45 phút
8	Tra cứu nghề bằng máy có thể gặp những rủi ro nào?	Bảng ba nhóm rủi ro kèm cách dùng an toàn	45 phút
9	Tìm tài liệu về xu hướng phát triển nghề ở đâu?	Danh mục nguồn tài liệu đã sưu tầm của nhóm	45 phút
10	Tài liệu tìm được nói gì về nghề đang cần người?	Bản giới thiệu tài liệu theo khung SGK trang 60	45 phút
11	Bài thuyết trình về an toàn nghề nghiệp gồm những phần nào?	Bản thảo bài thuyết trình đủ ba phần của nhóm	45 phút
12	Nói trước lớp rồi rút ra được bài học gì cho mình?	Lượt thi thuyết trình và phiếu tự đánh giá chủ đề	45 phút

TIẾT 1. KHỞI ĐỘNG CHỦ ĐỀ VÀ TÌM HIỂU CĂN CỨ PHÂN LOẠI NGHỀ

Hoạt động 1. Mở đầu – Một buổi sáng ở chợ và ở trạm y tế xã (8')

a) Mục tiêu: Khơi lên hứng thú với thế giới nghề nghiệp quanh mình và làm xuất hiện nhu cầu sắp xếp hàng trăm nghề khác nhau thành những nhóm có thể nắm được.

b) Nội dung: Giáo viên chiếu một video ngắn hoặc sáu bức ảnh chụp người lao động ở chính địa phương: người bán hàng ở chợ, nhân viên trạm y tế, thợ sửa xe, cán bộ xã, giáo viên và một người làm ruộng. Học sinh trả lời ba câu hỏi mở đầu ở mục A của Phụ lục 1.

c) Sản phẩm: Ba câu trả lời ngắn của mỗi học sinh ở mục A Phụ lục 1; danh sách nghề mà lớp kê ra được ghi lên bảng lớp.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (1'): Giáo viên chiếu video hoặc sáu bức ảnh, phát Phụ lục 1 và yêu cầu mỗi em trả lời ba câu hỏi ở mục A trong ba phút, viết ngắn gọn.

2. Thực hiện nhiệm vụ (3'): Học sinh xem, nhớ lại công việc của người thân trong nhà rồi tự viết câu trả lời. Giáo viên đi một vòng, nhắc em nào mới chỉ ghi tên nghề mà chưa nói người đó làm những việc gì.

3. Báo cáo, thảo luận (3'): Bốn đến năm học sinh đọc câu trả lời. Giáo viên ghi tên các nghề lên bảng thành một danh sách dài không theo thứ tự nào, rồi hỏi lớp có cách nào sắp xếp cho gọn lại không.

4. Kết luận, nhận định (1'): GV chốt: Danh sách rối rắm trên bảng chính là vấn đề của chủ đề này. Muốn hiểu được thị trường lao động thì trước hết phải biết cách xếp các nghề thành nhóm, và đó là việc của tiết học hôm nay.

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới và giải quyết vấn đề

a) Mục tiêu: Đì hết năm hoạt động của chủ đề trong sách giáo khoa trang 57 đến trang 61, từ phân loại nhóm nghề và đặc trưng từng nhóm, qua an toàn nghề nghiệp và yêu cầu của nhà tuyển dụng, đến sưu tầm tài liệu về xu hướng phát triển nghề.

b) Nội dung: Mười một nhiệm vụ nối tiếp nhau, trải từ tiết 1 đến tiết 11, tám năm hoạt động của sách giáo khoa và bốn định hướng nội dung ở trang 56.

c) Sản phẩm: Chuỗi sản phẩm ghi ở cột thứ ba của bảng mạch tiết phía trên; toàn bộ được lưu vào Phụ lục 1 của từng học sinh và giấy A3 của nhóm.

d) Tổ chức thực hiện

Căn cứ phân loại	Các nhóm nghề cơ bản
Phân loại theo đặc tính nghề nghiệp:	+ Nhóm kĩ thuật + Nhóm nghiên cứu + Nhóm nghệ thuật + Nhóm xã hội + Nhóm quản lí + Nhóm nghiệp vụ + ...
Phân loại theo đối tượng và tính chất của mối quan hệ lao động:	+ Nhóm nghề: Người – kĩ thuật + Nhóm nghề: Người – người + ...
Phân loại theo...	+ ...

Bảng gợi ý căn cứ phân loại và các nhóm nghề cơ bản — SGK trang 57

Nhiệm vụ 2.1. Xếp các nghề vừa kể theo hai căn cứ phân loại (37')

a) Mục tiêu: Phân loại được các nhóm nghề cơ bản và nêu được căn cứ của mỗi cách phân loại theo bảng gợi ý ở sách giáo khoa trang 57.

b) Nội dung: Theo yêu cầu thứ nhất của hoạt động 1 ở sách giáo khoa trang 57, học sinh đọc bảng hai cột căn cứ phân loại và các nhóm nghề cơ bản. Bảng nêu hai căn cứ có tên: phân loại theo đặc tính nghề nghiệp cho ra sáu nhóm là kĩ thuật, nghiên cứu, nghệ thuật, xã hội, quản lí, nghiệp vụ; phân loại theo đối tượng và tính chất của mối quan hệ lao động cho ra nhóm nghề Người – kĩ thuật và nhóm nghề Người – người. Các nhóm lấy chính danh sách nghề đã ghi trên bảng lớp ở hoạt động mở đầu để xếp vào từng nhóm.

c) Sản phẩm: Bảng phân loại của nhóm trên giấy A3, gồm hai căn cứ; ở căn cứ thứ nhất mỗi nhóm nghề có ít nhất một nghề có thật ở địa phương, ở căn cứ thứ hai mỗi nhóm có ít nhất hai nghề.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (4'): Giáo viên chia lớp thành sáu nhóm, phát giấy A3 và bản in bảng gợi ý ở sách giáo khoa trang 57, nêu rõ nhiệm vụ là xếp các nghề trên bảng lớp vào từng nhóm chứ không chép lại tên nhóm.

2. Thực hiện nhiệm vụ (18'): Các nhóm kẻ bảng và xếp nghề. Giáo viên đi từng nhóm, gợi ý nhóm nào đang phân vân bằng hai câu hỏi: người làm nghề này chủ yếu làm việc với máy móc, với con người hay với con số, và công việc chính của họ là tạo ra vật gì hay giúp cho ai.

3. Báo cáo, thảo luận (10'): Ba nhóm treo bảng và trình bày, mỗi nhóm khoảng hai phút. Ba nhóm còn lại nêu nghề nào mình xếp khác và giải thích căn cứ; giáo viên ghi lại những nghề gây tranh cãi.

4. Kết luận, nhận định (5'): GV chốt: Một nghề có thể nằm ở hai nhóm khác nhau tùy theo căn cứ ta chọn, ví dụ nghề bác sĩ vừa thuộc nhóm xã hội theo đặc tính nghề nghiệp vừa thuộc nhóm Người – người theo đối tượng lao động. Dòng cuối bảng trong sách để trống là chỗ cho những căn cứ phân loại khác mà lớp có thể tự đặt ra.

TIẾT 2. ĐẶC TRƯNG VÀ YÊU CẦU CỦA NHÓM NGHỀ KỸ THUẬT VÀ NHÓM NGHỀ XÃ HỘI

Kết nối hai tiết (3'): Tiết trước lớp đã xếp được các nghề vào sáu nhóm. Tiết này đi sâu vào hai nhóm mà sách giáo khoa mô tả kĩ nhất, để có một khuôn mẫu dùng lại được cho những nhóm còn lại.

Nhiệm vụ 2.2. Đọc và hệ thống đặc trưng, yêu cầu của hai nhóm nghề (42')

a) Mục tiêu: Chỉ ra được đặc trưng và yêu cầu của nhóm nghề kỹ thuật và nhóm nghề xã hội đúng theo sách giáo khoa, đồng thời nhận ra khuôn chung của một bản mô tả nhóm nghề.

b) Nội dung: Học sinh đọc hai khung gợi ý ở sách giáo khoa trang 57 và trang 58. Khung thứ nhất về nhóm nghề kỹ thuật lấy ví dụ kỹ sư ô tô, cảnh sát cứu hỏa, kỹ thuật viên cơ khí, thợ mộc; khung thứ hai về nhóm nghề xã hội lấy ví dụ giáo viên, tư vấn viên, bác sĩ, luật sư, nhân viên công tác xã hội. Mỗi khung đều chia làm hai phần là đặc trưng và yêu cầu. Các nhóm chuyển hai khung ấy thành một bảng so sánh và rút ra khuôn chung.

c) Sản phẩm: Bảng so sánh hai nhóm nghề trên giấy A3, gồm bốn ô là đặc trưng và yêu cầu của mỗi nhóm; kèm một dòng ghi khuôn chung của bản mô tả nhóm nghề gồm tên nhóm, nghề tiêu biểu, đặc trưng và yêu cầu.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5'): Giáo viên chiếu hai khung gợi ý ở sách giáo khoa trang 57 và trang 58, đọc cùng lớp một lượt, chỉ ra rằng cả hai khung đều có đúng hai phần là đặc trưng và yêu cầu.

2. Thực hiện nhiệm vụ (18'): Các nhóm kẻ bảng bốn ô và chép ý vào đúng ô, sau đó viết một dòng rút ra khuôn chung. Giáo viên nhắc phân biệt hai phần: đặc trưng nói về bản thân công việc, còn yêu cầu nói về điều người làm nghề phải có.

3. Báo cáo, thảo luận (14'): Bốn nhóm trình bày bảng so sánh. Lớp cùng trả lời hai câu hỏi: điểm nào của hai nhóm nghề khác nhau rõ nhất, và có yêu cầu nào xuất hiện ở cả hai nhóm không.

4. Kết luận, nhận định (5'): GV chốt: Nhóm nghề kỹ thuật gắn với sản xuất và vận hành kỹ thuật nên đòi hỏi tri thức khoa học, kỹ thuật cùng sự khéo léo và phản ứng nhanh; nhóm nghề xã hội gắn với việc làm việc cùng người khác nên đòi hỏi khả năng giao tiếp, ngôn ngữ và lắng nghe. Khuôn chung gồm tên nhóm, nghề tiêu biểu, đặc trưng, yêu cầu là thứ lớp sẽ dùng lại ở tiết sau.

TIẾT 3. TỰ TÌM HIỂU BỐN NHÓM NGHỀ SÁCH CHƯA MÔ TẢ

Kết nối hai tiết (3'): Sách giáo khoa nêu tên sáu nhóm nghề nhưng chỉ mô tả kĩ hai nhóm. Bốn nhóm còn lại là nghiên cứu, nghệ thuật, quản lý và nghiệp vụ mới chỉ có tên, và đó chính là phần việc dành cho lớp trong tiết này.

Nhiệm vụ 2.3. Dựng bản mô tả bốn nhóm nghề còn lại theo khuôn của sách (42')

a) Mục tiêu: Tự tìm hiểu và mô tả được đặc trưng, yêu cầu của bốn nhóm nghề nghiên cứu, nghệ thuật, quản lý và nghiệp vụ theo đúng khuôn mà sách giáo khoa đã làm mẫu, có ghi rõ nguồn của từng thông tin.

b) Nội dung: Giáo viên giao cho mỗi nhóm một trong bốn nhóm nghề, hai nhóm học sinh có thể nhận cùng một nhóm nghề để đối chiếu chéo. Nguồn tra cứu gồm ba loại: lời kể của người thân đang làm nghề đó mà học sinh đã hỏi ở nhà, tài liệu và bài báo lớp sưu tầm được, và kết quả tra cứu trên máy của lớp do giáo viên thao tác theo yêu cầu của từng nhóm. Mỗi ý viết ra đều phải ghi rõ lấy từ nguồn nào.

c) Sản phẩm: Bản mô tả nhóm nghề của mỗi nhóm trên giấy A3, gồm tên nhóm, ba nghề tiêu biểu, ít nhất hai đặc trưng và ba yêu cầu; mỗi ý kèm một chữ viết tắt chỉ nguồn và một dòng ghi rõ nguồn đó là gì.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5’): Giáo viên nêu rõ sách chỉ mô tả hai nhóm nghề, bốn nhóm còn lại lớp phải tự dựng lấy; phát khuôn bốn ô đã rút ra ở tiết trước, giao nhóm nghề cho từng nhóm và nêu quy ước ghi nguồn bằng ba chữ viết tắt.

2. Thực hiện nhiệm vụ (20’): Các nhóm viết bản mô tả. Nhóm nào cần tra cứu thì ghi câu hỏi ra giấy đưa lên, giáo viên gõ trên máy của lớp và chiếu kết quả cho cả lớp cùng nhìn, mỗi nhóm được hai lượt. Giáo viên nhắc không chép nguyên câu dài mà phải viết lại theo khuôn bốn ô.

3. Báo cáo, thảo luận (12’): Bốn nhóm trình bày, mỗi nhóm một nhóm nghề. Hai nhóm cùng nhận một nhóm nghề đọc liền nhau để lớp so sánh; lớp chỉ ra ý nào hai bên nói giống nhau và ý nào chỉ một bên có.

4. Kết luận, nhận định (5’): GV chốt: Ý mà hai nhóm cùng tìm ra từ hai nguồn khác nhau thì đáng tin hơn ý chỉ một nhóm nêu. Sách để trống bốn nhóm nghề không phải là thiếu sót của các em mà là chỗ để các em tự làm lấy, miễn là mỗi ý viết ra đều chỉ được nguồn.

TIẾT 4. SẮM VAI CHUYÊN GIA VỀ CÁC NHÓM NGHỀ CƠ BẢN

Kết nối hai tiết (3’): Sáu bản mô tả nhóm nghề đã nằm trên giấy A3. Tiết này các em phải nói lại được điều mình tìm hiểu cho bạn nghe, vì hiểu một nghề khác với kể lại được về nghề ấy.

Nhiệm vụ 2.4. Trả lời câu hỏi của lớp trong vai chuyên gia (42’)

a) Mục tiêu: Trình bày được đặc trưng và yêu cầu của một nhóm nghề trước lớp và trả lời được câu hỏi của các bạn về nhóm nghề đó.

b) Nội dung: Theo yêu cầu thứ ba của hoạt động 1 ở sách giáo khoa trang 58, mỗi nhóm cử một bạn sắm vai chuyên gia ngồi trước lớp, các bạn còn lại đóng vai người đến hỏi. Tranh minh họa trong sách gợi ý mẫu câu hỏi và mẫu câu trả lời cho nhóm nghề kỹ thuật; lớp dùng mẫu ấy cho cả sáu nhóm nghề. Mỗi lượt chuyên gia trả lời ba câu hỏi.

c) Sản phẩm: Sáu lượt sắm vai đã thực hiện; bộ câu hỏi của lớp gồm ít nhất mười hai câu đã ghi lại trong Phụ lục 1, kèm câu trả lời ngắn của chuyên gia cho từng câu.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5'): Giáo viên nêu cách chơi theo tranh minh họa ở sách giáo khoa trang 58, cho mỗi nhóm ba phút chuẩn bị và yêu cầu mỗi học sinh viết sẵn ít nhất một câu hỏi vào giấy nhớ.

2. Thực hiện nhiệm vụ (18'): Các nhóm ôn lại bản mô tả và phân công ai đỡ câu hỏi nào; đồng thời cả lớp viết câu hỏi. Giáo viên đọc lướt các câu hỏi, gạt bỏ câu hỏi về thu nhập riêng của người thật và giữ lại những câu hỏi về đặc trưng, yêu cầu của nghề.

3. Báo cáo, thảo luận (14'): Sáu lượt sắm vai lần lượt diễn ra, mỗi lượt khoảng hai phút. Chuyên gia nào không trả lời được thì cả nhóm đỡ lời; lớp ghi câu hỏi và câu trả lời vào Phụ lục 1.

4. Kết luận, nhận định (5'): GV chốt: Câu hỏi khó nhất thường không phải là nghề này làm gì mà là nghề này đòi hỏi người làm phải như thế nào. Khi trả lời được câu ấy bằng lời của mình thì các em đã thật sự nắm được nhóm nghề chứ không chỉ thuộc băng.

TIẾT 5. Ý NGHĨA CỦA VIỆC ĐẢM BẢO AN TOÀN VÀ SỨC KHOẺ NGHỀ NGHIỆP

Kết nối hai tiết (3'): Lớp đã biết mỗi nhóm nghề đòi hỏi những gì. Tiết này đặt thêm một câu hỏi mà bảng đặc trưng không trả lời được: làm nghề ấy có an toàn không, và vì sao điều đó lại quan trọng.

Nhiệm vụ 2.5. Kể tình huống thiếu an toàn và tìm ý nghĩa ba tầng (42')

a) Mục tiêu: Chia sẻ được tình huống thiếu an toàn hoặc chưa đảm bảo sức khỏe nghề nghiệp mà bản thân biết và giải thích được ý nghĩa của việc đảm bảo an toàn lao động ở ba tầng.

b) Nội dung: Theo hoạt động 2 ở sách giáo khoa trang 58, học sinh kể một số tình huống thiếu an toàn cho người lao động mà mình biết, không nêu tên người bị nạn. Sau đó lớp thảo luận ý nghĩa của việc đảm bảo an toàn và sức khỏe nghề nghiệp theo ba gợi ý của sách là phòng ngừa tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp, bảo đảm an toàn tính mạng cho người lao động, nâng cao hiệu quả lao động và mục tiêu phát triển; rồi xếp các ý nghĩa ấy vào ba tầng là với người lao động, với cơ sở sử dụng lao động và với xã hội.

c) Sản phẩm: Bảng ba tầng ý nghĩa của nhóm trên giấy A3, mỗi tầng ít nhất hai ý và mỗi ý gắn với một tình huống cụ thể lớp vừa kể.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5'): Giáo viên nêu quy ước của tiết học: chỉ kể tình huống, không nêu tên người bị nạn và không nêu tên cơ sở; sau đó chiếu ba gợi ý ở sách giáo khoa trang 58 và ba tầng cần xếp.

2. Thực hiện nhiệm vụ (18'): Học sinh kể tình huống trong nhóm rồi cùng xếp ý nghĩa vào ba tầng. Giáo viên đi từng nhóm, gợi ý bằng câu hỏi: nếu người ấy phải nghỉ việc dài ngày thì gia đình họ ra sao, cơ sở sử dụng lao động mất gì, và xã hội phải gánh thêm việc gì.

3. Báo cáo, thảo luận (14'): Bốn nhóm trình bày bảng ba tầng. Lớp so sánh và gom lại thành một bảng chung trên bảng lớp; giáo viên đánh dấu những ý nghĩa mà nhiều nhóm cùng nêu.

4. Kết luận, nhận định (5'): GV chốt: Ba gợi ý trong sách nằm ở ba tầng khác nhau. Phòng ngừa tai nạn và bệnh nghề nghiệp trước hết là chuyện của người lao động, nâng

cao hiệu quả lao động là chuyện của nơi sử dụng lao động, còn khi cả hai điều ấy được giữ thì xã hội bớt đi gánh nặng và mục tiêu phát triển mới bền.

TIẾT 6. PHÂN TÍCH YÊU CẦU CỦA NHÀ TUYỂN DỤNG

Kết nối hai tiết (3'): Đến đây lớp đã nhìn nghề từ phía sách vở và từ phía người lao động. Tiết này nhìn từ phía còn lại là nhà tuyển dụng, qua hai thông báo tuyển dụng có thật in trong sách.

Nhiệm vụ 2.6. Đọc hai thông báo tuyển dụng và tách ba loại yêu cầu (42')

a) Mục tiêu: Phân tích được yêu cầu của nhà tuyển dụng về phẩm chất và năng lực của người lao động, phân biệt được yêu cầu bắt buộc với điều kiện ưu tiên.

b) Nội dung: Học sinh đọc hai thông báo tuyển dụng ở sách giáo khoa trang 59 và trang 60. Thông báo thứ nhất tuyển lập trình viên công nghệ thông tin, nguồn ghi ở cuối khung là applyjob.org; thông báo thứ hai tuyển công nhân trồng và chăm sóc cây xanh, nguồn ghi là 123job.vn. Mỗi nhóm tách nội dung thông báo thành ba loại: yêu cầu về chuyên môn, yêu cầu về phẩm chất, và điều kiện ưu tiên; sau đó so sánh hai thông báo.

c) Sản phẩm: Phiếu phân tích hai thông báo tuyển dụng ở mục D Phụ lục 1, mỗi thông báo tách đủ ba loại yêu cầu; kèm hai dòng so sánh chỉ ra điểm khác nhau về trình độ và về phẩm chất giữa hai nghề.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5'): Giáo viên phát bản in hai thông báo tuyển dụng, hướng dẫn cách đọc một thông báo theo thứ tự mô tả công việc, yêu cầu công việc rồi đến phần ưu tiên; nhấn mạnh phần ưu tiên không phải là điều kiện bắt buộc.

2. Thực hiện nhiệm vụ (18'): Các nhóm tách ba loại yêu cầu cho từng thông báo và viết hai dòng so sánh. Giáo viên đi từng nhóm, hỏi lại nhóm nào xếp nhầm phần ưu tiên vào phần bắt buộc và nhắc chú ý những yêu cầu về phẩm chất vốn dễ bị bỏ qua vì không có bằng cấp đi kèm.

3. Báo cáo, thảo luận (14'): Bốn nhóm trình bày phiếu phân tích. Lớp cùng trả lời hai câu hỏi: hai nghề khác nhau về trình độ đào tạo ở chỗ nào, và có phẩm chất nào cả hai nhà tuyển dụng đều đòi hỏi không.

4. Kết luận, nhận định (5'): GV chốt: Thông báo thứ nhất đòi tốt nghiệp đại học chính quy cùng nhiều kiến thức chuyên môn, thông báo thứ hai chỉ đòi tốt nghiệp trung học phổ thông cùng sự cần cù, cẩn thận. Nhưng cả hai đều đòi hỏi phẩm chất và tinh thần trách nhiệm, và đó là phần không trường lớp nào cấp bằng thay các em được.

TIẾT 7. THẨM ĐỊNH MỘT BẢN MÔ TẢ NGHỀ DO MÁY VIẾT

Kết nối hai tiết (3'): Ngày nay nhiều bạn tra cứu nghề bằng cách hỏi máy và nhận về một đoạn văn trôi chảy. Tiết này đặt đoạn văn ấy cạnh lời của người đang làm nghề để xem hai bên có nói giống nhau không.

Nhiệm vụ 2.7. Đối chiếu hai bản mô tả cùng một nghề (42')

a) Mục tiêu: Đánh giá được độ chính xác và độ tin cậy của một bản mô tả nghề do trí tuệ nhân tạo viết ra bằng cách đối chiếu với lời người trong nghề và với tin tuyển dụng thật.

b) Nội dung: Giáo viên phát cho mỗi nhóm hai bản in cùng mô tả một nghề: bản thứ nhất ghi theo lời một người đang làm nghề đó kể về công việc thật của mình, bản thứ hai do một

phần mềm trí tuệ nhân tạo viết ra cho cùng câu hỏi. Học sinh đặt hai bản cạnh nhau, gạch chân trên bản của máy những chỗ nói chung chung, những chỗ nói khác với lời người trong nghề, rồi đối chiếu tiếp với thông báo tuyển dụng ở sách giáo khoa để kết luận chi tiết nào đúng được và chi tiết nào phải bỏ. Chính bước đối chiếu này là phần được chấm.

c) Sản phẩm: Phiếu đối chiếu của nhóm ở mục C Phụ lục 1, gồm ba chỗ đã gạch chân trên bản của máy kèm lí do cho từng chỗ, và một dòng kết luận bản của máy đúng được đến đâu.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5'): Giáo viên phát hai bản in cho từng nhóm, nói rõ hai bản cùng nói về một nghề nhưng do hai bên viết ra; nêu ba dấu hiệu của một câu nói chung chung là không có con số, không có tên việc cụ thể và đúng với mọi nghề.

2. Thực hiện nhiệm vụ (18'): Các nhóm đọc song song hai bản, gạch chân trên bản của máy và ghi lí do bên cạnh, sau đó mở sách giáo khoa trang 59 và trang 60 đối chiếu với thông báo tuyển dụng thật. Giáo viên nhắc mỗi chỗ gạch chân phải chỉ được ra bản kia nói khác thế nào.

3. Báo cáo, thảo luận (14'): Bốn nhóm trình bày phiếu đối chiếu: đọc câu của máy, đọc câu tương ứng của người trong nghề rồi nêu lí do. Lớp xếp các chỗ gạch chân thành hai loại là nói chung chung và nói sai lệch, đồng thời chỉ ra chi tiết nào máy nói đúng.

4. Kết luận, nhận định (5'): GV chốt: Bản của máy đọc trôi chảy vì nó ghép lại lời của rất nhiều người viết trước đó, nhưng nó không đi làm ngày nào nên hay thiếu những chi tiết chỉ người trong nghề mới biết như ca kíp, mùa vụ, dụng cụ thật sự dùng. Cách kiểm duy nhất là đặt nó cạnh một nguồn có thật rồi soi từng câu, chứ không phải hỏi lại máy lần nữa.

TIẾT 8. PHÒNG TRÁNH RỦI RO KHI TRA CỨU NGHỀ BẰNG MÁY

Kết nối hai tiết (3'): Tiết trước lớp đã thấy bản mô tả của máy lệch ở đâu. Tiết này đi tiếp một bước: nếu cứ tin theo mà nộp hồ sơ hay khai thông tin thì có thể gặp những rắc rối gì.

Nhiệm vụ 2.8. Xếp rủi ro thành ba nhóm và nêu cách dùng an toàn (42')

a) Mục tiêu: Phân loại được rủi ro có thể gặp khi tra cứu nghề bằng máy và nêu được cách dùng an toàn cho từng nhóm rủi ro, có đối chiếu với tin tuyển dụng thật.

b) Nội dung: Giáo viên phát cho mỗi nhóm ba đến năm tin tuyển dụng in sẵn, trong đó có tin lấy từ trang có uy tín và tin có dấu hiệu đáng ngờ. Học sinh xếp các rủi ro thành ba nhóm: tin tuyển dụng không có thật, mức lương và yêu cầu bị nói sai lệch, nguy cơ lộ thông tin cá nhân. Với mỗi nhóm rủi ro, các em chỉ ra dấu hiệu nhận biết trên chính tin tuyển dụng đang cầm và nêu một cách dùng an toàn.

c) Sản phẩm: Bảng ba nhóm rủi ro của nhóm ở mục C Phụ lục 1, mỗi nhóm rủi ro có hai dấu hiệu nhận biết dẫn từ tin tuyển dụng cụ thể và một cách dùng an toàn viết thành việc làm được ngay.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5'): Giáo viên phát các tin tuyển dụng đã in, nêu ba nhóm rủi ro cần xếp và làm mẫu một dấu hiệu trên một tin: tin hứa lương rất cao mà không nêu yêu cầu chuyên môn nào.

2. Thực hiện nhiệm vụ (18'): Các nhóm đọc các tin, đánh dấu dấu hiệu đáng ngờ và xếp vào ba nhóm rủi ro, sau đó viết cách dùng an toàn. Giáo viên nhắc mỗi cách dùng an toàn

phải là việc học sinh làm được, ví dụ đối chiếu tên đơn vị tuyển dụng ở một nguồn khác trước khi tin.

3. Báo cáo, thảo luận (14'): Bốn nhóm trình bày bảng ba nhóm rủi ro. Lớp bổ sung dấu hiệu còn thiếu và cùng thống nhất một quy tắc chung cho cả lớp về việc không khai thông tin cá nhân khi tìm hiểu nghề.

4. Kết luận, nhận định (5'): GV chốt: Ba nhóm rủi ro này khác nhau về mức thiệt hại. Tin không có thật thì mất thời gian, thông tin sai lệch thì chọn nghề nhầm, còn lộ thông tin cá nhân thì hậu quả kéo dài và khó gỡ nhất. Vì thế quy tắc đầu tiên khi tìm hiểu nghề trên mạng là không điền tên thật, số điện thoại và địa chỉ vào bất cứ biểu mẫu nào.

TIẾT 9. SƯU TẦM TÀI LIỆU VỀ XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGHỀ

Kết nối hai tiết (3'): Lớp đã biết cách kiểm một thông tin nghề nghiệp. Tiết này dùng chính khả năng ấy để đi tìm tài liệu về xu hướng phát triển nghề, tức là về những nghề đang cần người trong vài năm tới.

Nhiệm vụ 2.9. Xác định cách thức sưu tầm và lập danh mục nguồn (42')

a) Mục tiêu: Xác định được cách thức sưu tầm tài liệu về xu hướng phát triển nghề trong xã hội và thị trường lao động, lập được danh mục nguồn có ghi rõ xuất xứ.

b) Nội dung: Theo yêu cầu thứ nhất của hoạt động 4 ở sách giáo khoa trang 60, sách gợi ý ba cách sưu tầm: qua sách, báo, tạp chí và ấn phẩm giới thiệu về các ngành, nghề; qua Internet ở một số trang có uy tín như Tổ chức ILO và website về lĩnh vực nghề nghiệp; qua việc chia sẻ, trao đổi tài liệu từ nhà tuyển dụng, chuyên gia hướng nghiệp và bạn bè. Mỗi nhóm chọn hai trong ba cách rồi lập danh mục nguồn của mình.

c) Sản phẩm: Danh mục nguồn tài liệu của nhóm gồm ít nhất bốn nguồn, mỗi nguồn ghi đủ tên tài liệu, nơi lấy, thời điểm công bố và một dòng nói vì sao nhóm cho rằng nguồn ấy đáng tin.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5'): Giáo viên chiếu ba cách sưu tầm ở sách giáo khoa trang 60, phân tích vì sao cần ưu tiên nguồn có tên tổ chức và có ngày công bố; giao mỗi nhóm chọn hai cách khác nhau.

2. Thực hiện nhiệm vụ (18'): Các nhóm lập danh mục từ tài liệu đã sưu tầm ở nhà. Nhóm nào cần tra trên mạng thì viết yêu cầu ra giấy, giáo viên gõ trên máy của lớp và chiếu kết quả; giáo viên nhắc các em xem kỹ ngày công bố vì số liệu nghề nghiệp cũ vài năm là đã lạc hậu.

3. Báo cáo, thảo luận (14'): Bốn nhóm đọc danh mục nguồn. Lớp cùng xếp các nguồn thành ba mức đáng tin và giải thích căn cứ xếp; giáo viên ghi lên bảng những dấu hiệu của một nguồn đáng tin.

4. Kết luận, nhận định (5'): GV chốt: Một tài liệu về nghề nghiệp đáng tin khi nói rõ ai công bố, công bố lúc nào và số liệu lấy từ đâu. Thiếu ngày công bố là dấu hiệu đáng ngại nhất, vì thị trường lao động thay đổi từng năm.

TIẾT 10. GIỚI THIỆU TÀI LIỆU ĐÃ SƯU TẦM ĐƯỢC

Kết nối hai tiết (3'): Danh mục nguồn đã có. Tiết này đọc kỹ những tài liệu ấy và nói lại cho lớp nghe điều mình tìm được, theo đúng khung mà sách giáo khoa đưa ra.

**GIỚI THIỆU TÀI LIỆU VỀ XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGHỀ TRONG XÃ HỘI
VÀ THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG**

1. Các nguồn tài liệu đã sưu tầm và tìm hiểu:
 - ...
 - ...
2. Nội dung đã tìm hiểu được (ghi rõ nguồn tài liệu, số liệu, thông tin thu thập được).
 - Nghề có nhu cầu tuyển dụng nhiều nhất.
 - Nghề được nhiều người lựa chọn.
 - Những đặc điểm và yêu cầu của nghề đó đối với người lao động.
 - Xu hướng phát triển nghề trong xã hội.

Khung gợi ý giới thiệu tài liệu về xu hướng phát triển nghề — SGK trang 60

Nhiệm vụ 2.10. Trình bày bản giới thiệu tài liệu theo khung của sách (42')

a) Mục tiêu: Giới thiệu được ít nhất một tài liệu về xu hướng phát triển nghề trong xã hội và thị trường lao động theo khung gợi ý, có ghi rõ nguồn và số liệu.

b) Nội dung: Theo yêu cầu thứ hai của hoạt động 4 ở sách giáo khoa trang 60, mỗi nhóm điền khung giới thiệu tài liệu gồm hai phần: các nguồn tài liệu đã sưu tầm và tìm hiểu; nội dung đã tìm hiểu được với bốn ý là nghề có nhu cầu tuyển dụng nhiều nhất, nghề được nhiều người lựa chọn, những đặc điểm và yêu cầu của nghề đó đối với người lao động, và xu hướng phát triển nghề trong xã hội. Khung yêu cầu ghi rõ nguồn tài liệu, số liệu và thông tin thu thập được.

c) Sản phẩm: Bản giới thiệu tài liệu của nhóm ở mục D Phụ lục 1, đủ hai phần và bốn ý, mỗi ý có ít nhất một số liệu hoặc một thông tin cụ thể kèm tên nguồn.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5'): Giáo viên chiếu khung giới thiệu ở sách giáo khoa trang 60, chỉ ra dòng trong ngoặc yêu cầu ghi rõ nguồn tài liệu, số liệu và thông tin thu thập được, và nói rõ đây là phần phân biệt một bản giới thiệu với một bài cảm nghĩ.

2. Thực hiện nhiệm vụ (18'): Các nhóm điền khung. Giáo viên đi từng nhóm, hỏi lại với mỗi ý: con số này lấy ở tài liệu nào và công bố năm nào; nhóm nào chưa có số liệu thì hướng dẫn quay lại danh mục nguồn tiết trước để tìm.

3. Báo cáo, thảo luận (14'): Bốn nhóm trình bày bản giới thiệu, mỗi nhóm khoảng ba phút. Lớp đối chiếu: các nhóm có nêu ra cùng một nhóm nghề đang cần người không, và nếu khác nhau thì vì tài liệu khác nhau hay vì thời điểm công bố khác nhau.

4. Kết luận, nhận định (5'): GV chốt: Xu hướng phát triển nghề không phải là dự đoán cảm tính mà phải dựa vào số liệu tuyển dụng có nguồn. Khi hai tài liệu nói khác nhau thì việc đầu tiên là nhìn ngày công bố và nhìn phạm vi khảo sát, chứ không phải chọn cái nào mình thích hơn.

TIẾT 11. XÂY DỰNG BÀI THUYẾT TRÌNH VỀ AN TOÀN VÀ SỨC KHOẺ NGHỀ NGHIỆP

Kết nối hai tiết (3'): Tiết 5 lớp đã tìm ra ý nghĩa ba tầng của việc đảm bảo an toàn lao động. Tiết này biến những ý ấy thành một bài nói có đầu có cuối để trình bày trước lớp.

CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG BÀI THUYẾT TRÌNH

- Đặt vấn đề:
 - + Khái niệm đảm bảo an toàn và sức khỏe nghề nghiệp đối với người lao động.
 - + Sự cần thiết phải quan tâm đến việc đảm bảo an toàn và sức khỏe nghề nghiệp người lao động.
- Giải quyết vấn đề: Nêu rõ ý nghĩa của đảm bảo an toàn và sức khỏe nghề nghiệp người lao động.
 - + Đối với người lao động.
 - + Đối với cơ sở sử dụng lao động.
 - + Đối với xã hội.
- Kết luận: Khẳng định ý nghĩa quan trọng và đề xuất những giải pháp đảm bảo an toàn và sức khỏe nghề nghiệp đối với người lao động.

Khung gợi ý cấu trúc và nội dung bài thuyết trình — SGK trang 61

Hoạt động 3. Luyện tập – Viết bài thuyết trình theo cấu trúc ba phần (42')

a) Mục tiêu: Xây dựng được bài thuyết trình về ý nghĩa của việc đảm bảo an toàn và sức khỏe nghề nghiệp đối với người lao động, đủ ba phần theo cấu trúc ở sách giáo khoa trang 61.

b) Nội dung: Mỗi nhóm viết bài thuyết trình theo khung gợi ý gồm ba phần. Phần đặt vấn đề nêu khái niệm đảm bảo an toàn và sức khỏe nghề nghiệp cùng sự cần thiết phải quan tâm đến việc đó. Phần giải quyết vấn đề nêu rõ ý nghĩa ở ba tầng là đối với người lao động, đối với cơ sở sử dụng lao động và đối với xã hội. Phần kết luận khẳng định ý nghĩa quan trọng và đề xuất giải pháp. Bài viết dùng lại bảng ba tầng đã lập ở tiết 5 và ít nhất một tình huống có thật lớp đã kể.

c) Sản phẩm: Bản thảo bài thuyết trình của nhóm dài không quá một trang giấy A4, đủ ba phần, có ít nhất một tình huống minh họa và hai giải pháp đề xuất ở phần kết luận.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5'): Giáo viên chiếu khung cấu trúc ở sách giáo khoa trang 61, đọc cùng lớp ba phần và nhấn mạnh phần giải quyết vấn đề phải đủ ba tầng chứ không dừng ở tầng người lao động.

2. Thực hiện nhiệm vụ (18'): Các nhóm viết bản thảo và phân công người trình bày. Giáo viên đi từng nhóm, hỏi hai điều: phần đặt vấn đề đã nói được vì sao chuyện này đáng quan tâm chưa, và hai giải pháp ở phần kết luận có phải là việc làm được không.

3. Báo cáo, thảo luận (14'): Hai nhóm đọc thử bản thảo trước lớp. Lớp góp ý theo ba phần, mỗi phần một nhận xét; các nhóm còn lại sửa bài của mình theo góp ý vừa nghe.

4. Kết luận, nhận định (5'): GV chốt: Bài thuyết trình về an toàn lao động dễ sa vào hô hào. Cách tránh là mỗi ý nghĩa đều gắn với một tình huống có thật và mỗi giải pháp đều nói rõ ai làm, làm gì. Bản thảo hôm nay sẽ được trình bày ở tiết cuối chủ đề.

TIẾT 12. THI THUYẾT TRÌNH VÀ TỔNG KẾT CHỦ ĐỀ

Kết nối hai tiết (3'): Mười một tiết vừa qua lớp đã đi từ cách chia nhóm nghề đến cách đọc một tin tuyển dụng và cách kiểm một thông tin nghề nghiệp. Tiết cuối là lúc nói ra trước lớp và tự nhìn lại chính mình.

Hoạt động 4. Vận dụng – Thi thuyết trình, rút bài học và tự đánh giá chủ đề (42')

a) Mục tiêu: Trình bày được bài thuyết trình trước lớp, rút ra được bài học từ bài thuyết trình của các nhóm và tự đánh giá được kết quả trải nghiệm chủ đề theo năm tiêu chí của sách giáo khoa.

b) Nội dung: Theo yêu cầu thứ hai và thứ ba của hoạt động 5 ở sách giáo khoa trang 61, các nhóm lần lượt thi thuyết trình rồi chia sẻ bài học rút ra. Sau đó mỗi học sinh hoàn thành phiếu tự đánh giá theo năm tiêu chí ở phần Đánh giá cuối chủ đề trang 61 với hai mức Đạt hoặc Chưa đạt, và viết một việc mình sẽ làm tiếp theo hoạt động 6 của sách là trao đổi thường xuyên với thầy cô, cha mẹ, bạn bè và tìm đọc thêm thông tin về nghề.

c) Sản phẩm: Sáu lượt thuyết trình đã trình bày; danh sách bài học lớp rút ra; phiếu tự đánh giá năm tiêu chí của mỗi học sinh kèm một việc sẽ làm tiếp sau chủ đề.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5’): Giáo viên nêu thể lệ thi: mỗi nhóm nói ba phút, ba tiêu chí chấm là đủ ba phần, có tình huống thật và giải pháp làm được; phát phiếu chấm chéo cho các nhóm.

2. Thực hiện nhiệm vụ (18’): Sáu nhóm lần lượt thuyết trình, các nhóm còn lại chấm chéo theo phiếu và ghi một bài học rút ra từ mỗi bài nói. Giáo viên bấm giờ và ghi lại những ý hay để nhắc lại cuối giờ.

3. Báo cáo, thảo luận (14’): Lớp công bố kết quả chấm chéo và cùng gom danh sách bài học rút ra. Sau đó mỗi học sinh đánh dấu phiếu tự đánh giá năm tiêu chí ở trang 61 và ghi tên sản phẩm chứng minh cho tiêu chí mình chọn mức Đạt, rồi viết một việc sẽ làm tiếp.

4. Kết luận, nhận định (5’): GV chốt: Chủ đề khép lại nhưng việc tìm hiểu nghề thì còn dài. Điều đáng giữ lại nhất sau mười hai tiết không phải là thuộc tên sáu nhóm nghề mà là thói quen hỏi lại nguồn trước khi tin một thông tin về nghề, vì chọn nghề là chuyện của cả đời người.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

PHỤ LỤC 1. PHIẾU HỌC TẬP CHỦ ĐỀ 8 – DÙNG XUYỀN SUỐT CHỦ ĐỀ

Họ và tên: Lớp: Nhóm:

A. CÂU HỎI MỞ ĐẦU

1. Kể tên ba nghề mà em thấy có người làm ở ngay xã, phường nơi em ở.
2. Chọn một trong ba nghề đó và nói người ấy làm những việc gì trong một ngày.
3. Theo em, người làm nghề đó cần có những gì thì mới làm được?

B. PHIẾU KIẾN THỨC CHỦ ĐỀ 8

Nội dung	Ý chính (SGK nói gì?)	Ví dụ / số liệu minh họa	Rút ra điều gì?
Gợi ý cách ghi →	Ghi ý chính trong SGK, 1–2 câu ngắn.	Nêu một ví dụ, số liệu hoặc tư liệu minh họa.	Viết một câu kết luận hoặc liên hệ.
1. Các nhóm nghề cơ bản và căn cứ phân loại			
2. Đặc trưng, yêu cầu của nhóm nghề			
3. An toàn và sức khỏe nghề nghiệp của người lao động			
4. Yêu cầu của nhà tuyển dụng và xu hướng phát triển nghề			

C. MINH CHỨNG NĂNG LỰC SỐ – AI

Nhiều bạn tìm hiểu nghề bằng cách hỏi máy và nhận về một đoạn văn nghe rất xuôi tai. Hai ví dụ dưới đây giúp em thấy vì sao phải kiểm lại trước khi tin.

Ví dụ A: cô Lan làm ở vườn ươm kể lại một ngày làm việc của mình: sáu giờ sáng tưới cây, trưa che lưới chống nắng, mùa mưa phải phun thuốc phòng bệnh, mỗi tháng có mấy ngày phải đi theo công trình ở xa.

Ví dụ B: một phần mềm nhận câu hỏi “nghề chăm sóc cây xanh làm những việc gì” và viết ra một đoạn nói rằng đây là nghề gần gũi thiên nhiên, đòi hỏi yêu cây cối, có triển vọng tốt và thu nhập ổn định; hỏi lại lần nữa thì nó viết ra một đoạn khác trước.

Trả lời bốn câu hỏi sau:

1. Điều cô Lan kể và điều phần mềm viết ra khác nhau ở chỗ nào? Bên nào nói được việc cụ thể hơn?
2. Trong đoạn của phần mềm, câu nào đúng với hầu như mọi nghề nên không cho em biết thêm điều gì?
3. Muốn biết một câu trong đoạn của phần mềm có đúng không, em đối chiếu với những nguồn nào?
4. Khi tìm hiểu nghề trên mạng, em tuyệt đối không được điền những thông tin nào về bản thân?

Phiếu đối chiếu hai bản mô tả nghề của nhóm em:

Câu trong bản do máy viết	Người trong nghề nói thế nào	Nói chung chung hay sai lệch	Kết luận: giữ hay bỏ

– Kết luận chung: bản do máy viết dùng được đến đâu:

Bảng ba nhóm rủi ro khi tra cứu nghề bằng máy:

Nhóm rủi ro	Hai dấu hiệu nhận biết (dẫn từ tin tuyển dụng cụ thể)	Cách dùng an toàn của nhóm em
Tin tuyển dụng không có thật		
Mức lương, yêu cầu bị nói sai lệch		
Nguy cơ lộ thông tin cá nhân		

D. LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

D1. Bảng đặc trưng, yêu cầu của nhóm nghề (làm theo nhóm)

Sách giáo khoa mô tả sẵn nhóm nghề kỹ thuật và nhóm nghề xã hội. Bốn nhóm còn lại nhóm em tự tìm hiểu và điền theo đúng khuôn này, nhớ ghi nguồn cho từng ý.

Nhóm nghề	Ba nghề tiêu biểu	Đặc trưng	Yêu cầu	Nguồn
Kỹ thuật (SGK trang 57)				
Xã hội (SGK trang 57–58)				
Nghiên cứu (nhóm em tự tìm hiểu)				
Nghệ thuật (nhóm em tự tìm hiểu)				
Quản lý (nhóm em tự tìm hiểu)				
Nghiep vụ (nhóm em tự tìm hiểu)				

D2. Phiếu phân tích hai thông báo tuyển dụng ở SGK trang 59 và trang 60

Nội dung phân tích	Thông báo 1: lập trình viên	Thông báo 2: công nhân chăm sóc cây xanh
Mô tả công việc		
Yêu cầu về chuyên môn		
Yêu cầu về phẩm chất		
Điều kiện ưu tiên		

– Hai thông báo khác nhau rõ nhất ở chỗ nào:

– Phẩm chất nào cả hai nhà tuyển dụng đều đòi hỏi:

D3. Bản giới thiệu tài liệu về xu hướng phát triển nghề (làm theo nhóm)

1. Các nguồn tài liệu đã sưu tầm và tìm hiểu (ghi tên tài liệu, nơi lấy, năm công bố):

-
-

2. Nội dung đã tìm hiểu được (ghi rõ nguồn tài liệu, số liệu, thông tin thu thập được):

- Nghề có nhu cầu tuyển dụng nhiều nhất:
- Nghề được nhiều người lựa chọn:
- Những đặc điểm và yêu cầu của nghề đó đối với người lao động:
- Xu hướng phát triển nghề trong xã hội:

D4. Bài thuyết trình về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp

- Đặt vấn đề (khái niệm và sự cần thiết):
- Ý nghĩa đối với người lao động:
- Ý nghĩa đối với cơ sở sử dụng lao động:
- Ý nghĩa đối với xã hội:
- Kết luận và hai giải pháp đề xuất:

PHỤ LỤC 2. ĐÁP ÁN NGẮN – GIÁO VIÊN NHÌN NHANH

1. Gọi ý đáp án phiếu kiến thức (tham khảo)

Nội dung	Ý chính (SGK nói gì?)	Ví dụ / số liệu	Rút ra điều gì?
1. Các nhóm nghề cơ bản và căn cứ phân loại	SGK trang 57 đưa bảng hai cột căn cứ phân loại và các nhóm nghề cơ bản, nêu hai căn cứ có tên và để dòng cuối trống cho những căn cứ khác.	Phân loại theo đặc tính nghề nghiệp cho sáu nhóm: kỹ thuật, nghiên cứu, nghệ thuật, xã hội, quản lý, nghiệp vụ. Phân loại theo đối tượng và tính chất của mối quan hệ lao động cho nhóm nghề Người – kỹ thuật và nhóm nghề Người – người.	Một nghề có thể thuộc hai nhóm khác nhau tùy căn cứ ta chọn; nói tên nhóm mà không nói căn cứ thì chưa rõ nghĩa.
2. Đặc trưng, yêu cầu của nhóm nghề	SGK trang 57 và trang 58 mô tả kỹ hai nhóm là nhóm nghề kỹ thuật và nhóm nghề xã hội, mỗi khung chia làm hai phần đặc trưng và yêu cầu. Bốn nhóm còn lại sách chỉ nêu tên, không mô tả — phần này lớp tự tìm hiểu ở Nhiệm vụ 2.3.	Nhóm nghề kỹ thuật lấy ví dụ kỹ sư ô tô, cảnh sát cứu hỏa, kỹ thuật viên cơ khí, thợ mộc; đặc trưng là gắn với nhiều lĩnh vực sản xuất và liên quan đến vận hành kỹ thuật hoặc tổ chức sản xuất; yêu cầu gồm say mê nghiêm túc, nắm chắc tri thức khoa học kỹ thuật, nhiệt tình và óc sáng tạo, có năng lực tổ chức sản xuất, khéo léo và phản ứng nhanh chính xác. Nhóm nghề xã hội lấy ví dụ giáo viên, tư vấn viên, bác sĩ, luật sư, nhân viên công tác xã hội; đặc trưng là gắn với hoạt động đòi hỏi giao tiếp và làm việc với người khác, có hiểu biết về kiến thức xã hội; yêu cầu gồm khả năng giao tiếp và làm việc nhóm, khả năng ngôn ngữ giảng giải tư vấn, nhiệt tình sẵn sàng giúp đỡ, khả năng lắng nghe và thấu hiểu.	Đặc trưng nói về bản thân công việc, còn yêu cầu nói về điều người làm nghề phải có; giữ đúng hai phần này thì mô tả nhóm nghề nào cũng được.
3. An toàn và sức khỏe nghề nghiệp của người lao động	SGK trang 58 yêu cầu chia sẻ tình huống thiếu an toàn rồi thảo luận ý nghĩa của việc đảm bảo an toàn và sức khỏe nghề nghiệp; trang 61 đưa khung cấu trúc bài thuyết trình ba phần về nội	Ba gợi ý ở trang 58: phòng ngừa tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp; bảo đảm an toàn tính mạng cho người lao động; nâng cao hiệu quả lao động và mục tiêu phát triển. Khung trang	Ý nghĩa của an toàn lao động không dừng ở người lao động; nói đủ ba tầng thì mới thấy vì sao đây là việc của cả xã hội chứ không riêng ai.

Nội dung	Ý chính (SGK nói gì?)	Ví dụ / số liệu	Rút ra điều gì?
	dung này.	61 chia ý nghĩa thành ba tầng: đối với người lao động, đối với cơ sở sử dụng lao động, đối với xã hội.	
4. Yêu cầu của nhà tuyển dụng và xu hướng phát triển nghề	SGK trang 59 và trang 60 đưa hai thông báo tuyển dụng có thật để phân tích yêu cầu về phẩm chất và năng lực; trang 60 nêu ba cách sưu tầm tài liệu và khung giới thiệu tài liệu về xu hướng phát triển nghề.	Thông báo tuyển lập trình viên đòi tốt nghiệp đại học chính quy, thành thạo ít nhất một ngôn ngữ trong nhóm Java, JavaScript, có kiến thức lập trình IOS, Android và các hệ Oracle, SQL, MySQL, DB2; phẩm chất gồm trung thực nhiệt tình, làm việc nhóm, ham học hỏi, tinh thần trách nhiệm cao; nguồn ghi là applyjob.org. Thông báo tuyển công nhân trồng và chăm sóc cây xanh đòi cần cù cẩn thận chăm chỉ, chấp nhận đi công tác theo công trình, tốt nghiệp trung học phổ thông; ưu tiên có tay nghề chăm sóc cây, yêu thích cây xanh, độ tuổi dưới 40 tuổi; nguồn ghi là 123job.vn. Nguồn uy tín được gợi ý để sưu tầm tài liệu là Tổ chức ILO.	Phần ưu tiên không phải điều kiện bắt buộc; hai nghề khác nhau nhiều về trình độ đào tạo nhưng đều đòi hỏi phẩm chất và tinh thần trách nhiệm.

2. Ghi chú cho phần Năng lực số – AI ở Phụ lục 1

Ví dụ A – lời cô Lan có giờ giấc, có mùa vụ, có việc cụ thể và có cả phần vất vả; đó là những chi tiết chỉ người đang làm nghề mới biết, và kiểm lại được bằng cách hỏi chính cô ấy hoặc hỏi người cùng làm.

Ví dụ B – đoạn của phần mềm nghe xuôi nhưng toàn câu chung. Những câu như gần gũi thiên nhiên, có triển vọng tốt, thu nhập ổn định đúng với rất nhiều nghề nên không cho biết thêm điều gì về nghề này; riêng câu thu nhập ổn định còn là điều máy không có căn cứ để khẳng định. Hỏi lại lần nữa ra đoạn khác chính là dấu hiệu cho thấy đây là văn được ghép ra chứ không phải điều đã kiểm chứng.

Câu hỏi 3 – đối chiếu với ba nguồn: lời người đang làm nghề, thông báo tuyển dụng thật của chính nghề ấy, và tài liệu của một tổ chức có tên tuổi kèm ngày công bố. Câu nào cả ba nguồn đều không nhắc tới thì bỏ.

Câu hỏi 4 – tuyệt đối không điền tên thật, ngày sinh, số căn cước, số điện thoại, địa chỉ nhà, ảnh chân dung và tên trường lớp vào biểu mẫu tuyển dụng trên mạng, kể cả khi chỉ định thử cho biết. Muốn tìm hiểu thì đọc tin, ghi ra giấy rồi hỏi thầy cô hoặc bố mẹ.

Phiếu tự đánh giá phần này (dùng hai mức):

- Chỉ ra được ít nhất ba câu chung chung hoặc sai lệch trong bản do máy viết: Đạt hoặc Chưa đạt.
- Với mỗi chỗ đã gạch chân, nêu được nguồn dùng để đối chiếu: Đạt hoặc Chưa đạt.
- Xếp đúng ba nhóm rủi ro và dẫn được dấu hiệu từ tin tuyển dụng cụ thể: Đạt hoặc Chưa đạt.
- Nêu được cách dùng an toàn viết thành việc làm được ngay: Đạt hoặc Chưa đạt.

3. Lỗi thường gặp và gợi mở

Lỗi 1 – học sinh chép lại tên sáu nhóm nghề mà không xếp được nghề nào vào nhóm nào. Gợi mở: chỉ vào một nghề trên bảng lớp và hỏi người làm nghề này chủ yếu làm việc với máy móc, với người hay với con số.

Lỗi 2 – lẫn giữa đặc trưng và yêu cầu, ví dụ ghi khéo léo vào cột đặc trưng. Gợi mở: nhắc đặc trưng nói về công việc, yêu cầu nói về người làm; hỏi lại câu này đang tả công việc hay tả người.

Lỗi 3 – khi tự tìm hiểu bốn nhóm nghề còn lại, học sinh chép nguyên một đoạn dài trên mạng mà không ghi nguồn. Gợi mở: yêu cầu rút thành khuôn bốn ô và hỏi đoạn này lấy ở đâu, ai viết, viết năm nào.

Lỗi 4 – xếp nhầm điều kiện ưu tiên thành yêu cầu bắt buộc nên kết luận mình không đủ điều kiện. Gợi mở: chỉ vào chữ Ưu tiên trong thông báo và hỏi thiếu điều này thì có bị loại ngay không.

Lỗi 5 – khi đối chiếu hai bản mô tả nghề, học sinh chỉ khen bản của máy viết hay mà không chỉ ra được chỗ nào chung chung. Gợi mở: đưa ba dấu hiệu là không có con số, không có tên việc cụ thể, đúng với mọi nghề, rồi yêu cầu soi lại từng câu.

Lỗi 6 – bản giới thiệu tài liệu không có số liệu và không ghi năm công bố. Gợi mở: hỏi con số này lấy ở tài liệu nào, công bố năm nào, và nếu là số của nhiều năm trước thì bây giờ còn đúng không.

Lỗi 7 – bài thuyết trình chỉ nói ý nghĩa với người lao động rồi dừng, bỏ hai tầng còn lại. Gợi mở: chỉ vào khung ở sách giáo khoa trang 61 và hỏi cơ sở sử dụng lao động mất gì khi xảy ra tai nạn, xã hội phải gánh thêm việc gì.

4. Bảng tiêu chí đánh giá

Tiêu chí	Đạt tốt	Đạt	Chưa đạt
Phân loại và mô tả nhóm nghề	Xếp đúng theo cả hai căn cứ; mô tả bốn nhóm nghề tự tìm hiểu đủ khuôn bốn ô và ghi nguồn cho từng ý.	Xếp được theo một căn cứ và mô tả được các nhóm nghề chính.	Chỉ chép lại tên nhóm, không xếp được nghề hoặc không ghi nguồn.
Yêu cầu tuyển dụng và an toàn nghề nghiệp	Tách đúng ba loại yêu cầu của cả hai thông báo; nêu ý nghĩa an toàn lao động đủ ba tầng, có tình huống thật.	Tách được yêu cầu chính và nêu được hai tầng ý nghĩa.	Nhầm phân ưu tiên với yêu cầu bắt buộc; ý nghĩa dừng ở khẩu hiệu chung.
Năng lực số và AI (Phụ lục 3)	Chỉ ra được chỗ chung chung và chỗ sai lệch kèm nguồn đối chiếu; xếp đủ	Nêu được một chỗ chưa đáng tin và một cách dùng an toàn.	Tin trọn vẹn đoạn văn do máy viết, hoặc sẵn sàng khai thông tin cá nhân khi

Tiêu chí	Đạt tốt	Đạt	Chưa đạt
	ba nhóm rủi ro và nêu cách dùng an toàn làm được ngay.		tìm hiểu nghề.
Hợp tác, an toàn	Đúng vai, đúng giờ; tôn trọng người lao động khi hỏi chuyện và giữ đúng quy định về thông tin cá nhân.	Hoàn thành nhiệm vụ cơ bản.	Thiếu phối hợp hoặc vi phạm quy định về thông tin cá nhân.

TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm 2026
GIÁO VIÊN (Ký và ghi rõ họ tên)

SỞ GD&ĐT:

TRƯỜNG:

TỔ: TRẢI NGHIỆM HƯỚNG NGHIỆP

KẾ HOẠCH BÀI DẠY
HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP 11
(Năm học 2026 - 2027)

CHỦ ĐỀ 9. RÈN LUYỆN PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC PHÙ HỢP VỚI NHÓM NGHỀ LỰA CHỌN

(Số tiết: 11 — tuần 30 đến tuần 33, tiết 88 đến tiết 95 và tiết 97 đến tiết 99)

Giáo viên: | Lớp: | Ngày dạy:

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức – yêu cầu cần đạt

Sau chủ đề này, học sinh:

- Đánh giá được điểm mạnh và điểm yếu của bản thân đối với từng nhóm nghề đã tìm hiểu, mỗi kết luận nêu được một việc làm có thật làm căn cứ.
- Chỉ ra được những phẩm chất, năng lực của bản thân phù hợp và chưa phù hợp với nhóm nghề hoặc nghề mình lựa chọn.
- Đánh giá được những thuận lợi và khó khăn trong việc xây dựng kế hoạch rèn luyện và trong việc thực hiện kế hoạch ấy theo nhóm nghề đã chọn.
- Đề xuất được các giải pháp học tập, rèn luyện theo định hướng nghề nghiệp, mỗi giải pháp đủ biện pháp thực hiện, thời gian thực hiện và điều kiện thực hiện.
- Đối chiếu được năng lực số của bản thân với yêu cầu của nhóm nghề đã chọn, chỉ ra chỗ mình còn thiếu kèm minh chứng và nêu được cách bù đắp.
- Thực hiện được các giải pháp đã đề xuất, ghi lại kết quả, khó khăn, cách khắc phục và chia sẻ với thầy cô, bạn bè.

2. Năng lực

Năng lực trải nghiệm, hướng nghiệp: năng lực định hướng nghề nghiệp khi soi phẩm chất, năng lực của mình vào yêu cầu của một nhóm nghề cụ thể; năng lực thích ứng với

cuộc sống khi nhận ra chỗ chưa phù hợp và tự điều chỉnh; năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động khi lập bảng giải pháp học tập, rèn luyện có thời hạn và theo dõi việc thực hiện.

Năng lực chung: tự chủ và tự học khi tự đánh giá bản thân và tự theo dõi kế hoạch rèn luyện; giao tiếp và hợp tác khi chia sẻ kết quả đánh giá, góp ý cho bạn và xin tham vấn của thầy cô, bố mẹ; giải quyết vấn đề và sáng tạo khi tìm cách khắc phục những khó khăn đã gọi tên trong quá trình rèn luyện.

Năng lực số và AI (theo Phụ lục 3)

5.4.NC1a – 5.4 Xác định các vấn đề cần cải thiện về NLS — Hiểu được NLS của chính mình cần được cải thiện hoặc cập nhật ở đâu. Có thể hỗ trợ người khác phát triển NLS của họ. Tìm kiếm được cơ hội phát triển bản thân và cập nhật sự phát triển số.. Cụ thể trong chủ đề này: HS tự đánh giá năng lực số của bản thân theo bảng chỉ báo, chứng minh bằng minh chứng cụ thể chỗ mình còn yếu so với yêu cầu của nhóm nghề đã chọn và nêu cách cải thiện.

11.A1 – A1. Tính chủ động của con người — Quy trình sử dụng AI an toàn / AI để nâng cao năng lực. Cụ thể trong chủ đề này: HS xây dựng quy trình 4 bước nhờ AI gợi ý cách rèn phẩm chất theo nhóm nghề, đối chiếu từng gợi ý với phiếu tự đánh giá của mình để giữ quyền tự quyết, không làm theo máy móc.

Minh chứng: phiếu tự chấm năng lực số kèm minh chứng, chỗ còn thiếu và cách bù đắp có thời hạn; sơ đồ ba phần và bảng đối chiếu gợi ý của máy với phiếu tự đánh giá; bảng đánh giá điểm mạnh, điểm yếu theo nhóm nghề; bảng giải pháp học tập, rèn luyện.

3. Phẩm chất

Trung thực: tự nhận đúng điểm mạnh và điểm yếu của mình, không tô hồng cũng không hạ thấp bản thân khi đối chiếu với yêu cầu của nghề.

Chăm chỉ: kiên trì thực hiện giải pháp rèn luyện đã đặt ra cho tới khi có kết quả để báo cáo lại.

Trách nhiệm: tự chịu trách nhiệm về lựa chọn nghề nghiệp của mình, không phó mặc cho người khác hay cho gợi ý của máy.

Nhân ái: tôn trọng lựa chọn nghề của bạn, không chê nghề nào là thấp kém.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

Giáo viên: sách giáo khoa Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống), trang 62–66 và sách giáo viên; tivi và một máy tính của lớp có nối mạng; giấy A3, giấy A4, bút màu, giấy nhớ; bản in bảng đánh giá điểm mạnh, điểm yếu theo nhóm nghề ở trang 64; bản in bảng xác định sự phù hợp về phẩm chất, năng lực ở trang 64; bản in bảng giải pháp mẫu ở trang 66; bản in bảng chỉ báo năng lực số dùng để học sinh tự chấm; kết quả tự đánh giá nhóm nghề mà học sinh đã làm ở Chủ đề 8; phiếu học tập ở Phụ lục 1.

Học sinh: sách giáo khoa, vở, bút màu; phiếu kết quả tìm hiểu nhóm nghề đã làm ở Chủ đề 8; bảng điểm các môn học của học kì gần nhất để có căn cứ khi tự đánh giá.

Phương án dự phòng: trường chỉ có một máy tính của giáo viên nên phân thử công cụ gợi ý cách rèn luyện do giáo viên thao tác và chiếu lên tivi, học sinh ghi vào phiếu giấy. Khi mất điện hoặc mất mạng, giáo viên dùng bản in kết quả đã chuẩn bị từ trước cho ba hồ sơ giả định; phần tự chấm năng lực số vốn làm hoàn toàn trên bảng chỉ báo in sẵn nên không

phụ thuộc thiết bị. Nếu tiết 96 dùng để kiểm tra giữa kì làm ngắt mạch chủ đề, giáo viên dành thêm một phút ở phần kết nối của tiết 97 để nhắc lại sản phẩm đang dở.

An toàn: học sinh không đăng nhập tài khoản cá nhân trên máy của lớp, không nhập họ tên thật, ngày sinh, điểm số thật hay hoàn cảnh gia đình vào bất kì công cụ nào; hồ sơ dùng để thử là hồ sơ giả định do cả lớp cùng dựng. Khi chia sẻ kết quả tự đánh giá, cả lớp giữ quy ước không bình phẩm học lực, ngoại hình, sức khỏe hay điều kiện kinh tế gia đình của bạn; phiếu tự đánh giá là tài liệu riêng, chỉ chia sẻ phần mình muốn nói.

III. TIỀN TRÌNH DẠY HỌC

Mạch bài: soi mình vào từng nhóm nghề → chốt nhóm nghề lựa chọn → tách phần phù hợp và chưa phù hợp → đo năng lực số so với nghề → nhìn lại kế hoạch rèn luyện cũ → gọi tên thuận lợi, khó khăn → dựng bảng giải pháp → kiểm gọi ý của máy → chạy thật và báo cáo lại.

Tiết	Câu hỏi hoặc nội dung trung tâm	Sản phẩm nối tiếp	Thời gian
88	Nghề nào cũng cần người giỏi, nhưng giỏi cái gì?	Câu trả lời mở đầu và bảng yêu cầu của ba nhóm nghề	45 phút
89	Đối chiếu với từng nhóm nghề, em mạnh ở đâu và yếu ở đâu?	Bảng đánh giá điểm mạnh, điểm yếu theo từng nhóm nghề	45 phút
90	Nghe bạn đánh giá, em có phải sửa lại đánh giá của mình không?	Bảng đánh giá đã chỉnh sau khi chia sẻ, có ghi chỗ đã sửa	45 phút
91	Em chọn nhóm nghề nào và vì sao chọn nhóm nghề đó?	Phiếu chốt nhóm nghề lựa chọn kèm ba lí do có căn cứ	45 phút
92	Phẩm chất, năng lực nào của em phù hợp và chưa phù hợp với nghề ấy?	Bảng đánh dấu phù hợp và chưa phù hợp theo mẫu trang 64	45 phút
93	Nghề em chọn đòi hỏi năng lực số gì và em còn thiếu gì?	Phiếu tự chấm năng lực số kèm minh chứng và cách bù đắp	45 phút
94	Kế hoạch rèn luyện em từng lập đã chạy được đến đâu?	Bản suy ngẫm về quá trình xây dựng và thực hiện kế hoạch	45 phút
95	Điều gì đang giúp em và điều gì đang cản em?	Bảng ba cột thuận lợi – khó khăn cho hai nhóm a và b	45 phút
97	Làm thế nào để phát huy chỗ mạnh và bù chỗ còn thiếu?	Bảng giải pháp học tập, rèn luyện đủ ba cột	45 phút
98	Máy gợi ý cách rèn luyện, em giữ gợi ý nào và bỏ gợi ý nào?	Sơ đồ ba phần và bảng đối chiếu gợi ý của máy	45 phút
99	Em đã làm được gì và sẽ làm tiếp thế nào?	Báo cáo kết quả thực hiện giải pháp và phiếu tự đánh giá chủ đề	45 phút

TIẾT 88. MỞ ĐẦU CHỦ ĐỀ VÀ YÊU CẦU CỦA TỪNG NHÓM NGHỀ

Hoạt động 1. Mở đầu – Nghề nào cũng cần người giỏi, nhưng giỏi cái gì (8')

a) Mục tiêu: Khơi lên nhu cầu soi lại bản thân theo yêu cầu của nghề và làm xuất hiện câu hỏi trung tâm của chủ đề: mình đã có gì và còn thiếu gì so với nghề mình muốn theo.

b) Nội dung: Giáo viên chiếu bức tranh mở đầu chủ đề ở sách giáo khoa trang 62 với ba bạn cầm ba tấm bảng ghi phẩm chất, nhóm nghề lựa chọn và năng lực, rồi nêu ba câu hỏi mở đầu ở mục A của Phụ lục 1. Học sinh viết nhanh câu trả lời của mình.

c) Sản phẩm: Ba câu trả lời ngắn ở mục A Phụ lục 1 của mỗi học sinh; danh sách những yêu cầu nghề nghiệp mà lớp nêu ra được ghi lên bảng thành hai cột phẩm chất và năng lực.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (1’): Giáo viên chiếu tranh mở đầu trang 62, phát Phụ lục 1 và nêu ba câu hỏi ở mục A, yêu cầu mỗi em viết trong ba phút, viết ngắn gọn.

2. Thực hiện nhiệm vụ (3’): Học sinh tự viết. Giáo viên đi một vòng, gợi ý em nào còn bí bằng câu hỏi: nếu ngày mai em đi làm nghề ấy thì việc đầu tiên người ta giao cho em sẽ là việc gì.

3. Báo cáo, thảo luận (3’): Bốn học sinh đọc câu trả lời. Giáo viên ghi lên bảng những yêu cầu các em nêu và cùng lớp xếp tạm thành hai cột phẩm chất và năng lực.

4. Kết luận, nhận định (1’): GV chốt: Hai cột trên bảng chính là cái thước mà chủ đề này sẽ dùng. Mười một tiết tới lớp lần lượt đo mình vào thước ấy rồi tìm cách bù những chỗ còn hụt, để lên lớp 12 các em bước vào mùa tuyển sinh với một bản kế hoạch có thật.

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới và giải quyết vấn đề

a) Mục tiêu: Đi hết bốn định hướng nội dung của chủ đề ở sách giáo khoa trang 63, từ đánh giá điểm mạnh, điểm yếu theo nhóm nghề, xác định sự phù hợp về phẩm chất và năng lực, đánh giá thuận lợi và khó khăn cho tới đề xuất giải pháp học tập, rèn luyện.

b) Nội dung: Mười hai nhiệm vụ nối tiếp nhau, trải từ tiết 88 đến tiết 98, bám năm hoạt động của sách giáo khoa từ trang 64 đến trang 66.

c) Sản phẩm: Chuỗi sản phẩm ghi ở cột thứ ba của bảng mạch tiết phía trên; toàn bộ được lưu vào Phụ lục 1 của từng học sinh.

d) Tổ chức thực hiện

Nhiệm vụ 2.1. Lập bảng đặc trưng, yêu cầu của từng nhóm nghề (37’)

a) Mục tiêu: Nêu được đặc trưng và yêu cầu về phẩm chất, năng lực của ít nhất ba nhóm nghề đã tìm hiểu, làm căn cứ để tự đánh giá ở tiết sau.

b) Nội dung: Học sinh dùng lại kết quả tìm hiểu nhóm nghề đã làm ở Chủ đề 8, kết hợp cột thứ ba của bảng ở sách giáo khoa trang 64, để ghi đặc trưng và yêu cầu của từng nhóm nghề. Sách lấy nhóm nghề kỹ thuật làm ví dụ với các yêu cầu khéo léo, phản ứng cảm giác hoặc vận động nhanh, chính xác, ngăn nắp, cẩn thận, tỉ mỉ, có tinh thần trách nhiệm; dòng thứ hai là nhóm nghề nghệ thuật và dòng thứ ba để trống cho học sinh tự điền.

c) Sản phẩm: Bảng ba nhóm nghề của mỗi học sinh ở mục B1 Phụ lục 1, mỗi nhóm nghề có ít nhất ba yêu cầu về phẩm chất hoặc năng lực, trong đó ghi rõ nhóm nghề nào là nhóm em đang quan tâm nhất.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5’): Giáo viên chiếu bảng ở trang 64, chỉ ra năm cột và giải thích cột đặc trưng, yêu cầu chính là chỗ chép lại kết quả Chủ đề 8; phát bản in bảng và yêu cầu mỗi em điền đủ ba nhóm nghề.

2. Thực hiện nhiệm vụ (18’): Học sinh điền bảng cá nhân rồi trao đổi theo nhóm bốn người để bổ sung cho nhau. Giáo viên đi một vòng, nhắc em nào ghi yêu cầu chung

chung như phải giỏi, phải chăm bằng câu hỏi: giỏi ở việc gì và chăm thể hiện ra sao trong một ngày làm việc.

3. Báo cáo, thảo luận (9'): Sáu học sinh trình bày, mỗi em một nhóm nghề khác nhau để lớp nghe được nhiều nhóm. Lớp bổ sung yêu cầu còn thiếu và gom lên bảng lớp thành bảng chung của lớp.

4. Kết luận, nhận định (5'): GV chốt: Mỗi nhóm nghề đòi hỏi một bộ yêu cầu riêng, và bộ yêu cầu ấy là cái thước khách quan chứ không phải do mình nghĩ ra. Chỉ khi bảng yêu cầu đủ cụ thể thì việc tự đánh giá ở tiết sau mới có chỗ dựa.

TIẾT 89. ĐÁNH GIÁ ĐIỂM MẠNH, ĐIỂM YẾU THEO TỪNG NHÓM NGHỀ

Kết nối hai tiết (3'): Tiết trước lớp đã dựng xong bảng yêu cầu của ba nhóm nghề. Tiết này mỗi em đặt chính mình cạnh bảng ấy để xem đâu là chỗ mình mạnh và đâu là chỗ mình còn yếu.

TT	Nhóm nghề	Đặc trưng, yêu cầu của nhóm nghề	Đánh giá	
			Điểm mạnh của bản thân	Điểm yếu của bản thân
1	Nhóm nghề kĩ thuật	<ul style="list-style-type: none"> – Khéo léo, phản ứng cảm giác hoặc vận động nhanh, chính xác. – Ngăn nắp, cẩn thận, tỉ mỉ, có tinh thần trách nhiệm. – ... 	<ul style="list-style-type: none"> – Thích sửa chữa và sáng tạo các vật dụng trong gia đình hoặc làm công việc thủ công. – ... 	<ul style="list-style-type: none"> – Thiếu tập trung. – Thiếu kiên nhẫn. – ...
2	Nhóm nghề nghệ thuật	...	...	...
3	...	...	...	...

Bảng gợi ý đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân đối với từng nhóm nghề — SGK trang 64

Nhiệm vụ 2.2. Tự đánh giá điểm mạnh, điểm yếu đối với từng nhóm nghề (42')

a) Mục tiêu: Đánh giá được điểm mạnh và điểm yếu của bản thân đối với từng nhóm nghề đã tìm hiểu, mỗi mục nêu được một việc có thật làm căn cứ.

b) Nội dung: Theo mục 1 của hoạt động 1 ở sách giáo khoa trang 64, mỗi học sinh điền tiếp hai cột cuối của bảng đã lập ở tiết trước. Sách lấy ví dụ ở nhóm nghề kĩ thuật với điểm mạnh là thích sửa chữa và sáng tạo các vật dụng trong gia đình hoặc làm công việc thủ công, điểm yếu là thiếu tập trung và thiếu kiên nhẫn. Mỗi mục học sinh viết ra phải kèm một lần cụ thể mình đã làm hoặc đã gặp.

c) Sản phẩm: Bảng đánh giá điểm mạnh, điểm yếu theo ba nhóm nghề ở mục B1 Phụ lục 1, mỗi nhóm nghề có ít nhất hai điểm mạnh và hai điểm yếu, mỗi mục kèm một việc có thật làm căn cứ.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (6'): Giáo viên phân tích dòng ví dụ ở trang 64 để chỉ rõ khác biệt giữa lời tự nhận xét chung chung với lời có căn cứ; làm mẫu một dòng trên bảng và nêu quy ước không bình phẩm học lực hay hoàn cảnh của bạn khi nghe bạn chia sẻ.

2. Thực hiện nhiệm vụ (18'): Học sinh điền hai cột cuối. Giáo viên đi từng bàn, hỏi lại em nào viết em kém giao tiếp hoặc em không có điểm mạnh nào: em hãy kể một lần cụ thể và cho biết lần ấy điều gì đã cản em, hoặc việc gì bạn bè hay nhờ em làm giúp.

3. Báo cáo, thảo luận (13'): Học sinh trao đổi theo cặp, mỗi em nghe bạn đọc một dòng rồi hỏi bạn một câu về căn cứ. Sau đó bốn em trình bày trước lớp một điểm mạnh và một điểm yếu của mình.

4. Kết luận, nhận định (5'): GV chốt: Điểm mạnh và điểm yếu không phải là nhãn dán cố định mà là kết quả của việc đối chiếu mình với yêu cầu của một nghề cụ thể. Cùng một đặc điểm có thể là điểm mạnh ở nhóm nghề này và là điểm yếu ở nhóm nghề khác, nên phải đánh giá riêng cho từng nhóm.

TIẾT 90. CHIA SẺ KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VÀ ĐIỀU CHỈNH LẠI

Kết nối hai tiết (3'): Bảng tự đánh giá ở tiết trước mới chỉ là cái nhìn của một người. Tiết này lớp mang bảng ấy ra chia sẻ để nghe thêm cái nhìn của bạn bè, rồi tự sửa lại chỗ nào thấy chưa đúng.

Nhiệm vụ 2.3. Chia sẻ kết quả đánh giá và tự điều chỉnh (42')

a) Mục tiêu: Chia sẻ được kết quả đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân đối với từng nhóm nghề; tiếp thu góp ý của bạn và tự điều chỉnh lại những chỗ đánh giá chưa sát.

b) Nội dung: Theo mục 2 của hoạt động 1 ở sách giáo khoa trang 64, học sinh chia sẻ bảng đánh giá trong nhóm bốn người. Người nghe góp ý theo hai hướng: điểm mạnh nào bạn có mà bạn chưa nhận ra, và điểm nào bạn tự nhận nhưng người ngoài nhìn thấy khác. Sau khi nghe, mỗi em tự sửa lại bảng của mình và đánh dấu rõ những dòng đã sửa.

c) Sản phẩm: Bảng đánh giá đã chỉnh của mỗi học sinh, có ít nhất hai dòng được đánh dấu là đã sửa sau khi nghe góp ý, mỗi dòng ghi kèm một câu ngắn nói vì sao mình sửa.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (6'): Giáo viên chia nhóm bốn người, nêu hai hướng góp ý và quy ước của tiết học: chỉ góp ý về việc làm quan sát được, không nhận xét về ngoại hình, học lực hay hoàn cảnh gia đình; người được góp ý có quyền giữ nguyên ý kiến của mình.

2. Thực hiện nhiệm vụ (18'): Các nhóm lần lượt chia sẻ, mỗi em khoảng bốn phút. Sau mỗi lượt, người được góp ý dừng lại tự sửa bảng ngay. Giáo viên đi quan sát, nhắc nhóm nào để một bạn nói hết thời gian hoặc góp ý chạm tới chuyện riêng.

3. Báo cáo, thảo luận (13'): Sáu học sinh trình bày trước lớp một dòng mình đã sửa và lí do sửa. Lớp gom lên bảng hai danh sách: những điểm mạnh mà nhiều bạn tự mình không nhận ra, và những điểm yếu mà nhiều bạn cùng gặp.

4. Kết luận, nhận định (5'): GV chốt: Người ngoài thường nhìn thấy ở ta những điều chính ta bỏ sót, nhất là các điểm mạnh. Nhưng sửa hay giữ vẫn là quyền của mỗi em, miễn là quyết định ấy dựa trên việc làm có thật chứ không dựa vào lời khen hay lời chê.

TIẾT 91. CHỐT NHÓM NGHỀ LỰA CHỌN

Kết nối hai tiết (3'): Ba nhóm nghề đã được soi kỹ. Tiết này lớp đi tới một quyết định quan trọng của năm học: chọn lấy một nhóm nghề để tập trung rèn luyện từ nay tới lớp 12.

Nhiệm vụ 2.4. Xác định nhóm nghề hoặc nghề lựa chọn (20')

a) Mục tiêu: Xác định được nhóm nghề hoặc nghề mình lựa chọn trong số các nhóm nghề đã tìm hiểu và nêu được lí do lựa chọn dựa trên kết quả tự đánh giá.

b) Nội dung: Theo mục 1 của hoạt động 2 ở sách giáo khoa trang 64, học sinh chọn nhóm nghề hoặc nghề của mình trong số các nhóm nghề đã tìm hiểu ở Chủ đề 8, rồi viết ba lí do

lựa chọn. Mỗi lí do phải chỉ được vào một dòng cụ thể trong bảng đánh giá điểm mạnh, điểm yếu đã làm ở hai tiết trước.

c) Sản phẩm: Phiếu chốt nhóm nghề lựa chọn của mỗi học sinh ở mục B2 Phụ lục 1, gồm tên nhóm nghề hoặc nghề, ba lí do có căn cứ và một nhóm nghề dự phòng kèm lí do vì sao để dự phòng.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3’): Giáo viên nêu nhiệm vụ và nhấn mạnh đây là lựa chọn để tập trung rèn luyện chứ không phải lời hứa suốt đời; yêu cầu mỗi lí do phải chỉ được vào một dòng trong bảng đánh giá, và ai cũng ghi thêm một nhóm nghề dự phòng.

2. Thực hiện nhiệm vụ (9’): Học sinh viết phiếu cá nhân. Giáo viên đi một vòng, hỏi lại em nào chọn nghề vì bố mẹ muốn hoặc vì bạn thân chọn: trong nghề ấy có việc nào em đã từng làm và thấy mình làm được.

3. Báo cáo, thảo luận (5’): Sáu học sinh đọc phiếu của mình. Lớp nghe và đặt cho bạn đúng một câu hỏi về căn cứ, không bình luận nghề nào hay hơn nghề nào.

4. Kết luận, nhận định (3’): GV chốt: Chọn nhóm nghề ở lớp 11 là chọn hướng để rèn luyện chứ chưa phải chọn nơi làm việc cả đời. Một lựa chọn đáng tin là lựa chọn dựa vào việc mình đã làm được, và luôn nên có một hướng dự phòng.

Phẩm chất, năng lực của bản thân	Nhóm nghề/nghề lựa chọn: Nghề giáo viên (thuộc nhóm nghề xã hội)	
	Phù hợp	Chưa phù hợp
– Nhiệt tình, thích giúp đỡ người khác, sống chan hoà.	×	
– Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng, có trách nhiệm cao với công việc.	×	
– Năng lực tự học tốt.	×	
– Năng lực diễn đạt ngôn ngữ còn hạn chế.		×
...	...	...

Bảng gợi ý xác định sự phù hợp về phẩm chất, năng lực với nhóm nghề lựa chọn — SGK trang 64

Nhiệm vụ 2.5. Đọc hiểu bảng xác định sự phù hợp (22’)

a) Mục tiêu: Đọc và giải thích được cách ghi bảng xác định sự phù hợp về phẩm chất, năng lực của bản thân đối với nhóm nghề lựa chọn.

b) Nội dung: Học sinh phân tích bảng mẫu ở sách giáo khoa trang 64. Bảng lấy ví dụ nghề giáo viên thuộc nhóm nghề xã hội, cột bên trái ghi phẩm chất và năng lực của bản thân, hai cột bên phải là phù hợp và chưa phù hợp, đánh dấu bằng dấu nhân. Trong ví dụ, ba dòng đầu là nhiệt tình, thích giúp đỡ người khác, sống chan hoà; tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng, có trách nhiệm cao với công việc; năng lực tự học tốt được đánh dấu ở cột phù hợp, còn dòng năng lực diễn đạt ngôn ngữ còn hạn chế được đánh dấu ở cột chưa phù hợp.

c) Sản phẩm: Bản phân tích của nhóm gồm ba nhận xét: bảng này khác bảng ở nhiệm vụ trước ở chỗ nào, vì sao dòng cuối trong ví dụ lại nằm ở cột chưa phù hợp, và một dòng do nhóm tự nghĩ thêm cho nghề giáo viên kèm cột đánh dấu tương ứng.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3’): Giáo viên chiếu bảng mẫu ở trang 64, nêu ba câu hỏi phân tích và lưu ý sách dùng dấu nhân để đánh dấu ô chứ không dùng dấu tích.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10'): Các nhóm phân tích bảng và viết ba nhận xét. Giáo viên gợi ý bằng câu hỏi: bảng trước so mình với nhiều nhóm nghề, còn bảng này so mình với mấy nghề.

3. Báo cáo, thảo luận (6'): Ba nhóm trình bày. Lớp thống nhất cách hiểu: bảng này chỉ dùng cho một nghề đã chọn, và mỗi dòng chỉ được đánh dấu vào một trong hai cột.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Bảng ở tiết trước giúp các em rà rộng nhiều hướng, còn bảng này soi sâu vào một hướng đã chọn. Chuyển từ rà rộng sang soi sâu chính là bước đi của chủ đề này.

TIẾT 92. XÁC ĐỊNH SỰ PHÙ HỢP VỀ PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC

Kết nối hai tiết (3'): Cách đọc bảng đã rõ. Tiết này mỗi em tự điền bảng ấy cho chính nghề mình đã chọn, để biết mình đang phù hợp ở đâu và chưa phù hợp ở đâu.

Nhiệm vụ 2.6. Điền bảng phù hợp và chưa phù hợp cho nghề đã chọn (42')

a) Mục tiêu: Xác định được sự phù hợp và chưa phù hợp giữa phẩm chất, năng lực của bản thân với những yêu cầu của nhóm nghề hoặc nghề mình lựa chọn.

b) Nội dung: Theo mục 2 của hoạt động 2 ở sách giáo khoa trang 64, học sinh dựa trên kết quả hoạt động 1 để điền bảng ở mục B2 Phụ lục 1 cho nghề mình đã chốt ở tiết 91. Mỗi dòng ghi một phẩm chất hoặc năng lực của bản thân rồi đánh dấu nhân vào cột phù hợp hoặc cột chưa phù hợp, kèm một câu ngắn nói rõ căn cứ.

c) Sản phẩm: Bảng xác định sự phù hợp của mỗi học sinh gồm ít nhất sáu dòng, trong đó có ít nhất hai dòng nằm ở cột chưa phù hợp; mỗi dòng kèm một căn cứ là việc có thật.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (6'): Giáo viên phát bản in bảng, hướng dẫn cách chuyển các dòng từ bảng đánh giá của tiết 89 sang bảng này và nhấn mạnh yêu cầu phải có ít nhất hai dòng ở cột chưa phù hợp, vì bảng chỉ toàn phù hợp thì không dùng để rèn luyện được.

2. Thực hiện nhiệm vụ (18'): Học sinh điền bảng cá nhân. Giáo viên đi từng bàn, kiểm tra hai điều: mỗi dòng đã có căn cứ chưa, và những yêu cầu quan trọng nhất của nghề đã được soi tới chưa.

3. Báo cáo, thảo luận (13'): Học sinh trao đổi theo cặp cùng nhóm nghề nếu có, mỗi em hỏi bạn một câu về dòng nằm ở cột chưa phù hợp. Sau đó bốn em trình bày trước lớp bảng của mình.

4. Kết luận, nhận định (5'): GV chốt: Những dòng nằm ở cột chưa phù hợp mới là phần có ích nhất của bảng này, vì chúng chỉ đúng chỗ cần rèn. Các em giữ kỹ bảng này, vì các tiết sau sẽ lấy chính những dòng ấy làm nội dung cho bảng giải pháp.

TIẾT 93. ĐO NĂNG LỰC SỐ CỦA BẢN THÂN SO VỚI YÊU CẦU CỦA NGHỀ

Kết nối hai tiết (3'): Bảng phù hợp ở tiết trước còn thiếu một mặt mà nghề nào bây giờ cũng đòi hỏi. Tiết này lớp soi riêng mặt ấy: năng lực làm việc với máy tính, với dữ liệu và với thông tin trên mạng.

Nhiệm vụ 2.7. Tự chấm năng lực số và chỉ ra chỗ còn thiếu (42')

a) Mục tiêu: Đối chiếu được năng lực số của bản thân với yêu cầu của nhóm nghề đã chọn; chứng minh được bằng việc có thật ở chỗ mình còn yếu và nêu được cách bù đắp kèm thời hạn.

b) Nội dung: Giáo viên phát bảng chỉ báo năng lực số in sẵn gồm bốn mặt: tìm và chọn lọc thông tin trên mạng, kiểm chứng thông tin trước khi tin, dùng phần mềm để làm ra sản phẩm học tập, và giữ an toàn cho thông tin cá nhân. Mỗi học sinh tự chấm bốn mặt ấy ở ba mức là đã làm được, làm được một phần và chưa làm được, mỗi mức phải kèm một việc có thật của chính mình. Sau đó đối chiếu với nghề đã chọn ở tiết 91 để chỉ ra mặt nào nghề ấy đòi hỏi cao mà mình còn yếu, rồi ghi cách bù đắp kèm thời hạn.

c) Sản phẩm: Phiếu tự chấm năng lực số ở mục C Phụ lục 1 của mỗi học sinh, gồm bốn mặt đã chấm mức kèm minh chứng, ít nhất hai chỗ còn thiếu so với yêu cầu của nghề và hai việc bù đắp, mỗi việc có thời hạn cụ thể trong bốn tuần tới.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (6’): Giáo viên phát bảng chỉ báo, giải thích từng mặt bằng một ví dụ đời thường và làm mẫu một dòng: mặt kiểm chứng thông tin, mức làm được một phần, minh chứng là có lần chép số liệu từ một trang không rõ nguồn vào bài thuyết trình. Nêu rõ chấm mức nào cũng được, nhưng không được bỏ trống ô minh chứng.

2. Thực hiện nhiệm vụ (18’): Học sinh tự chấm bốn mặt rồi đối chiếu với yêu cầu của nghề mình chọn. Giáo viên đi từng bàn, hỏi lại em nào chấm cả bốn mặt đều ở mức đã làm được: em hãy kể việc cụ thể cho từng mặt; và giúp em nào chưa biết nghề mình chọn cần năng lực số nào bằng câu hỏi: người làm nghề ấy mỗi ngày phải tra cứu gì và làm ra sản phẩm gì trên máy.

3. Báo cáo, thảo luận (13’): Sáu học sinh trình bày một chỗ mình còn thiếu, minh chứng đi kèm và việc mình sẽ làm để bù, có nói rõ hạn hoàn thành. Lớp góp ý để mỗi việc bù đắp đủ nhỏ và làm được ngay trong điều kiện của mình.

4. Kết luận, nhận định (5’): GV chốt: Năng lực số bây giờ là một phần trong yêu cầu của hầu hết các nghề, kể cả những nghề tưởng như không liên quan tới máy tính. Tự chấm mà không có minh chứng thì chỉ là cảm giác; có minh chứng thì mới biết mình đứng ở đâu. Hai việc bù đắp vừa ghi các em bắt đầu làm từ tuần này và sẽ báo cáo lại ở tiết 99.

TIẾT 94. NHÌN LẠI QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH RÈN LUYỆN

Kết nối hai tiết (3’): Các em đều đã từng lập kế hoạch rèn luyện cho mình. Tiết này lớp lấy những kế hoạch ấy ra và hỏi một câu thật thà: nó đã chạy được đến đâu.

Nhiệm vụ 2.8. Suy ngẫm về kế hoạch rèn luyện đã từng lập (42’)

a) Mục tiêu: Suy ngẫm được về quá trình xây dựng và thực hiện kế hoạch rèn luyện bản thân theo định hướng nghề nghiệp của mình, nêu được việc đã làm được và việc còn dở dang.

b) Nội dung: Theo mục 1 của hoạt động 3 ở sách giáo khoa trang 65, mỗi học sinh nhớ lại kế hoạch rèn luyện mình đã lập trước đây, rồi trả lời bốn câu: kế hoạch ấy đặt ra mục tiêu gì, mình đã làm được những việc nào, việc nào bỏ dở, và lần bỏ dở gần nhất xảy ra vì lí do gì.

Em nào chưa từng lập kế hoạch thì viết về một dự định rèn luyện mình từng đặt ra cho bản thân.

c) Sản phẩm: Bản suy ngẫm của mỗi học sinh ở mục B3 Phụ lục 1, gồm bốn câu trả lời, trong đó có ít nhất một việc đã làm được kèm dấu hiệu và một việc bỏ dở kèm lí do cụ thể.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (6’): Giáo viên nêu bốn câu hỏi suy ngẫm và quy ước quan trọng của tiết học: đây là tiết để nhìn lại chứ không phải để tự trách; những gì viết ra chỉ dùng cho việc lập kế hoạch mới. Giáo viên kể một ví dụ giả định về một kế hoạch bỏ dở để các em thấy dễ nói hơn.

2. Thực hiện nhiệm vụ (18’): Học sinh viết bản suy ngẫm. Giáo viên đi một vòng, giúp em nào viết lí do bỏ dở là tại em lười bằng câu hỏi: hôm ấy em đã định làm lúc mấy giờ và việc gì đã chen vào.

3. Báo cáo, thảo luận (13’): Học sinh chia sẻ theo nhóm bốn người, mỗi em nói một việc làm được và một việc bỏ dở. Sau đó bốn em chia sẻ trước lớp; lớp gom lên bảng những lí do bỏ dở lặp lại ở nhiều bạn.

4. Kết luận, nhận định (5’): GV chốt: Hầu hết kế hoạch bỏ dở không phải vì người lập thiếu quyết tâm mà vì kế hoạch đặt ra quá lớn, không có mốc thời gian hoặc không có ai nhắc. Những lí do vừa gom trên bảng chính là thứ tiết sau sẽ gọi tên thành khó khăn.

TIẾT 95. GỌI TÊN THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN

Kết nối hai tiết (3’): Bản suy ngẫm tiết trước đã kể ra nhiều chuyện. Tiết này lớp sắp xếp lại cho gọn thành hai cột: cái gì đang giúp mình và cái gì đang cản mình.

Nhiệm vụ 2.9. Thuận lợi và khó khăn khi xây dựng kế hoạch (20’)

a) Mục tiêu: Đánh giá được những thuận lợi và khó khăn của bản thân trong việc xây dựng kế hoạch rèn luyện theo nhóm nghề lựa chọn.

b) Nội dung: Theo nhóm a của bảng gợi ý ở sách giáo khoa trang 65, học sinh điền thuận lợi và khó khăn cho ba nội dung: khi xác định mục tiêu, nội dung và cách thức rèn luyện; khi xác định các mốc thời gian rèn luyện; khi tham vấn ý kiến của thầy cô, bạn bè và người thân. Mỗi ô điền phải là một điều có thật của bản thân, không chép của bạn.

c) Sản phẩm: Phần a của bảng ba cột ở mục B3 Phụ lục 1, gồm ba dòng đã điền đủ hai cột thuận lợi và khó khăn, mỗi ô có ít nhất một ý cụ thể.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3’): Giáo viên kẻ bảng ba cột lên bảng lớp theo đúng mẫu trang 65, đọc ba nội dung của nhóm a và làm mẫu một dòng để các em thấy cách viết ngắn nhưng cụ thể.

2. Thực hiện nhiệm vụ (9’): Học sinh điền phần a. Giáo viên đi một vòng, nhắc em nào bỏ trống cột thuận lợi: hãy nghĩ tới người sẵn sàng giúp em, thời gian trống trong tuần hoặc việc em vốn đã làm đều đặn.

3. Báo cáo, thảo luận (5’): Bốn học sinh đọc phần a của mình. Lớp gom lên bảng những khó khăn xuất hiện ở nhiều bạn để thấy mình không đơn độc.

4. Kết luận, nhận định (3’): GV chốt: Khó khăn hay gặp nhất khi lập kế hoạch không phải là thiếu ý tưởng mà là không đặt được mốc thời gian và ngại hỏi ý kiến người khác. Cả hai đều khắc phục được nếu gọi đúng tên chúng ra.

Nhiệm vụ 2.10. Thuận lợi và khó khăn khi thực hiện kế hoạch (22')

a) Mục tiêu: Đánh giá được những thuận lợi và khó khăn của bản thân trong quá trình thực hiện kế hoạch rèn luyện và chia sẻ được với bạn về những điều đó.

b) Nội dung: Theo nhóm b của bảng gợi ý ở sách giáo khoa trang 65, học sinh điền thuận lợi và khó khăn cho hai nội dung: sự hỗ trợ từ phía thầy cô, bạn bè, người thân trong quá trình thực hiện kế hoạch, và việc quản lí thời gian. Mỗi nhóm bổ sung thêm ít nhất một nội dung mới vào dòng để trống. Sau đó thực hiện mục 3 của hoạt động 3 là chia sẻ với các bạn về những thuận lợi và khó khăn ấy.

c) Sản phẩm: Phần b của bảng ba cột đã điền đủ, có thêm ít nhất một dòng do học sinh tự bổ sung; danh sách chung của lớp gồm ba khó khăn phổ biến nhất khi thực hiện kế hoạch.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3'): Giáo viên đọc hai nội dung của nhóm b, nêu yêu cầu bổ sung một dòng mới và nhắc lại quy ước không nói về hoàn cảnh kinh tế của gia đình bạn khi chia sẻ.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10'): Học sinh điền phần b rồi chia sẻ trong nhóm bốn người. Giáo viên gợi ý bằng câu hỏi: trong tuần vừa rồi, việc gì đã lấy mất khoảng thời gian em định dành cho việc rèn luyện.

3. Báo cáo, thảo luận (6'): Ba nhóm trình bày. Lớp bình chọn ba khó khăn phổ biến nhất và ghi lên bảng lớp; với mỗi khó khăn, một bạn đã vượt qua được chia sẻ cách mình đã làm.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Thực hiện kế hoạch khó hơn lập kế hoạch, và hai chỗ vướng thường gặp là quản lí thời gian với việc ngại nhờ hỗ trợ. Ba khó khăn lớp vừa bình chọn sẽ là ba việc bảng giải pháp ở tiết sau phải trả lời cho được.

TIẾT 97. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP HỌC TẬP, RÈN LUYỆN

Kết nối hai tiết (3'): Tiết 96 vừa qua lớp làm bài kiểm tra giữa kì. Nay lớp quay lại với chủ đề: mọi thứ đã gọi tên xong, việc còn lại là biến chúng thành một bảng giải pháp có thể chạy được.

**GIẢI PHÁP HỌC TẬP, RÈN LUYỆN KĨ NĂNG GIAO TIẾP
THEO YÊU CẦU CỦA NGHỀ GIÁO VIÊN**

Biện pháp thực hiện	Thời gian thực hiện	Điều kiện thực hiện
Tham gia các lớp kĩ năng giao tiếp.	Từ tháng 4/2022 – tháng 6/2022	– Sắp xếp thời gian hợp lí. – Kiên trì. – Nhà trường tổ chức các hoạt động đa dạng và duy trì câu lạc bộ. – Bố mẹ, thầy cô tư vấn, tạo điều kiện về thời gian.
Xin ý kiến tham vấn của thầy cô, bố mẹ và các bạn trong lớp.	Tháng 4/2022	
Tham gia các hoạt động ngoại khoá của lớp, trường, câu lạc bộ.	Cả năm học	
Tham khảo các sách, tài liệu về kĩ năng giao tiếp.	Cả năm học	

Bảng ví dụ về giải pháp học tập, rèn luyện kĩ năng giao tiếp theo yêu cầu của nghề giáo viên — SGK trang 66

Nhiệm vụ 2.11. Dựng bảng giải pháp học tập, rèn luyện của bản thân (42')

a) Mục tiêu: Đề xuất được các giải pháp học tập, rèn luyện theo nhóm nghề lựa chọn, mỗi giải pháp đủ biện pháp thực hiện, thời gian thực hiện và điều kiện thực hiện.

b) Nội dung: Theo hoạt động 4 ở sách giáo khoa trang 65 và trang 66, học sinh dùng bảng ví dụ ở trang 66 làm khuôn. Bảng ví dụ trong sách dành cho kĩ năng giao tiếp theo yêu cầu của nghề giáo viên, gồm ba cột là biện pháp thực hiện, thời gian thực hiện và điều kiện thực hiện, với bốn biện pháp: tham gia các lớp kĩ năng giao tiếp; xin ý kiến tham vấn của thầy cô, bố mẹ và các bạn trong lớp; tham gia các hoạt động ngoại khoá của lớp, trường, câu lạc bộ; tham khảo các sách, tài liệu về kĩ năng giao tiếp. Học sinh giữ nguyên cấu trúc ba cột nhưng thay nội dung bằng chỗ chưa phù hợp của chính mình đã chỉ ra ở tiết 92 và tiết 93, và đặt mốc thời gian theo năm học hiện tại.

c) Sản phẩm: Bảng giải pháp học tập, rèn luyện của mỗi học sinh ở mục D Phụ lục 1, gồm ít nhất bốn biện pháp, mỗi biện pháp có mốc thời gian cụ thể của năm học này và phân điều kiện thực hiện nêu rõ cần ai giúp và cần thứ gì.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (6'): Giáo viên chiếu bảng ví dụ ở trang 66, phân tích ba cột và lưu ý cả lớp: các mốc trong sách ghi tháng 4 năm 2022 và tháng 6 năm 2022 là mốc của năm sách được biên soạn, các em phải thay bằng mốc của năm học này chứ không chép lại. Nhấn mạnh cột điều kiện thực hiện là chỗ ghi mình cần ai giúp và cần gì.

2. Thực hiện nhiệm vụ (18'): Học sinh điền bảng giải pháp. Giáo viên đi từng bàn, kiểm tra ba điều: biện pháp có nhắm đúng chỗ chưa phù hợp đã chỉ ra không, thời gian đã cụ thể chưa, và điều kiện thực hiện có nằm trong tầm với của em không.

3. Báo cáo, thảo luận (13'): Học sinh trao đổi theo cặp, mỗi em hỏi bạn hai câu: biện pháp này bắt đầu từ ngày nào và nếu điều kiện kia không có thì em làm cách nào. Sau đó bốn em trình bày bảng của mình trước lớp.

4. Kết luận, nhận định (5'): GV chốt: Một giải pháp chỉ dùng được khi trả lời đủ ba câu: làm gì, làm lúc nào và cần gì để làm được. Bảng của các em sẽ chạy suốt từ nay tới hè và còn dùng tiếp ở lớp 12, khi các em phải vừa ôn thi tốt nghiệp vừa chuẩn bị hồ sơ xét tuyển.

TIẾT 98. KIỂM LẠI GỢI Ý CỦA CÔNG CỤ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO

Kết nối hai tiết (3'): Bảng giải pháp là của chính em. Tiết này lớp thử xem một công cụ trí tuệ nhân tạo gợi ý gì cho cùng câu hỏi ấy, rồi tự quyết định giữ gợi ý nào và bỏ gợi ý nào.

Nhiệm vụ 2.12. Vẽ sơ đồ ba phần và đối chiếu gợi ý của máy (42')

a) Mục tiêu: Vẽ được sơ đồ ba phần mục tiêu, dữ liệu và kết quả của một công cụ gợi ý cách rèn luyện theo nhóm nghề; chỉ ra được dữ liệu nào về bản thân mà công cụ không có; đối chiếu từng gợi ý của công cụ với phiếu tự đánh giá của mình rồi tự quyết định giữ, sửa hay bỏ.

b) Nội dung: Trước hết mỗi nhóm vẽ trên giấy A3 sơ đồ ba phần của một công cụ gợi ý cách rèn luyện: mục tiêu công cụ hướng tới, dữ liệu nó nhận vào và kết quả nó trả ra; ở phần dữ liệu, nhóm ghi thêm một ô riêng liệt kê những điều về bản thân mà công cụ không hề biết. Sau đó giáo viên nhập một hồ sơ giả định do cả lớp cùng dựng, gồm nhóm nghề lựa chọn và hai chỗ chưa phù hợp nhưng không có tên thật, vào một công cụ trên máy của lớp và chiếu kết quả lên tivi. Học sinh chép các gợi ý vào bảng đối chiếu ở mục C Phụ lục 1 rồi tự quyết định với từng gợi ý.

c) Sản phẩm: Sơ đồ ba phần trên giấy A3 của nhóm, có ô liệt kê ít nhất bốn điều công cụ không biết về người dùng; bảng đối chiếu của mỗi học sinh gồm ít nhất ba gợi ý của máy, mỗi gợi ý ghi rõ quyết định giữ, sửa hay bỏ kèm một lý do dựa vào phiếu tự đánh giá của chính mình.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (6’): Giáo viên nêu nhiệm vụ hai phần, phát giấy A3 và hướng dẫn cách vẽ sơ đồ ba phần; sau đó cùng lớp dựng một hồ sơ giả định và nhắc rõ không dùng tên thật, điểm số thật hay hoàn cảnh gia đình của bất kì bạn nào.

2. Thực hiện nhiệm vụ (18’): Các nhóm vẽ sơ đồ. Sau đó giáo viên nhập hồ sơ giả định và chiếu kết quả lên tivi, đọc chậm cho lớp chép. Học sinh chép các gợi ý vào bảng đối chiếu rồi tự quyết định giữ, sửa hay bỏ từng gợi ý. Giáo viên đi một vòng, nhắc em nào chép nguyên mà chưa ghi quyết định và lý do.

3. Báo cáo, thảo luận (13’): Ba nhóm treo sơ đồ và trình bày phần dữ liệu công cụ không có. Sau đó sáu học sinh đọc bảng đối chiếu của mình: một gợi ý giữ, một gợi ý sửa và một gợi ý bỏ, kèm lý do. Lớp gom lên bảng những điều máy không thể biết về một học sinh.

4. Kết luận, nhận định (5’): GV chốt: Công cụ trí tuệ nhân tạo chỉ làm việc trên những gì được nhập vào, nên nó có thể gợi ý hợp lý về cách rèn luyện nói chung nhưng không biết nhà em cách trường bao xa, gia đình em lo được đến đâu hay sức khỏe em ra sao. Gợi ý của máy dùng để mở rộng lựa chọn, quyền quyết định vẫn thuộc về em; và tuyệt đối không nhập thông tin cá nhân thật vào những công cụ như vậy.

TIẾT 99. THỰC HIỆN GIẢI PHÁP VÀ TỔNG KẾT CHỦ ĐỀ

Kết nối hai tiết (3’): Bảng giải pháp đã có, gợi ý của máy đã được sàng lọc. Tiết cuối lớp tập duyệt việc xin tham vấn, báo cáo những việc đã làm được và nhìn lại cả chặng mười một tiết.

Hoạt động 3. Luyện tập – Tập xin tham vấn và chỉnh lại giải pháp (22’)

a) Mục tiêu: Chia sẻ được giải pháp học tập, rèn luyện của mình với người khác, lắng nghe góp ý và điều chỉnh lại giải pháp cho phù hợp hơn với bản thân.

b) Nội dung: Theo hai ý đầu của hoạt động 5 ở sách giáo khoa trang 66, học sinh tập duyệt việc chia sẻ giải pháp với thầy cô, bố mẹ, bạn bè bằng cách đóng vai theo cặp: một bạn trình bày bảng giải pháp của mình, bạn kia đóng vai người được xin tham vấn và nêu hai câu hỏi khó. Sau đó mỗi em tự chỉnh lại ít nhất một dòng trong bảng giải pháp và ghi rõ mình đã sửa gì.

c) Sản phẩm: Bảng giải pháp đã chỉnh của mỗi học sinh, có ít nhất một dòng đánh dấu là đã sửa sau khi nghe góp ý, kèm một câu nói rõ vì sao sửa; danh sách người mà mỗi em dự định sẽ xin tham vấn thật ở nhà.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (4’): Giáo viên hướng dẫn cách đóng vai, gợi ý hai câu hỏi mà người được xin tham vấn thường hỏi: em định bắt đầu từ việc nào và nếu bạn thì em bỏ việc nào trước. Nhắc các em ghi sẵn tên người sẽ xin tham vấn thật ở nhà.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10'): Các cặp đóng vai, đối vai sau năm phút. Sau mỗi lượt, người trình bày tự chỉnh bảng giải pháp của mình ngay. Giáo viên đi quan sát, nhắc cặp nào chỉ khen mà không đặt được câu hỏi khó.

3. Báo cáo, thảo luận (5'): Ba học sinh trình bày trước lớp dòng mình đã sửa và lí do sửa. Lớp góp ý thêm cho phần điều kiện thực hiện, vì đây là cột hay bị bỏ trống nhất.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Xin tham vấn không phải là xin phép mà là mượn con mắt của người khác để nhìn ra chỗ mình bỏ sót. Người được hỏi càng đặt câu hỏi khó thì bảng giải pháp càng chắc.

Hoạt động 4. Vận dụng – Thực hiện giải pháp và tự đánh giá chủ đề (20')

a) Mục tiêu: Thực hiện được các giải pháp học tập, rèn luyện đã đề xuất; ghi lại kết quả, khó khăn và cách khắc phục; tự đánh giá được kết quả trải nghiệm chủ đề.

b) Nội dung: Theo hoạt động 5 ở sách giáo khoa trang 66, mỗi học sinh thực hiện bảng giải pháp trong bốn tuần tới, ghi nhật kí mỗi tuần một dòng về kết quả đạt được, khó khăn gặp phải và cách khắc phục; đồng thời hoàn thành phiếu tự đánh giá theo ba tiêu chí ở trang 66 với hai mức Đạt hoặc Chưa đạt. Riêng phần năng lực số, mỗi em báo cáo lại hai việc bù đắp đã ghi ở tiết 93.

c) Sản phẩm: Nhật kí bốn dòng của mỗi học sinh và phiếu tự đánh giá ba tiêu chí đã đánh dấu mức đạt được, kèm tên sản phẩm chứng minh cho từng tiêu chí chọn mức Đạt; báo cáo ngắn về hai việc bù đắp năng lực số.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3'): Giáo viên chiếu ba tiêu chí ở trang 66, giải thích từng tiêu chí bằng sản phẩm cụ thể lớp đã làm trong chủ đề và hướng dẫn cách ghi nhật kí bốn tuần.

2. Thực hiện nhiệm vụ (8'): Học sinh đánh dấu phiếu tự đánh giá, ghi tên sản phẩm chứng minh và viết dòng nhật kí đầu tiên. Giáo viên đi một vòng, giúp em nào chọn mức Đạt mà chưa nêu được sản phẩm.

3. Báo cáo, thảo luận (6'): Bốn học sinh báo cáo hai việc bù đắp năng lực số đã làm từ tiết 93 và kết quả tới nay; hai học sinh khác chia sẻ tiêu chí mình chưa đạt cùng dự định làm tiếp. Lớp góp ý cách làm.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Chủ đề khép lại nhưng bảng giải pháp thì còn chạy tiếp suốt hè và cả lớp 12. Những gì các em làm được từ nay tới đó chính là phần đáng giá nhất trong hồ sơ của mình khi bước vào mùa tuyển sinh. Nhật kí bốn tuần cùng phiếu tự đánh giá là căn cứ cho phần đánh giá thường xuyên của chủ đề.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

PHỤ LỤC 1. PHIẾU HỌC TẬP CHỦ ĐỀ 9 – DÙNG XUYỀN SUỐT CHỦ ĐỀ

Họ và tên: Lớp: Nhóm:

A. CÂU HỎI MỞ ĐẦU

1. Nghề em đang nghĩ tới đòi hỏi người làm nghề phải giỏi những gì?
2. Trong những điều đó, em thấy mình đã có sẵn điều nào?
3. Điều nào em biết chắc mình còn thiếu?

B. PHIẾU KIẾN THỨC CHỦ ĐỀ 9

Nội dung	Ý chính (SGK nói gì?)	Ví dụ / số liệu minh họa	Rút ra điều gì?
Gợi ý cách ghi →	Ghi ý chính trong SGK, 1–2 câu ngắn.	Nêu một ví dụ, số liệu hoặc tư liệu minh họa.	Viết một câu kết luận hoặc liên hệ.
1. Đánh giá điểm mạnh, điểm yếu theo từng nhóm nghề			
2. Sự phù hợp về phẩm chất, năng lực với nghề lựa chọn			
3. Thuận lợi, khó khăn khi rèn luyện theo nhóm nghề			
4. Giải pháp học tập, rèn luyện theo định hướng nghề			

B1. Đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của em đối với từng nhóm nghề

TT	Nhóm nghề	Đặc trưng, yêu cầu của nhóm nghề	Điểm mạnh của bản thân	Điểm yếu của bản thân
1				
2				
3				

B2. Nhóm nghề em lựa chọn và sự phù hợp về phẩm chất, năng lực

- Nhóm nghề hoặc nghề em lựa chọn:
- Ba lí do em chọn:
- Nhóm nghề dự phòng và lí do:

Đánh dấu × vào một trong hai cột cho mỗi dòng:

Phẩm chất, năng lực của bản thân	Căn cứ (việc có thật)	Phù hợp	Chưa phù hợp

Phẩm chất, năng lực của bản thân	Căn cứ (việc có thật)	Phù hợp	Chưa phù hợp

B3. Nhìn lại kế hoạch rèn luyện: thuận lợi và khó khăn

- Kế hoạch rèn luyện em từng lập đặt ra mục tiêu gì?
- Em đã làm được những việc nào?
- Việc nào em bỏ dở?
- Lần bỏ dở gần nhất xảy ra vì lí do gì?

Nội dung đánh giá	Thuận lợi	Khó khăn
a. Xây dựng kế hoạch rèn luyện		
– Xác định mục tiêu, nội dung, cách thức rèn luyện		
– Xác định các mốc thời gian rèn luyện		
– Tham vấn ý kiến của thầy cô, bạn bè, người thân		
b. Thực hiện kế hoạch rèn luyện		
– Sự hỗ trợ từ thầy cô, bạn bè, người thân		
– Quản lí thời gian		
– (Em tự bổ sung)		

C. MINH CHỨNG NĂNG LỰC SỐ – AI

C1. Em tự chấm năng lực số của mình

Chấm mỗi mặt ở một trong ba mức: đã làm được, làm được một phần, chưa làm được. Mức nào cũng được, nhưng không bỏ trống ô minh chứng.

Mặt của năng lực số	Mức em tự chấm	Minh chứng (một việc có thật của em)
1. Tìm và chọn lọc thông tin trên mạng		
2. Kiểm chứng thông tin trước khi tin		
3. Dùng phần mềm để làm ra sản phẩm học tập		
4. Giữ an toàn cho thông tin cá nhân		

Đối chiếu với nghề em đã chọn:

- Nghề em chọn đòi hỏi cao nhất ở mặt nào?
- Chỗ em còn thiếu so với yêu cầu ấy:

Việc em sẽ làm để bù chỗ còn thiếu	Hạn hoàn thành	Ai giúp em
1.		

Việc em sẽ làm để bù chỗ còn thiếu	Hạn hoàn thành	Ai giúp em
2.		

C2. Kiểm lại gợi ý của công cụ trí tuệ nhân tạo

Thầy cô nhập một hồ sơ giả định do cả lớp cùng dựng vào công cụ gợi ý cách rèn luyện trên máy của lớp và chiếu lên tivi. Em chép lại rồi tự quyết định với từng gợi ý, dựa vào phiếu tự đánh giá của chính mình ở mục B2.

– Bốn điều về em mà công cụ không hề biết:

Gợi ý của máy	Em quyết định: giữ – sửa – bỏ	Lí do (dựa vào phiếu tự đánh giá của em)
1.		
2.		
3.		

D. LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

D1. Bảng giải pháp học tập, rèn luyện của em

Nội dung cần rèn luyện (lấy từ mục B2 và mục C1):

Biện pháp thực hiện	Thời gian thực hiện	Điều kiện thực hiện
1.		
2.		
3.		
4.		

D2. Nhật kí vận dụng bốn tuần

Tuần	Việc em đã làm theo bảng giải pháp	Kết quả đạt được	Khó khăn và cách khắc phục
1			
2			
3			
4			

PHỤ LỤC 2. ĐÁP ÁN NGẮN – GIÁO VIÊN NHÌN NHANH

1. Gọi ý đáp án phiếu kiến thức (tham khảo)

Nội dung	Ý chính (SGK nói gì?)	Ví dụ / số liệu	Rút ra điều gì?
1. Đánh giá điểm mạnh, điểm yếu theo từng nhóm nghề	SGK trang 64 đưa bảng năm cột gồm số thứ tự, nhóm nghề, đặc trưng và yêu cầu của nhóm nghề, rồi hai cột đánh giá là điểm mạnh của bản thân và điểm yếu của bản thân; sau đó yêu cầu chia sẻ kết quả đánh giá với các bạn.	Dòng ví dụ là nhóm nghề kỹ thuật: yêu cầu gồm khéo léo, phản ứng cảm giác hoặc vận động nhanh, chính xác, ngăn nắp, cẩn thận, tỉ mỉ, có tinh thần trách nhiệm; điểm mạnh là thích sửa chữa và sáng tạo các vật dụng trong gia đình hoặc làm công việc thủ công; điểm yếu là thiếu tập trung, thiếu kiên nhẫn. Dòng 2 là nhóm nghề nghệ thuật, dòng 3 để trống.	Mạnh hay yếu chỉ có nghĩa khi đặt cạnh yêu cầu của một nhóm nghề cụ thể; cùng một đặc điểm có thể mạnh ở nhóm nghề này và yếu ở nhóm nghề khác.
2. Sự phù hợp về phẩm chất, năng lực với nghề lựa chọn	SGK trang 64 yêu cầu chọn nhóm nghề hoặc nghề trong số các nhóm nghề đã tìm hiểu ở Chủ đề 8, rồi dựa trên kết quả hoạt động 1 để xác định sự phù hợp giữa phẩm chất, năng lực của bản thân với yêu cầu của nghề đã chọn.	Bảng mẫu lấy nghề giáo viên thuộc nhóm nghề xã hội, ba cột với hai cột con là phù hợp và chưa phù hợp, đánh dấu bằng dấu nhân. Ba dòng ở cột phù hợp: nhiệt tình, thích giúp đỡ người khác, sống chan hòa; tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng, có trách nhiệm cao với công việc; năng lực tự học tốt. Một dòng ở cột chưa phù hợp: năng lực diễn đạt ngôn ngữ còn hạn chế.	Những dòng ở cột chưa phù hợp mới là phần dùng được để rèn luyện; bảng chỉ toàn phù hợp thì không chỉ ra được việc gì phải làm.
3. Thuận lợi, khó khăn khi rèn luyện theo nhóm nghề	SGK trang 65 yêu cầu suy ngẫm về quá trình xây dựng và thực hiện kế hoạch rèn luyện, rồi tự đánh giá thuận lợi và khó khăn qua bảng ba cột; cuối cùng chia sẻ với các bạn.	Bảng chia hai nhóm. Nhóm a là xây dựng kế hoạch rèn luyện, gồm xác định mục tiêu, nội dung, cách thức rèn luyện; xác định các mốc thời gian rèn luyện; tham vấn ý kiến của thầy cô, bạn bè, người thân. Nhóm b là thực hiện kế hoạch rèn luyện, gồm sự hỗ trợ từ phía thầy cô, bạn bè, người thân và việc quản lý thời gian.	Kế hoạch bỏ dở thường không do thiếu quyết tâm mà do đặt mục tiêu quá lớn, thiếu mốc thời gian hoặc không có người nhắc; gọi tên được khó khăn là bước đầu để khắc phục.
4. Giải pháp học tập, rèn luyện theo định hướng nghề	SGK trang 65 nêu hai hướng đề xuất giải pháp: phát huy phẩm chất, năng lực phù hợp và cải thiện chỗ chưa phù hợp; khai thác thuận lợi đã có và vượt	Bảng ví dụ ở trang 66 dành cho kỹ năng giao tiếp theo yêu cầu của nghề giáo viên, gồm bốn biện pháp: tham gia các lớp kỹ năng giao tiếp, thời gian ghi trong sách là từ tháng	Một giải pháp dùng được khi trả lời đủ ba câu: làm gì, làm lúc nào và cần gì để làm được. Các mốc tháng 4/2022 và tháng 6/2022 là mốc của năm sách được biên

Nội dung	Ý chính (SGK nói gì?)	Ví dụ / số liệu	Rút ra điều gì?
	qua khó khăn khi lập, thực hiện kế hoạch. Trang 66 đưa bảng ví dụ ba cột và hoạt động 5 về thực hiện giải pháp.	4/2022 đến tháng 6/2022; xin ý kiến tham vấn của thầy cô, bố mẹ và các bạn trong lớp, thời gian là tháng 4/2022; tham gia các hoạt động ngoại khoá của lớp, trường, câu lạc bộ và tham khảo các sách, tài liệu về kĩ năng giao tiếp, cùng ghi cả năm học. Cột điều kiện thực hiện gộp chung cho cả bốn dòng: sắp xếp thời gian hợp lý; kiên trì; nhà trường tổ chức các hoạt động đa dạng và duy trì câu lạc bộ; bố mẹ, thầy cô tư vấn, tạo điều kiện về thời gian.	soạn, học sinh phải thay bằng mốc của năm học hiện tại.

2. Ghi chú cho phần Năng lực số – AI ở Phụ lục 1

Phần C1 – phiếu tự chấm đạt yêu cầu khi cả bốn mặt đều có mức và có minh chứng là một việc có thật, không phải lời tự nhận xét chung. Giáo viên đặc biệt chú ý em nào chấm cả bốn mặt cùng một mức, vì thường là chấm cho xong. Phần đối chiếu với nghề phải chỉ ra được ít nhất hai chỗ còn thiếu và hai việc bù đắp có thời hạn trong bốn tuần; hai việc này được báo cáo lại ở tiết 99, đó là chỗ phân biệt lớp 11 với lớp 10.

Phần C2 – sơ đồ ba phần cần tách rõ mục tiêu, dữ liệu vào và kết quả ra; ô liệt kê những điều công cụ không biết thường gồm hoàn cảnh gia đình, tình trạng sức khỏe, khoảng cách từ nhà tới nơi học và những thay đổi gần đây của học sinh. Bảng đối chiếu đạt yêu cầu khi mỗi gợi ý đều có quyết định giữ, sửa hoặc bỏ kèm lí do chỉ được vào một dòng trong phiếu tự đánh giá. Hồ sơ dùng để thử là hồ sơ giả định, tuyệt đối không dùng tên thật, điểm số thật hay hoàn cảnh gia đình của học sinh nào.

Phiếu tự đánh giá phần này (dùng hai mức):

- Chấm đủ bốn mặt năng lực số và mỗi mặt đều có minh chứng là việc có thật: Đạt hoặc Chưa đạt.
- Chỉ ra được chỗ còn thiếu so với yêu cầu của nghề đã chọn: Đạt hoặc Chưa đạt.
- Ghi được hai việc bù đắp kèm thời hạn và báo cáo lại kết quả ở tiết cuối: Đạt hoặc Chưa đạt.
- Nêu được quyết định giữ, sửa hoặc bỏ với từng gợi ý của máy kèm lí do: Đạt hoặc Chưa đạt.

3. Lỗi thường gặp và gợi mở

Lỗi 1 – học sinh ghi yêu cầu của nhóm nghề chung chung như phải giỏi, phải chăm. Gợi mở: hỏi trong một ngày làm việc, người làm nghề ấy phải làm những việc gì và việc nào đòi hỏi nhiều nhất.

Lỗi 2 – bảng tự đánh giá chỉ toàn điểm mạnh, hoặc ngược lại toàn lời tự chê như em kém, em lười. Gợi mở: yêu cầu kể một lần cụ thể; nếu là điểm yếu thì hỏi lần ấy điều gì đã cản em, nếu là điểm mạnh thì hỏi việc gì bạn bè hay nhờ em làm giúp.

Lỗi 3 – học sinh chọn nghề theo mong muốn của bố mẹ hoặc theo bạn thân mà không nói được với dòng nào trong bảng đánh giá. Gợi mở: hỏi trong nghề ấy có việc nào em đã từng làm và thấy mình làm được.

Lỗi 4 – phiếu tự chấm năng lực số bỏ trống ô mình chứng hoặc chấm cả bốn mặt cùng một mức. Gợi mở: yêu cầu kể một việc cụ thể cho từng mặt, ví dụ lần gần nhất em tra cứu tài liệu cho bài học là khi nào và em đã kiểm lại nguồn ra sao.

Lỗi 5 – bảng giải pháp chép nguyên các mốc tháng 4/2022 và tháng 6/2022 trong sách. Gợi mở: nhắc đây là mốc của năm sách được biên soạn, yêu cầu thay bằng mốc của năm học này và ghi rõ ngày bắt đầu.

Lỗi 6 – cột điều kiện thực hiện bị bỏ trống hoặc ghi chung chung là cần cố gắng. Gợi mở: hỏi em cần ai giúp, cần thứ gì và nếu không có thứ đó thì em làm cách nào.

Lỗi 7 – học sinh chép nguyên gợi ý của máy vào bảng giải pháp vì thấy câu văn hợp lí. Gợi mở: yêu cầu chỉ vào một dòng trong phiếu tự đánh giá của chính em để bảo vệ từng gợi ý, và hỏi máy đã biết gì về hoàn cảnh của em.

4. Bảng tiêu chí đánh giá

Tiêu chí	Đạt tốt	Đạt	Chưa đạt
Kiến thức, quy trình	Đúng và đủ ý; giải thích hoặc thao tác có dẫn chứng.	Đúng các ý hoặc bước chính.	Sai hoặc thiếu ý, bước cốt lõi.
Sản phẩm và dữ liệu	Rõ ràng, kiểm tra lại được nguồn; có nêu giới hạn và sai số.	Có sản phẩm và dẫn chứng cơ bản.	Chung chung, thiếu dẫn chứng hoặc đơn vị.
Năng lực số và AI (Phụ lục 3)	Đủ dữ liệu – chức năng – kết quả – người kiểm chứng.	Nêu đúng ứng dụng và bước kiểm tra.	Nhằm thiết bị thông thường là trí tuệ nhân tạo, hoặc tin tuyệt đối vào kết quả của máy.
Hợp tác, an toàn	Đúng vai, đúng giờ; trung thực và an toàn.	Hoàn thành nhiệm vụ cơ bản.	Thiếu phối hợp hoặc vi phạm an toàn.

TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm 2026
GIÁO VIÊN (Ký và ghi rõ họ tên)

SỞ GD&ĐT:

TRƯỜNG:

TỔ: TRẢI NGHIỆM HƯỚNG NGHIỆP

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP 11

(Năm học 2026 - 2027)

CHỦ ĐỀ 10. XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH HỌC TẬP THEO ĐỊNH HƯỚNG NGÀNH, NGHỀ LỰA CHỌN

(Số tiết: 6 — tuần 34 đến tuần 35, tiết 100 đến tiết 105)

Giáo viên: | Lớp: | Ngày dạy:

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức – yêu cầu cần đạt

Sau chủ đề này, học sinh:

- Nêu được nội dung cần tham vấn về dự kiến ngành, nghề lựa chọn và người có thể tham vấn cho mình ở từng nội dung.
- Trình bày được các thông tin cơ bản về các trường trung cấp, cao đẳng, đại học liên quan đến nhóm nghề hoặc nghề mà bản thân định lựa chọn, theo đủ chín mục của khung thông tin trong sách giáo khoa.
- Đối chiếu được thông tin tuyển sinh giữa nguồn chính thức và nguồn trung gian, chỉ ra được chỗ chênh lệch và nói được nguồn nào đáng tin hơn cùng lí do.
- Tham vấn được ý kiến của thầy cô, gia đình, bạn bè về dự kiến ngành, nghề lựa chọn và điều chỉnh lại dự kiến của mình sau khi tham vấn.
- Xác định được những trường đào tạo nghề liên quan đến việc học tập hướng nghiệp của bản thân và sắp xếp được thứ tự ưu tiên giữa các trường.
- Xây dựng và thực hiện được kế hoạch học tập theo định hướng ngành, nghề lựa chọn, có đủ mục tiêu, thông tin chung về ngành nghề và bảng kế hoạch thực hiện bốn cột.

2. Năng lực

Năng lực trải nghiệm, hướng nghiệp: năng lực định hướng nghề nghiệp khi tìm hiểu hệ thống trường đào tạo và chọn trường phù hợp với mình; năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động khi lập kế hoạch học tập có mục tiêu, biện pháp và thời hạn; năng lực thích ứng với cuộc sống khi điều chỉnh dự kiến ngành nghề sau khi nghe tham vấn.

Năng lực chung: tự chủ và tự học khi tự tra cứu thông tin tuyển sinh và tự theo dõi kế hoạch học tập; giao tiếp và hợp tác khi đặt câu hỏi tham vấn với thầy cô, bố mẹ và khi trình bày thông tin trước lớp; giải quyết vấn đề và sáng tạo khi xử lí tình huống thông tin từ hai nguồn nói khác nhau.

Năng lực số và AI (theo Phụ lục 3)

1.2.NC1b – 1.2. Đánh giá dữ liệu, thông tin và nội dung số — Phân tích, so sánh và đánh giá được độ tin cậy và tính xác thực của nguồn dữ liệu, thông tin và nội dung số. Phân tích, giải thích và đánh giá được dữ liệu, thông tin và nội dung số.. Cụ thể trong chủ đề này: HS tra cứu thông tin tuyển sinh của 3 trường trung cấp, cao đẳng, đại học, so sánh nội dung giữa trang chính thức và trang tin trung gian để chỉ ra nguồn thiếu tin cậy.

11.C3 – C3. Công nghệ AI — Cách đặt prompt phù hợp với mục tiêu cụ thể / Khám phá cách thức vận hành một số hệ thống AI / Một số phương pháp, nhiệm vụ tùy chỉnh hệ thống AI. Cụ thể trong chủ đề này: HS viết rồi chỉnh prompt nhờ AI gợi ý lộ trình học tập theo ngành đã chọn, bổ sung học lực và điều kiện thực tế vào prompt, kiểm chứng kết quả bằng đề án tuyển sinh chính thức.

Minh chứng: phiếu đối chiếu hai nguồn theo bốn dấu hiệu kèm kết luận; hai câu yêu cầu trước và sau khi bổ sung cùng bảng so hai kết quả; khung thông tin cơ bản về trường đào tạo đã điền; bảng xếp thứ tự ưu tiên các trường; kế hoạch học tập theo định hướng ngành, nghề lựa chọn.

3. Phẩm chất

Chăm chỉ: kiên trì tra cứu cho đủ thông tin về trường thay vì tin ngay lời truyền miệng; theo đuổi kế hoạch học tập đã lập cho tới kì thi.

Trách nhiệm: tự chịu trách nhiệm về lựa chọn ngành, nghề và trường của mình; chỉ đưa vào kế hoạch những mục tiêu mình định làm thật.

Trung thực: ghi đúng học lực và điều kiện thật của bản thân khi tham vấn, không nói quá cũng không giấu bớt.

Nhân ái: tôn trọng lựa chọn của bạn, kể cả khi bạn chọn trường nghề hay hướng đi khác mình.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

Giáo viên: sách giáo khoa Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống), trang 67–71 và sách giáo viên; tivi và một máy tính của lớp có nối mạng; giấy A3, giấy A4, bút màu, giấy nhớ; bản in khung thông tin cơ bản về trường đào tạo ở trang 69; bản in khung kế hoạch học tập ở trang 70; bản in đề án tuyển sinh hoặc thông báo tuyển sinh chính thức của ba trường thuộc ba bậc trung cấp, cao đẳng và đại học; bản in cùng thông tin ấy lấy từ một trang tin trung gian để đối chiếu; kết quả chọn nhóm nghề mà học sinh đã làm ở Chủ đề 9; phiếu học tập ở Phụ lục 1.

Học sinh: sách giáo khoa, vở, bút màu; phiếu chốt nhóm nghề lựa chọn và bảng giải pháp học tập, rèn luyện đã làm ở Chủ đề 9; bảng điểm học kì gần nhất để có căn cứ khi lập kế hoạch học tập.

Phương án dự phòng: trường chỉ có một máy tính của giáo viên nên phân tra cứu trang tuyển sinh và phân thử công cụ gợi ý lộ trình đều do giáo viên thao tác và chiếu lên tivi, học sinh ghi vào phiếu giấy. Khi mất điện hoặc mất mạng, giáo viên dùng bản in đề án tuyển sinh của ba trường, bản in trang tin trung gian và bản in kết quả của công cụ đã chuẩn bị từ trước cho hai câu yêu cầu; toàn bộ nhiệm vụ vẫn làm được trên phiếu giấy.

An toàn: học sinh không đăng nhập tài khoản cá nhân trên máy của lớp, không nhập họ tên thật, số căn cước, điểm số thật hay số điện thoại vào bất kì trang tuyển sinh hoặc công cụ nào; hồ sơ dùng để thử là hồ sơ giả định do cả lớp cùng dựng. Khi trao đổi về hoàn cảnh gia đình và khả năng lo chi phí học tập, cả lớp giữ quy ước không hỏi và không bình phẩm điều kiện kinh tế của bạn; ai không muốn nói thì ghi riêng vào phiếu của mình. Giáo viên nhắc học sinh cảnh giác với những trang hứa hẹn chắc chắn đỗ hoặc yêu cầu nộp tiền để giữ chỗ.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Mạch bài: biết nên hỏi ai và hỏi gì → thu đủ thông tin về trường → kiểm xem nguồn nào đáng tin → xin tham vấn thật và điều chỉnh → chọn trường và xếp ưu tiên → lập kế hoạch học tập cho lớp 12 → chỉnh câu yêu cầu với máy rồi kiểm lại bằng nguồn chính thức.

Tiết	Câu hỏi hoặc nội dung trung tâm	Sản phẩm nổi tiếp	Thời gian
100	Muốn chọn đúng ngành, em nên hỏi ai và hỏi những gì?	Bảng nội dung tham vấn và danh sách người sẽ hỏi	45 phút
101	Một trường đào tạo cần cho em biết những thông tin nào?	Khung thông tin cơ bản về trường đào tạo đã điền cho một trường	45 phút
102	Hai nơi nói khác nhau về cùng một trường, tin nơi nào?	Phiếu đối chiếu hai nguồn theo bốn dấu hiệu kèm kết luận	45 phút

Tiết	Câu hỏi hoặc nội dung trung tâm	Sản phẩm nổi tiếp	Thời gian
103	Người lớn khuyên em điều gì và em điều chỉnh ra sao?	Bản ghi kết quả tham vấn và dự kiến ngành nghề đã điều chỉnh	45 phút
104	Em chọn trường nào và vì sao xếp trường ấy lên trước?	Bảng xếp thứ tự ưu tiên ba trường kèm tiêu chí xếp	45 phút
105	Từ nay tới kì thi, em sẽ học thế nào cho đúng hướng?	Kế hoạch học tập theo định hướng ngành, nghề và phiếu tự đánh giá	45 phút

TIẾT 100. NỘI DUNG THAM VẤN VỀ DỰ KIẾN NGÀNH, NGHỀ LỰA CHỌN

Hoạt động 1. Mở đầu – Còn một năm nữa là tới lúc phải quyết (8')

a) Mục tiêu: Khơi lên nhu cầu chuẩn bị sớm cho việc chọn ngành, chọn trường và làm xuất hiện câu hỏi trung tâm: muốn quyết đúng thì cần biết những gì và cần hỏi ai.

b) Nội dung: Giáo viên chiếu bức tranh mở đầu chủ đề ở sách giáo khoa trang 67 với cột biển chỉ đường mang hai bảng mũi tên kế hoạch học tập và ngành, nghề; nhắc lớp rằng chỉ còn một năm nữa là tới kì thi tốt nghiệp và mùa xét tuyển. Học sinh trả lời ba câu hỏi mở đầu ở mục A của Phụ lục 1.

c) Sản phẩm: Ba câu trả lời ngắn ở mục A Phụ lục 1 của mỗi học sinh; danh sách những điều lớp còn chưa biết về trường và về tuyển sinh, ghi lên bảng lớp.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (1'): Giáo viên chiếu tranh mở đầu trang 67, phát Phụ lục 1 và nêu ba câu hỏi ở mục A, yêu cầu mỗi em viết trong ba phút.

2. Thực hiện nhiệm vụ (3'): Học sinh tự viết. Giáo viên đi một vòng, gợi ý em nào còn bí bằng câu hỏi: nếu ngày mai phải nộp hồ sơ thì em thấy mình còn thiếu thông tin gì nhất.

3. Báo cáo, thảo luận (3'): Bốn học sinh đọc câu trả lời. Giáo viên ghi lên bảng những điều lớp còn chưa biết, gom thành hai cột: chưa biết về ngành nghề và chưa biết về trường.

4. Kết luận, nhận định (1'): GV chốt: Hai cột trên bảng là việc của sáu tiết cuối cùng năm học này. Chủ đề khép lại lớp 11 nhưng mở ra lớp 12: xong chủ đề, mỗi em cầm về một bản kế hoạch học tập để bước vào năm thi.

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới và giải quyết vấn đề

a) Mục tiêu: Đi hết bốn định hướng nội dung của chủ đề ở sách giáo khoa trang 68, từ tìm hiểu nội dung tham vấn, thu thập thông tin về trường đào tạo, thực hiện tham vấn cho tới xác định trường và lập kế hoạch học tập.

b) Nội dung: Bảy nhiệm vụ nối tiếp nhau, trải từ tiết 100 đến tiết 105, bám sáu hoạt động của sách giáo khoa từ trang 69 đến trang 71.

c) Sản phẩm: Chuỗi sản phẩm ghi ở cột thứ ba của bảng mạch tiết phía trên; toàn bộ được lưu vào Phụ lục 1 của từng học sinh.

d) Tổ chức thực hiện

Nhiệm vụ 2.1. Xác định nội dung tham vấn và người sẽ hỏi (37')

a) Mục tiêu: Chia sẻ được hiểu biết của bản thân về tham vấn ngành, nghề; nêu được các nội dung cần tham vấn và chọn được người phù hợp để hỏi ở từng nội dung.

b) Nội dung: Theo hoạt động 1 ở sách giáo khoa trang 69, học sinh chia sẻ hiểu biết của mình về tham vấn ngành, nghề rồi thảo luận về nội dung tham vấn. Sách gợi ý ba nội dung: ngành, nghề dự kiến lựa chọn và yêu cầu của ngành, nghề đó; sự phù hợp giữa sở thích, khả năng, phẩm chất, năng lực của bản thân với yêu cầu của ngành, nghề lựa chọn; những yêu cầu rèn luyện đối với bản thân để đáp ứng được yêu cầu của ngành, nghề lựa chọn. Mỗi nhóm bổ sung thêm ít nhất một nội dung và ghép mỗi nội dung với người có thể trả lời tốt nhất.

c) Sản phẩm: Bảng của nhóm gồm ít nhất bốn nội dung tham vấn, mỗi nội dung đặt cạnh người sẽ hỏi và một câu hỏi cụ thể sẽ dùng khi hỏi người ấy; danh sách riêng của mỗi học sinh gồm ba người mình dự định xin tham vấn thật ở nhà.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5'): Giáo viên nêu câu hỏi mở để lớp chia sẻ hiểu biết về tham vấn ngành nghề, làm rõ tham vấn là hỏi ý kiến để mình quyết chứ không phải nhờ người khác quyết hộ; sau đó chiếu ba nội dung gợi ý ở trang 69 và giao nhiệm vụ cho các nhóm.

2. Thực hiện nhiệm vụ (18'): Các nhóm bổ sung nội dung mới rồi ghép mỗi nội dung với người sẽ hỏi và viết câu hỏi cụ thể. Giáo viên đi từng nhóm, nhắc nhóm nào viết câu hỏi quá rộng như em nên chọn nghề gì: hãy đổi thành câu hỏi mà người được hỏi trả lời được bằng hiểu biết của họ.

3. Báo cáo, thảo luận (9'): Ba nhóm trình bày bảng của mình. Lớp góp ý: nội dung nào nên hỏi thầy cô, nội dung nào chỉ bố mẹ trả lời được và nội dung nào nên hỏi người đang làm nghề ấy.

4. Kết luận, nhận định (5'): GV chốt: Tham vấn có ích khi hỏi đúng người đúng việc. Thầy cô nắm học lực và yêu cầu của ngành, bố mẹ nắm điều kiện gia đình, người đang làm nghề nắm công việc thật hằng ngày. Hỏi ai cũng được, nhưng quyết định cuối cùng vẫn là của các em.

TIẾT 101. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ CÁC TRƯỜNG ĐÀO TẠO

Kết nối hai tiết (3'): Tiết trước lớp đã biết nên hỏi ai và hỏi gì. Tiết này lớp đi thu thập thứ mà không ai trả lời thay được: thông tin đầy đủ về chính những trường mình định thi vào.

THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ TRƯỜNG ĐÀO TẠO

Nhóm nghề/ngành lựa chọn:.....

Thông tin cơ bản:.....

- Tên trường:..... Địa chỉ liên hệ:.....
- Tên các ngành đào tạo (gắn với bằng cấp, chứng chỉ, thời gian đào tạo):.....
- Mục tiêu đào tạo (chuẩn đầu ra):.....
- Hình thức tuyển sinh:.....
- Yêu cầu về hồ sơ tuyển sinh:.....
- Kinh phí học tập, chế độ của trường về học bổng, hỗ trợ người học trong quá trình đào tạo:.....
- Đội ngũ cán bộ giảng dạy và cơ sở vật chất của nhà trường:.....
- Mức độ uy tín của cơ sở đào tạo (theo xếp hạng của tổ chức đánh giá giáo dục có uy tín):.....
- Cơ hội việc làm và cơ hội hợp tác quốc tế (nếu học sinh có nhu cầu):.....

Khung gợi ý thông tin cơ bản về trường đào tạo — SGK trang 69

Nhiệm vụ 2.2. Thu thập và trình bày thông tin về một trường đào tạo (42')

a) Mục tiêu: Trình bày được các thông tin cơ bản về một trường trung cấp, cao đẳng hoặc đại học có đào tạo nhóm nghề mình lựa chọn, theo đủ chín mục của khung thông tin.

b) Nội dung: Theo hoạt động 2 ở sách giáo khoa trang 69, học sinh điền khung thông tin cơ bản về trường đào tạo gồm chín mục: tên trường và địa chỉ liên hệ; tên các ngành đào tạo gắn với bằng cấp, chứng chỉ, thời gian đào tạo; mục tiêu đào tạo hay chuẩn đầu ra; hình thức tuyển sinh; yêu cầu về hồ sơ tuyển sinh; kinh phí học tập và chế độ học bổng, hỗ trợ người học; đội ngũ cán bộ giảng dạy và cơ sở vật chất; mức độ uy tín của cơ sở đào tạo; cơ hội việc làm và cơ hội hợp tác quốc tế. Cần lưu ý câu lệnh của sách ở mục này chỉ nhắc trường trung cấp và cao đẳng, nhưng tên hoạt động và mục tiêu chủ đề nêu cả ba bậc, nên lớp làm với cả trường đại học. Giáo viên tra cứu trên máy của lớp và chiếu lên tivi, đồng thời phát bản in đề án tuyển sinh của ba trường thuộc ba bậc.

c) Sản phẩm: Khung thông tin cơ bản về trường đào tạo đã điền đủ chín mục cho một trường, làm theo nhóm trên giấy A3; mỗi mục ghi kèm chỗ lấy thông tin. Bảng tổng hợp của lớp gồm ba trường thuộc ba bậc trung cấp, cao đẳng và đại học.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (6'): Giáo viên chiếu khung thông tin ở trang 69, đọc lướt chín mục và giải thích hai mục học sinh hay bỏ qua là chuẩn đầu ra và chế độ học bổng; phân công mỗi nhóm một trường, phát giấy A3 và bản in đề án tuyển sinh tương ứng.

2. Thực hiện nhiệm vụ (18'): Các nhóm đọc bản in và theo dõi phần giáo viên tra cứu trên tivi để điền khung thông tin. Giáo viên đi từng nhóm, nhắc mỗi mục phải ghi rõ lấy ở đâu và nhắc nhóm nào bỏ trống mục kinh phí học tập, vì đây là mục ảnh hưởng trực tiếp tới quyết định.

3. Báo cáo, thảo luận (13'): Các nhóm treo giấy A3 và trình bày, mỗi nhóm khoảng ba phút. Lớp gom thành bảng tổng hợp ba trường trên bảng lớp và chỉ ra mục nào của nhóm nào còn thiếu.

4. Kết luận, nhận định (5'): GV chốt: Chín mục này là bộ khung tối thiểu để so hai trường với nhau cho công bằng. Ba bậc trung cấp, cao đẳng và đại học đều có đường đi tới nghề, khác nhau ở thời gian học, chi phí và cách vào; các em cần nhìn đủ ba bậc rồi mới chọn.

TIẾT 102. KIỂM CHỨNG THÔNG TIN TUYỂN SINH GIỮA HAI NGUỒN

Kết nối hai tiết (3'): Khung thông tin tiết trước đã đầy. Nhưng thông tin về tuyển sinh mỗi nơi nói một khác, nên tiết này lớp học cách kiểm xem nên tin nơi nào.

Nhiệm vụ 2.3. Đối chiếu nguồn chính thức với nguồn trung gian (42')

a) Mục tiêu: Đối chiếu được thông tin tuyển sinh của cùng một trường giữa trang chính thức và một trang tin trung gian; chỉ ra được chỗ chênh lệch và kết luận được nguồn nào đáng tin hơn cùng lí do.

b) Nội dung: Giáo viên chiếu lên tivi thông tin tuyển sinh của cùng một trường lấy từ hai nơi: trang chính thức của trường và một trang tin trung gian đăng lại, đồng thời phát bản in cả hai. Học sinh đối chiếu trên phiếu giấy theo bốn dấu hiệu: địa chỉ trang có phải tên miền của chính trường không; thông tin đăng ngày nào và đã cũ chưa; có dẫn được văn bản gốc như đề án tuyển sinh hay thông báo của trường không; số liệu chi tiết tới mức nào. Sau đó ghi chỗ chênh lệch giữa hai nơi và kết luận.

c) Sản phẩm: Phiếu đối chiếu hai nguồn ở mục C Phụ lục 1 của mỗi học sinh, gồm bốn dấu hiệu đã chấm cho cả hai nguồn, ít nhất hai chỗ chênh lệch được chỉ ra và một kết luận nói rõ nguồn nào đáng tin hơn kèm lí do; danh sách ba dấu hiệu cảnh báo một trang tuyển sinh không đáng tin, do cả lớp cùng lập.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (6'): Giáo viên chiếu song song hai nguồn lên tivi, phát bản in và giải thích bốn dấu hiệu đối chiếu; làm mẫu dấu hiệu thứ nhất bằng cách chỉ vào địa chỉ trang của cả hai nơi và hỏi lớp nơi nào là tên miền của chính trường.

2. Thực hiện nhiệm vụ (18'): Học sinh làm phiếu đối chiếu cá nhân rồi trao đổi theo cặp. Giáo viên đi một vòng, gợi ý em nào chưa tìm được chỗ chênh lệch bằng cách hướng vào các mục hay lệch nhất là chỉ tiêu, tổ hợp xét tuyển, điểm chuẩn năm trước và mức học phí.

3. Báo cáo, thảo luận (13'): Sáu học sinh trình bày phiếu của mình: đọc hai chỗ chênh lệch và kết luận kèm lí do. Cả lớp cùng lập danh sách ba dấu hiệu cảnh báo một trang tuyển sinh không đáng tin và ghi lên bảng lớp.

4. Kết luận, nhận định (5'): GV chốt: Khi hai nơi nói khác nhau thì căn cứ cuối cùng luôn là văn bản gốc của chính trường, tức đề án hoặc thông báo tuyển sinh, chứ không phải trang đăng lại. Trang trung gian có ích ở chỗ tổng hợp nhanh, nhưng dễ cũ và dễ sót. Đặc biệt cảnh giác với những trang hứa chắc chắn đỗ hoặc yêu cầu nộp tiền giữ chỗ.

TIẾT 103. THAM VẤN Ý KIẾN VÀ ĐIỀU CHỈNH DỰ KIẾN

Kết nối hai tiết (3'): Thông tin đã đủ và đã được kiểm. Tiết này lớp mang cả hồ sơ ấy đi hỏi ý kiến người lớn, rồi tự cân nhắc xem có cần điều chỉnh dự kiến của mình hay không.

Nhiệm vụ 2.4. Tập dượt và thực hiện tham vấn (20')

a) Mục tiêu: Tham vấn được ý kiến của thầy cô, gia đình, bạn bè về dự kiến ngành, nghề lựa chọn bằng những câu hỏi cụ thể và ghi lại được ý kiến nhận về.

b) Nội dung: Theo mục 1 của hoạt động 3 ở sách giáo khoa trang 70, học sinh tập dượt việc tham vấn bằng cách đóng vai theo cặp: một bạn trình bày dự kiến ngành nghề của mình cùng căn cứ, bạn kia đóng vai thầy cô hoặc phụ huynh và nêu hai câu hỏi khó. Sau đó mỗi

em hoàn thiện danh sách ba người sẽ xin tham vấn thật ở nhà cùng câu hỏi dành cho từng người, dựa trên bảng nội dung tham vấn đã lập ở tiết 100.

c) Sản phẩm: Bản ghi tập dượt của mỗi học sinh gồm hai câu hỏi khó mình đã nhận và câu trả lời của mình; phiếu hẹn tham vấn ghi ba người sẽ hỏi, câu hỏi dành cho từng người và thời điểm dự định hỏi.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3'): Giáo viên hướng dẫn cách đóng vai, gợi ý hai câu hỏi mà người lớn hay hỏi: vì sao con chọn ngành này chứ không phải ngành kia, và nếu không đỗ trường đó thì con tính sao. Nhắc quy ước không hỏi về điều kiện kinh tế gia đình của bạn.

2. Thực hiện nhiệm vụ (9'): Các cặp đóng vai, đổi vai sau bốn phút, rồi mỗi em điền phiếu hẹn tham vấn. Giáo viên đi quan sát, nhắc cặp nào chỉ khen nhau mà không đặt được câu hỏi khó.

3. Báo cáo, thảo luận (5'): Bốn học sinh trình bày trước lớp câu hỏi khó nhất mình nhận được và cách mình đã trả lời. Lớp góp ý để câu trả lời có thêm căn cứ từ khung thông tin trường đã tra.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Người lớn thường hỏi những câu đúng vào chỗ mình còn mơ hồ. Chuẩn bị sẵn câu trả lời có căn cứ thì buổi tham vấn ở nhà sẽ thành một cuộc trao đổi chứ không thành một cuộc tranh luận.

Nhiệm vụ 2.5. Điều chỉnh dự kiến ngành, nghề sau khi tham vấn (22')

a) Mục tiêu: Nêu được những ý kiến nhận được khi tham vấn và tự điều chỉnh dự kiến nhóm nghề hoặc nghề lựa chọn cho phù hợp hơn với bản thân và điều kiện thực tế.

b) Nội dung: Theo mục 2 của hoạt động 3 ở sách giáo khoa trang 70, học sinh ghi lại các ý kiến đã nhận được từ thầy cô, gia đình, bạn bè, xếp thành hai nhóm là ý kiến mình đồng tình và ý kiến mình chưa đồng tình, mỗi nhóm kèm lí do. Sau đó ghi rõ mình giữ nguyên hay điều chỉnh dự kiến ngành, nghề, và nếu điều chỉnh thì điều chỉnh ở điểm nào. Em nào chưa kịp hỏi ở nhà thì dùng kết quả tập dượt ở nhiệm vụ trước và bổ sung sau.

c) Sản phẩm: Bản ghi kết quả tham vấn của mỗi học sinh ở mục B Phụ lục 1, gồm ít nhất ba ý kiến được xếp vào hai nhóm kèm lí do, và một dòng kết luận nêu rõ giữ nguyên hay điều chỉnh dự kiến ngành nghề cùng điểm điều chỉnh.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3'): Giáo viên hướng dẫn cách xếp ý kiến thành hai nhóm và nhấn mạnh: chưa đồng tình cũng phải ghi lí do, vì đó là chỗ cho thấy em đã cân nhắc chứ không bỏ ngoài tai.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10'): Học sinh viết bản ghi cá nhân. Giáo viên đi một vòng, giúp em nào chỉ ghi ý kiến của bố mẹ mà bỏ ý kiến của chính mình, và em nào ghi điều chỉnh nhưng chưa nói rõ điều chỉnh ở điểm nào.

3. Báo cáo, thảo luận (6'): Sáu học sinh chia sẻ một ý kiến mình chưa đồng tình cùng lí do, và cho biết mình giữ nguyên hay điều chỉnh. Lớp lắng nghe, không bình luận về gia đình của bạn.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Tham vấn không có nghĩa là làm theo. Điều chỉnh sau khi nghe là dấu hiệu của người biết cân nhắc, còn giữ nguyên vì có căn cứ vững cũng là một quyết định đúng. Điều không nên là gật đầu cho xong rồi trong lòng vẫn làm khác.

TIẾT 104. XÁC ĐỊNH TRƯỜNG ĐÀO TẠO VÀ XẾP THỨ TỰ ƯU TIÊN

Kết nối hai tiết (3'): Dự kiến ngành nghề đã được chốt lại sau tham vấn. Tiết này lớp trả lời câu hỏi tiếp theo: trong những trường đã tìm hiểu, em sẽ nhắm tới trường nào trước.

Nhiệm vụ 2.6. Chọn trường và sắp xếp thứ tự ưu tiên (42')

a) Mục tiêu: Xác định được những trường đào tạo nghề liên quan đến việc học tập hướng nghiệp của bản thân và sắp xếp được thứ tự ưu tiên giữa các trường theo tiêu chí rõ ràng.

b) Nội dung: Theo hoạt động 4 ở sách giáo khoa trang 70, học sinh xác định trường đào tạo dựa trên ba cơ sở lựa chọn mà sách nêu: yêu cầu về phẩm chất, năng lực của người lao động; thông tin cơ bản về nghề hoặc nhóm nghề lựa chọn; sự phù hợp của bản thân với nghề hoặc nhóm nghề lựa chọn. Sau đó mỗi em xác định các ưu tiên trong lựa chọn trường bằng cách tự đặt ra bốn tiêu chí, ví dụ mức học phí gia đình lo được, khoảng cách từ nhà, khả năng trúng tuyển so với học lực hiện tại và cơ hội việc làm sau khi ra trường; rồi xếp ba trường theo thứ tự ưu tiên. Cuối cùng chia sẻ, trao đổi với các bạn trong lớp về vấn đề trên.

c) Sản phẩm: Bảng xếp thứ tự ưu tiên ba trường của mỗi học sinh ở mục B Phụ lục 1, mỗi trường được chấm theo bốn tiêu chí do chính em đặt ra, kèm một câu giải thích vì sao trường đứng đầu lại được xếp trước.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (6'): Giáo viên nêu ba cơ sở lựa chọn ở trang 70, hướng dẫn cách tự đặt tiêu chí ưu tiên và làm mẫu một bảng chấm trên bảng lớp với một hồ sơ giả định; nhắc lại quy ước không hỏi về điều kiện kinh tế gia đình của bạn, ai không muốn nói thì ghi riêng vào phiếu.

2. Thực hiện nhiệm vụ (18'): Học sinh lập bảng và xếp thứ tự ba trường. Giáo viên đi từng bàn, hỏi lại em nào xếp trường theo tiếng tăm mà bỏ qua tiêu chí học phí hoặc khả năng trúng tuyển; gợi ý mỗi em nên có một trường nằm trong tầm chắc chắn hơn.

3. Báo cáo, thảo luận (13'): Học sinh trao đổi theo nhóm bốn người rồi sáu em trình bày trước lớp bảng xếp ưu tiên và lí do chọn trường đứng đầu. Lớp góp ý bằng câu hỏi về tiêu chí, không bình phẩm trường nào hơn trường nào.

4. Kết luận, nhận định (5'): GV chốt: Xếp ưu tiên là việc cân nhiều thứ cùng lúc chứ không chỉ cân điểm chuẩn. Một danh sách hợp lí thường gồm trường mình mong muốn nhất, trường vừa sức và trường chắc chắn hơn. Danh sách này còn được xem lại nhiều lần trong năm lớp 12 khi các em biết thêm kết quả học tập của mình.

TIẾT 105. KẾ HOẠCH HỌC TẬP THEO ĐỊNH HƯỚNG NGÀNH, NGHỀ VÀ TỔNG KẾT

Kết nối hai tiết (3'): Ngành đã chọn, trường đã xếp. Tiết cuối cùng của lớp 11 dành để viết ra bản kế hoạch học tập sẽ theo các em suốt năm lớp 12, và nhìn lại cả chặng đường một năm học.

KẾ HOẠCH HỌC TẬP THEO ĐỊNH HƯỚNG NGÀNH, NGHỀ LỰA CHỌN

- Mục tiêu của kế hoạch học tập:...
- Thông tin chung về ngành, nghề lựa chọn:
 - + Tên nghề lựa chọn:...
 - + Yêu cầu nghề:...
 - + Trường đào tạo:...
 - + Hình thức tuyển sinh:...
 - + Học vấn tối thiểu:... Bằng cấp, chứng chỉ:...
- Kế hoạch thực hiện:

Tên các môn học để thi tuyển	Kết quả mong đợi	Biện pháp thực hiện	Thời gian hoàn thành
...	...	...	...

Khung gợi ý kế hoạch học tập theo định hướng ngành, nghề lựa chọn — SGK trang 70

Hoạt động 3. Luyện tập – Lập kế hoạch học tập theo định hướng ngành, nghề (22')

a) Mục tiêu: Xây dựng được kế hoạch học tập theo định hướng ngành, nghề lựa chọn, có đủ mục tiêu, thông tin chung về ngành nghề và bảng kế hoạch thực hiện bốn cột.

b) Nội dung: Theo hoạt động 5 ở sách giáo khoa trang 70, học sinh điền khung kế hoạch học tập gồm mục tiêu của kế hoạch học tập; thông tin chung về ngành, nghề lựa chọn với năm mục là tên nghề lựa chọn, yêu cầu nghề, trường đào tạo, hình thức tuyển sinh, học vấn tối thiểu cùng bằng cấp, chứng chỉ; và bảng kế hoạch thực hiện bốn cột gồm tên các môn học để thi tuyển, kết quả mong đợi, biện pháp thực hiện và thời gian hoàn thành. Trong sách bảng này để trống hoàn toàn, không có dòng mẫu. Học sinh lấy chất liệu từ khung thông tin trường ở tiết 101, bảng xếp ưu tiên ở tiết 104 và bảng điểm học kì gần nhất của mình.

c) Sản phẩm: Kế hoạch học tập theo định hướng ngành, nghề lựa chọn ở mục D Phụ lục 1 của mỗi học sinh, đủ ba phần, trong đó bảng kế hoạch thực hiện có ít nhất ba dòng ứng với ba môn thi tuyển, mỗi dòng có kết quả mong đợi đo được và mốc thời gian cụ thể.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (4'): Giáo viên chiếu khung kế hoạch ở trang 70, chỉ ra ba phần và nhấn mạnh cột kết quả mong đợi phải viết thành con số hoặc dấu hiệu đo được, ví dụ điểm trung bình môn cần đạt, chứ không viết chung chung là học tốt hơn.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10'): Học sinh điền khung kế hoạch. Giáo viên đi từng bàn, kiểm tra điều: các môn thi tuyển đã đúng tổ hợp của ngành chưa, kết quả mong đợi có đo được không và thời gian hoàn thành đã chia thành mốc nhỏ trong năm lớp 12 chưa.

3. Báo cáo, thảo luận (5'): Học sinh trao đổi theo cặp, mỗi em hỏi bạn hai câu: từ điểm hiện tại tới kết quả mong đợi còn cách bao nhiêu, và biện pháp này bắt đầu từ tuần nào. Sau đó ba em trình bày kế hoạch trước lớp.

4. Kết luận, nhận định (3'): GV chốt: Một kế hoạch học tập đúng được là kế hoạch nói được ba thứ: ngành em chọn, các môn em phải thi và khoảng cách giữa điểm hiện tại với điểm cần đạt. Các em giữ bản này, đầu năm lớp 12 mở ra xem lại và chỉnh theo kết quả thật.

Hoạt động 4. Vận dụng – Thực hiện kế hoạch và tổng kết chủ đề (20')

a) Mục tiêu: Thực hiện được kế hoạch học tập theo định hướng ngành, nghề lựa chọn; biết cách bổ sung thông tin và tìm sự hỗ trợ khi gặp khó khăn; tự đánh giá được kết quả trải nghiệm chủ đề.

b) Nội dung: Theo hoạt động 6 ở sách giáo khoa trang 71, mỗi học sinh tiếp tục tìm hiểu và bổ sung thông tin về các trường đào tạo, thực hiện kế hoạch học tập, ghi lại kết quả đạt được sau mỗi khoảng thời gian và tìm sự hỗ trợ, tham vấn từ thầy cô, bố mẹ, bạn bè khi gặp khó khăn. Học sinh chia sẻ kế hoạch với thầy cô, bạn bè và người thân trong hè, ghi nhật kí mỗi tháng một dòng; đồng thời hoàn thành phiếu tự đánh giá theo bốn tiêu chí ở trang 71 với hai mức Đạt hoặc Chưa đạt.

c) Sản phẩm: Nhật kí ba dòng cho ba tháng hè của mỗi học sinh và phiếu tự đánh giá bốn tiêu chí đã đánh dấu mức đạt được, kèm tên sản phẩm chứng minh cho từng tiêu chí chọn mức Đạt; bản kế hoạch học tập được nộp lại vào buổi sinh hoạt đầu năm lớp 12.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3’): Giáo viên chiếu bốn tiêu chí ở trang 71, giải thích từng tiêu chí bằng sản phẩm cụ thể lớp đã làm trong chủ đề và hướng dẫn cách ghi nhật kí ba tháng hè.

2. Thực hiện nhiệm vụ (8’): Học sinh đánh dấu phiếu tự đánh giá, ghi tên sản phẩm chứng minh và viết dòng nhật kí đầu tiên. Giáo viên đi một vòng, giúp em nào chọn mức Đạt mà chưa nêu được sản phẩm.

3. Báo cáo, thảo luận (6’): Ba học sinh báo cáo kết quả buổi tham vấn thật ở nhà đã hẹn từ tiết 103 và điều mình đã điều chỉnh sau đó; ba em khác chia sẻ tiêu chí mình chưa đạt cùng dự định làm tiếp trong hè. Lớp góp ý cách làm.

4. Kết luận, nhận định (3’): GV chốt: Chủ đề này khép lại chương trình lớp 11, nhưng bản kế hoạch của các em thì vừa mới bắt đầu chạy. Ba việc cần làm trong hè là bổ sung thông tin về trường, bám kế hoạch học tập và hỏi ngay khi thấy vướng. Đầu năm lớp 12 các em mang bản kế hoạch này tới lớp để chỉnh lại theo kết quả thật.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

PHỤ LỤC 1. PHIẾU HỌC TẬP CHỦ ĐỀ 10 – DÙNG XUYỀN SUỐT CHỦ ĐỀ

Họ và tên: Lớp: Nhóm:

A. CÂU HỎI MỞ ĐẦU

1. Ngành, nghề em đang dự kiến lựa chọn là gì?
2. Em đã biết những gì về trường có đào tạo ngành, nghề đó?
3. Nếu ngày mai phải nộp hồ sơ, em thấy mình còn thiếu thông tin gì nhất?

B. PHIẾU KIẾN THỨC CHỦ ĐỀ 10

Nội dung	Ý chính (SGK nói gì?)	Ví dụ / số liệu minh họa	Rút ra điều gì?
Gợi ý cách ghi →	Ghi ý chính trong SGK, 1–2 câu ngắn.	Nêu một ví dụ, số liệu hoặc tư liệu minh họa.	Viết một câu kết luận hoặc liên hệ.
1. Nội dung tham vấn về dự kiến ngành, nghề			
2. Thông tin cơ bản về các trường đào tạo			
3. Tham vấn ý kiến và xác định trường đào tạo			
4. Kế hoạch học tập theo định hướng ngành, nghề			

B1. Nội dung tham vấn và người em sẽ hỏi

Nội dung em cần tham vấn	Người em sẽ hỏi	Câu hỏi cụ thể em sẽ dùng	Khi nào hỏi
1.			
2.			
3.			
4.			

B2. Thông tin cơ bản về trường đào tạo em quan tâm

– Nhóm nghề hoặc nghề em lựa chọn:

Mục thông tin	Em ghi vào đây	Lấy ở đâu
1. Tên trường; địa chỉ liên hệ		
2. Tên các ngành đào tạo (bằng cấp, chứng chỉ, thời gian đào tạo)		
3. Mục tiêu đào tạo (chuẩn đầu ra)		
4. Hình thức tuyển sinh		
5. Yêu cầu về hồ sơ tuyển sinh		
6. Kinh phí học tập; học bổng, hỗ trợ người học		

Mục thông tin	Em ghi vào đây	Lấy ở đâu
7. Đội ngũ cán bộ giảng dạy và cơ sở vật chất		
8. Mức độ uy tín của cơ sở đào tạo		
9. Cơ hội việc làm và cơ hội hợp tác quốc tế		

B3. Kết quả tham vấn và điều chỉnh dự kiến

Người cho ý kiến	Ý kiến em nhận được	Em đồng tình hay chưa? Vì sao?

– Sau khi tham vấn, em giữ nguyên hay điều chỉnh dự kiến ngành, nghề?

– Nếu điều chỉnh thì điều chỉnh ở điểm nào?

B4. Xếp thứ tự ưu tiên các trường

Bốn tiêu chí do em tự đặt:

Thứ tự ưu tiên	Tên trường	Bậc đào tạo	Điểm mạnh của trường này với em	Điều em còn băn khoăn
1				
2				
3				

C. MINH CHỨNG NĂNG LỰC SỐ – AI

C1. Đối chiếu hai nguồn thông tin tuyển sinh

Thầy cô chiếu lên tivi thông tin tuyển sinh của cùng một trường lấy từ hai nơi. Em đối chiếu rồi kết luận.

– Trường được đối chiếu:

Dấu hiệu đối chiếu	Nguồn 1: trang chính thức của trường	Nguồn 2: trang tin trung gian
1. Địa chỉ trang có phải tên miền của chính trường không?		
2. Thông tin đăng ngày nào? Đã cũ chưa?		
3. Có dẫn được văn bản gốc (đề án, thông báo tuyển sinh) không?		
4. Số liệu chi tiết tới mức nào?		

– Hai chỗ hai nguồn nói khác nhau:

– Em tin nguồn nào hơn? Vì sao?

– Ba dấu hiệu cảnh báo một trang tuyển sinh không đáng tin:

C2. Chỉnh câu yêu cầu với công cụ trí tuệ nhân tạo

Thầy cô thao tác trên máy của lớp và chiếu lên tivi. Em ghi lại rồi so hai kết quả, cuối cùng kiểm bằng thông tin tuyển sinh chính thức đã tra ở mục B2.

- Câu yêu cầu lần 1 (chỉ nêu ngành):
- Câu yêu cầu lần 2 (thêm học lực, điều kiện gia đình, khu vực sinh sống):

Nội dung so sánh	Kết quả lần 1	Kết quả lần 2
Lộ trình máy gợi ý		
Trường máy nhắc tới		
Điều máy khuyên em rèn luyện		

- Thêm thông tin vào câu yêu cầu làm kết quả thay đổi thế nào?
- Đối chiếu với thông tin tuyển sinh chính thức, phần nào của máy đúng?
- Phần nào sai hoặc đã cũ, em loại bỏ?

D. LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

D1. Kế hoạch học tập theo định hướng ngành, nghề lựa chọn

- Mục tiêu của kế hoạch học tập:
- Thông tin chung về ngành, nghề lựa chọn:

Tên nghề lựa chọn	
Yêu cầu nghề	
Trường đào tạo	
Hình thức tuyển sinh	
Học vấn tối thiểu; bằng cấp, chứng chỉ	

– Kế hoạch thực hiện:

Tên các môn học để thi tuyển	Kết quả mong đợi	Biện pháp thực hiện	Thời gian hoàn thành

D2. Nhật kí ba tháng hè

Tháng	Việc em đã làm theo kế hoạch	Kết quả đạt được	Khó khăn và người em đã nhờ giúp
1			
2			
3			

PHỤ LỤC 2. ĐÁP ÁN NGẮN – GIÁO VIÊN NHÌN NHANH

1. Gợi ý đáp án phiếu kiến thức (tham khảo)

Nội dung	Ý chính (SGK nói gì?)	Ví dụ / số liệu	Rút ra điều gì?
1. Nội dung tham vấn về dự kiến ngành, nghề	SGK trang 69 yêu cầu chia sẻ hiểu biết về tham vấn ngành, nghề rồi thảo luận về nội dung tham vấn và dự kiến ngành, nghề lựa chọn.	Ba nội dung gợi ý: ngành, nghề dự kiến lựa chọn và yêu cầu của ngành, nghề đó; sự phù hợp giữa sở thích, khả năng, phẩm chất, năng lực của bản thân với yêu cầu của ngành, nghề lựa chọn; những yêu cầu rèn luyện đối với bản thân để đáp ứng được yêu cầu của ngành, nghề lựa chọn.	Tham vấn là hỏi ý kiến để mình quyết chứ không phải nhờ người khác quyết hộ; hỏi đúng người đúng việc thì ý kiến mới dùng được.
2. Thông tin cơ bản về các trường đào tạo	SGK trang 69 đưa khung thông tin cơ bản về trường đào tạo với chín mục, rồi yêu cầu tổng hợp thông tin về từng trường và trình bày kết quả thu thập được.	Chín mục: tên trường và địa chỉ liên hệ; tên các ngành đào tạo gắn với bằng cấp, chứng chỉ, thời gian đào tạo; mục tiêu đào tạo hay chuẩn đầu ra; hình thức tuyển sinh; yêu cầu về hồ sơ tuyển sinh; kinh phí học tập và chế độ học bổng, hỗ trợ người học; đội ngũ cán bộ giảng dạy và cơ sở vật chất; mức độ uy tín của cơ sở đào tạo theo xếp hạng của tổ chức đánh giá giáo dục có uy tín; cơ hội việc làm và cơ hội hợp tác quốc tế.	Chín mục là bộ khung tối thiểu để so hai trường cho công bằng; hai mục hay bị bỏ qua nhất là chuẩn đầu ra và chế độ học bổng, hỗ trợ người học.
3. Tham vấn ý kiến và xác định trường đào tạo	SGK trang 70 yêu cầu tham vấn ý kiến của thầy cô, gia đình, bạn bè về dự kiến nhóm nghề hoặc nghề lựa chọn, và dựa trên sự tham vấn có thể điều chỉnh dự kiến; sau đó xác định trường đào tạo liên quan đến việc học tập, hướng nghiệp của bản thân rồi chia sẻ, trao đổi với các bạn.	Ba cơ sở lựa chọn trường: yêu cầu về phẩm chất, năng lực của người lao động; thông tin cơ bản về nghề hoặc nhóm nghề lựa chọn; sự phù hợp của bản thân với nghề hoặc nhóm nghề lựa chọn. Sau đó xác định các ưu tiên trong lựa chọn trường đào tạo.	Điều chỉnh sau khi nghe tham vấn là dấu hiệu biết cân nhắc, giữ nguyên vì có căn cứ vững cũng là quyết định đúng; xếp ưu tiên phải cân nhiều tiêu chí chứ không chỉ cân điểm chuẩn.
4. Kế hoạch học tập theo định hướng ngành, nghề	SGK trang 70 đưa khung kế hoạch học tập theo định hướng ngành, nghề lựa chọn rồi yêu cầu chia sẻ với thầy cô, bạn bè và người thân; trang 71 nêu bốn việc cần làm khi thực hiện	Khung gồm ba phần: mục tiêu của kế hoạch học tập; thông tin chung về ngành, nghề lựa chọn với năm mục là tên nghề lựa chọn, yêu cầu nghề, trường đào tạo, hình thức tuyển sinh, học vấn tối thiểu cùng	Kế hoạch dùng được khi nổi được ba thứ: ngành đã chọn, các môn phải thi và khoảng cách giữa điểm hiện tại với điểm cần đạt; kết quả mong đợi phải đo được.

Nội dung	Ý chính (SGK nói gì?)	Ví dụ / số liệu	Rút ra điều gì?
	kế hoạch.	bảng cấp, chứng chỉ; và bảng kế hoạch thực hiện bốn cột gồm tên các môn học để thi tuyển, kết quả mong đợi, biện pháp thực hiện, thời gian hoàn thành. Bốn việc ở trang 71: tiếp tục bổ sung thông tin về trường; thực hiện kế hoạch; ghi lại kết quả sau mỗi khoảng thời gian; tìm sự hỗ trợ và tham vấn khi gặp khó khăn.	

2. Ghi chú cho phần Năng lực số – AI ở Phụ lục 1

Phần C1 – phiếu đối chiếu đạt yêu cầu khi cả bốn dấu hiệu đều được chấm cho cả hai nguồn và học sinh chỉ ra được ít nhất hai chỗ chênh lệch. Các mục hay lệch nhất giữa hai nguồn là chỉ tiêu, tổ hợp xét tuyển, điểm chuẩn năm trước và mức học phí. Kết luận đúng là tin trang chính thức của trường, vì đó là nơi công bố văn bản gốc; trang trung gian có ích ở chỗ tổng hợp nhanh nhưng dễ cũ và dễ sót. Ba dấu hiệu cảnh báo thường gặp: không dẫn được văn bản gốc, không ghi ngày đăng, và hứa chắc chắn đỗ hoặc yêu cầu nộp tiền giữ chỗ.

Phần C2 – hai câu yêu cầu phải khác nhau rõ: câu thứ nhất chỉ nêu ngành, câu thứ hai bổ sung học lực, điều kiện gia đình và khu vực sinh sống. Kết quả lần hai thường sát hơn ở chỗ nhắc tới bậc học và mức chi phí phù hợp hơn. Bảng so sánh đạt yêu cầu khi học sinh nêu được kết quả đối ra sao và chỉ ra được phần nào của máy đúng, phần nào sai hoặc đã cũ khi đối chiếu với thông tin tuyển sinh chính thức ở mục B2. Hồ sơ dùng để thử là hồ sơ giả định, tuyệt đối không nhập tên thật, điểm số thật hay số căn cước của học sinh nào.

Phiếu tự đánh giá phần này (dùng hai mức):

- Chấm đủ bốn dấu hiệu cho cả hai nguồn: Đạt hoặc Chưa đạt.
- Chỉ ra được ít nhất hai chỗ chênh lệch và kết luận nguồn đáng tin hơn kèm lí do: Đạt hoặc Chưa đạt.
- Viết được hai câu yêu cầu khác nhau và nêu được kết quả đã đối ra sao: Đạt hoặc Chưa đạt.
- Đối chiếu kết quả của máy với nguồn chính thức, chỉ ra phần đúng và phần cần loại: Đạt hoặc Chưa đạt.

3. Lỗi thường gặp và gợi mở

Lỗi 1 – câu hỏi tham vấn quá rộng như em nên chọn nghề gì. Gợi mở: yêu cầu đổi thành câu mà người được hỏi trả lời được bằng hiểu biết của họ, ví dụ hỏi thầy cô về học lực cần có, hỏi bố mẹ về điều kiện gia đình lo được tới đâu.

Lỗi 2 – khung thông tin trường bỏ trống mục kinh phí học tập và mục chuẩn đầu ra. Gợi mở: hỏi mỗi năm gia đình cần lo khoảng bao nhiêu, và học xong thì trường cam kết người học làm được việc gì.

Lỗi 3 – học sinh tin ngay trang tin trung gian vì trình bày gọn và dễ đọc. Gọi mở: yêu cầu tìm xem trang ấy dẫn văn bản gốc nào, đăng ngày nào, rồi mở trang chính thức của trường để so lại.

Lỗi 4 – bản ghi tham vấn chỉ chép ý kiến người lớn mà không có ý kiến của chính mình. Gọi mở: hỏi em đồng tình hay chưa và vì sao, nhắc rằng chưa đồng tình cũng phải ghi lí do.

Lỗi 5 – xếp thứ tự ưu tiên trường chỉ theo tiếng tăm, bỏ qua học phí và khả năng trúng tuyển. Gọi mở: yêu cầu chấm lại theo đủ bốn tiêu chí và hỏi trong danh sách đã có trường nào nằm trong tầm chắc chắn hơn chưa.

Lỗi 6 – cột kết quả mong đợi trong kế hoạch viết chung chung là học tốt hơn. Gọi mở: yêu cầu đổi thành con số, ví dụ điểm trung bình môn cần đạt, và hỏi từ điểm hiện tại tới đó còn cách bao nhiêu.

Lỗi 7 – học sinh chép nguyên lộ trình do máy gợi ý làm kế hoạch của mình. Gọi mở: yêu cầu đối chiếu từng ý với đề án tuyển sinh chính thức đã tra và hỏi máy có biết học lực thật của em không.

4. Bảng tiêu chí đánh giá

Tiêu chí	Đạt tốt	Đạt	Chưa đạt
Kiến thức, quy trình	Đúng và đủ ý; giải thích hoặc thao tác có dẫn chứng.	Đúng các ý hoặc bước chính.	Sai hoặc thiếu ý, bước cốt lõi.
Sản phẩm và dữ liệu	Rõ ràng, kiểm tra lại được nguồn; có nêu giới hạn và sai số.	Có sản phẩm và dẫn chứng cơ bản.	Chung chung, thiếu dẫn chứng hoặc đơn vị.
Năng lực số và AI (Phụ lục 3)	Đủ dữ liệu – chức năng – kết quả – người kiểm chứng.	Nêu đúng ứng dụng và bước kiểm tra.	Nhằm thiết bị thông thường là trí tuệ nhân tạo, hoặc tin tuyệt đối vào kết quả của máy.
Hợp tác, an toàn	Đúng vai, đúng giờ; trung thực và an toàn.	Hoàn thành nhiệm vụ cơ bản.	Thiếu phối hợp hoặc vi phạm an toàn.

TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm 2026
GIÁO VIÊN (Ký và ghi rõ họ tên)